

BĂNG SƠN



HÀ NỘI

RONG RUỐI QUẪN QUANH

- Tập văn -



BĂNG SƠN



HÀ NỘI

RONG RUỐI QUẦN QUANH

- Tập văn -



KIM ĐỒNG



Hà Nội rong ruoi quan quanh

- Tập văn -

NHÀ XUẤT BẢN KIM ĐỒNG

Xuất bản theo Hợp đồng sử dụng tác phẩm
giữa Chủ sở hữu và NXB Kim Đồng, 2013

Minh họa: **NGUYỄN TRƯỜNG**

Trình bày bìa: **TÔ HỒNG THỦY**

Tượng Vua Lê Bên Hồ gươm

Những ngày mùa thu, nước Hồ Gươm đầy ắp. Những ngày hè gió lồng lộng, tưởng như gió lặn trong lòng hồ, chiều đến gió mới cất cánh bay lên, quạt mát cho Hà Nội. Ai đến Thủ đô mà chẳng muốn đi dạo bên Hồ Gươm để được đắm mình vào làn gió ấy.

Nhưng có lẽ ít ai để ý đến một pho tượng đồng khuất sau những tán lá xanh rờn. Từ một bệ đá cao chót vót hình trụ tròn, mà chân bệ choãi ra như một chiếc trống đồng lịch sử; Lê Thái Tổ, mình mặc áo hoàng bào, đầu đội mũ bình thiên, đang uy nghi cầm kiếm nhìn ra phương Bắc. Pho tượng cổ, vật còn lại vào loại hiếm của Hà Nội. Thanh kiếm đã đi vào truyền thuyết. Truyền thuyết kể lại rằng: Khi còn hàn vi Lê Lợi đi đánh cá, kéo lưới lên được một thanh kiếm. Người đã dùng thanh kiếm đó khởi nghĩa, được Nguyễn Trãi giúp sức sau mười năm gian khổ nếm mật, nằm gai đã đuổi hết quân xâm lược nhà Minh ra khỏi bờ cõi. Khi lên ngôi, đóng đô ở Thăng Long - một hôm Người đi thuyền trên hồ Tả Vọng, có một con rùa vàng rất to cứ lờn vờn quanh thuyền. Người rút thanh kiếm báu ra, rùa liền đớp lấy thanh kiếm và lặn đi mất. Từ đó hồ Tả Vọng có tên Hồ Hoàn Kiếm. Ngày nay giữa hồ có một đảo nhỏ gọi là Gò Rùa. Về mùa thu, những ngày nắng hanh vàng, có nhiều con rùa lớn nổi lên, bò lên Gò Rùa phơi nắng ấm. Có lần người ta bắt được một con nặng hơn bốn tạ.

Tượng vua Lê đứng ở phía tây hồ, dựng vào năm 1888. Theo một số tài liệu thì khi Lê Thái Tổ mất (1433), ngoài việc cả nước nhớ ơn vị anh hùng dân tộc đã có công đuổi giặc, giành độc lập cho nước nhà, riêng làng Kiếm Hồ, tổng Tả Túc, huyện

Thọ Xương, kinh thành Thăng Long còn lập đền thờ riêng. Đền đó chính là chỗ sau này dựng pho tượng. Ngày nay chúng ta đi dạo bên bờ, có thể dừng chân chiêm ngưỡng pho tượng người xưa mà nảy sinh biết bao suy nghĩ về đất nước và con người Việt Nam.

Giặc Minh tàn ác. Lê Lợi đã đứng lên dựng cờ khởi nghĩa với Bình Ngô sách của Nguyễn Trãi mà nên công đại định.

Nhắc đến Lê Lợi, chúng ta không thể nào không nhắc đến Nguyễn Trãi. Đó là hình và bóng. Đó là thể xác và tâm hồn của một cơ thể.

Ngày nay Hồ Hoàn Kiếm nằm ở trung tâm Thủ đô, vừa là một di tích lịch sử, vừa là một thắng cảnh của Hà Nội.

Một buổi chiều nào đó đi dạo bên Hồ Gươm, ta nhớ lại đất thiêng từ xa xưa, Hà Nội còn là đất Long Đô, rồi Thăng Long, Đông Đô... mảnh đất này từng là một trong những cái nôi của dân tộc Đại Việt...

Ta đi, ta nghe trong gió hay từ đáy hồn ta, tiếng nói của cha ông, tiếng nói của Đất nước.

Với người Hà Nội, Hồ Gươm là một mảnh hồn mình. Ta không thể nào quên được cái gió xanh cứ bay lên... bay lên từ mặt hồ lồng lộng. Ta không thể nào quên những đám mây đầy lòng hồ và lòng hồ đã biến thành một khoảng trời xanh biếc... Dù đi xa ngàn dặm, ta vẫn nhớ về gương hồ xinh xắn đó, càng xa càng nhớ, càng gần càng thương.



Ngày nay, bên trái tượng vua Lê là trụ sở báo Đảng. Bên phải là nơi bán vé máy bay đường ngắn, đường dài trong nước, ngoài nước. Chung quanh Hồ Gươm nhiều ngôi nhà lớn đã mọc lên. Năm nay, kỉ niệm lần thứ 600 năm sinh của Người, tượng Nguyễn Trãi sẽ dựng lên trên đất Thăng Long - Đông Đô - Hà Nội lịch sử này. Chúng ta trân trọng giữ gìn, biết ơn vô hạn, thiết tha bảo vệ với lòng tự hào của ngày nay đối với lịch sử ngàn xưa.

Đất nước này từng sản sinh một Lê Lợi, một Nguyễn Trãi, một Hồ Chí Minh. Đất nước này sẽ xanh tươi mãi mãi, bền vững mãi mãi, như màu xanh của bầu trời đang soi bóng xuống Hồ Gươm và đậu vào vai người anh hùng còn đứng đó,

Cây bàng Hà nội

Hà Nội có những màu xanh đặc trưng, vừa quý giá như: Sấu tròn tán bốn mùa thường xanh, xà cừ hay đồ nhưng lực lưỡng

như lực sĩ, sung sức nên nhiều bóng mát. Sao đen thẳng vút thách thức cùng bão tố. Hoa sữa ngào ngạt đêm thu, mùa đông lại tự treo mình. Cây sữa (xin đừng nhầm là cây sưa) hoa nở trắng ngần tháng Giêng tuy ít ngày nhưng lộng lẫy khó loài nào dám thi cùng sắc đẹp. Cây cơm nguội đẹp trong màu vàng lá. Liễu buông tóc thướt tha vào bờ nước Hồ Gươm, với dáng si tình... rồi bằng lăng tím, hoa phượng đỏ...

Còn một màu cây khác, mang riêng tiếng nói của mình, mỗi mùa lại có tiếng ca riêng độc đáo, có dáng hình không giống một ai. Đó là cây bàng.

Rặng bàng Khâm Thiên đã đứng vững qua đêm bom B52 hủy diệt ngày 26 tháng 12 năm 1972, nay càng xanh tốt trải tán, mát rượi những trưa hè của cái phố chang chang đi đúng một đường từ đông sang tây nên còn được gọi là phố xích đạo. Phố Quán Thánh không nhiều, nhưng bàng đã cổ thụ điểm xuyết vào những tầng cây khác, bền gan trăm năm che bước cho người vào đền thờ Huyền Thiên Trấn Võ tịch mịch rêu phong, như chuẩn bị thêm cho lòng người một chút Lão Trang mơ hồ huyền thoại...



Vườn hoa Chí Linh có mấy chàng bàng khổng lồ ở đều bốn chung quanh nhà kèn từ đầu thế kỉ. Tiếc, khoảng đầu những năm 80 có một trận rét ghê hồn, tàn bạo hơn bom đạn, làm chết nổi cá rô phi Yên Sở và nó đã đánh gục một chàng bàng, thui chột một chàng khác, nên nay qua đây, vẫn còn thấy một khoảng trống, một nổi vắng tuênh trên bãi cỏ xanh như một người xa quên về. Xung quanh Hồ Gươm, cây bàng chịu thân thiếu số, kể cả màu hoa không rực rỡ, làn hương không ngát thơm. Phía bờ tây có ba cây, sân nhà Thủy Tạ một cây, trước cửa Rạp Múa Rối hai cây, gần đền Bà Kiệu xuôi chút ít thêm ba cây gầy guộc.

Có lẽ một phố từng có rặng bàng đẹp nhất, thân cứ nghiêng ra phía mặt đường, giao cành, khép tán để hào phóng theo bóng rợp xuống vai người, những thế hệ gái trai sinh ra sau những khoa thi đầy lều chõng với quan chủ khảo, đề điệu coi thi. Đó là phố Tràng Thi, mang cái tên vang vọng những anh khóa, thầy

đồ phút chốc thành ông Tú, ông Cử, ông Khôi nguyên, nay chỉ còn thư viện và nơi chữa bệnh cùng nhiều cửa hàng, cửa hiệu... Tràng Thi đã có nhiều nhà cao tầng, và đôi bên rặng bàng cũng phần nào bị thời gian khuất phục, và cả bọn một sâu cũng hành hạ khiến nhiều thân bàng chịu số phận hẩm hiu, đành có cây khác đến thế chỗ như cơm nguội, nhột...

Ngoài mấy phố chính ấy thì bàng cũng còn thừa thớt đó đây ở một vài nơi lẻ tẻ, hoặc làm lọng che sân trường, hoặc chen vào giữa màu xanh khác.

Nguyễn Đình Thi có bài thơ đã phổ nhạc, có câu: *“Gặp em trên cao lộng gió - Rừng Trường Sơn ào ào lá đỏ...”* không hiểu thứ lá đỏ ấy là lá cây gì, trút lá ra sao, có phải là cây bàng của Trịnh Công Sơn *“Cây cơm nguội vàng, cây bàng lá đỏ...”* hay không?

Cây bàng cũng là những công dân của Hà Nội, một loại công dân đặc biệt, mỗi mùa cần một thứ trang phục và điểm trang riêng, không chịu quanh năm chỉ một sắc màu nhàm mắt. Hãy bắt đầu nhớ từ mùa xuân có mưa bay lất phất, thứ mưa làm nao lòng người đi xa Hà Nội. Những tán bàng khẳng khiu tưởng như cần cỗi hết nhựa sống, chỉ còn chờ một hôm nào đó “ra đi”, bất chợt một hôm bừng mắt, ta gặp những tán bàng cao thấp như chiếc chân nến khổng lồ, ai đã châm lên ngàn vạn ngọn nến xanh, lập lòe rung rinh thấp vào hồn ta niềm lộc mới.

Tàn xuân, nắng mới, giao mùa. Từ những ngọn nến xanh đã xòe bung màu áo quan lục mới này, loáng ướm. Lá chen lá, cành chen cành. Tán cao tán thấp như cây khế khổng lồ được tạo tác bởi tay mẹ thiên nhiên cho bóng nắng tự ru mình trong gió dập dờn, mơn man da thịt khi ta đi dưới màu rợp mát. Lá bàng to bản, hình phiến, mang dáng trứng ngược, nên nắng đành thua,

không như cây hoa phượng thưa thớt, mỏng manh dễ nắng vẫn lột xuống vai người.

Mùa thu trữ tình Hà Nội đầy say đắm, lá bàng vẫn mượt như một loại sa tanh mà mỗi đầu cành lá đã chỉ chút những chùm quả chín vàng, bất chấp loài sâu róm làm thủng lá, có lúc trêu người, cây thả lộp bộp xuống vai người những quả bàng tròn mọng, rồi lăn lóc trên hè phố. Tuổi thơ ai chẳng thích ăn quả bàng đào, bàng mỡ, thoảng thơm. Quả bàng ngọt chìm trong chất, chất tan vào ngọt sẽ thành kỉ niệm tuổi học trò đuổi nhau tranh một quả bàng không thể quên mái tóc cặp trề tràng trên chiếc lưng thon người bạn gái. Những ngày cuối năm, rét ngọt nắng hanh hay cảm cảm mưa bụi, mỗi cây bàng mang một tâm sự kín thầm không biết san sẻ cùng ai, nên phải gửi những trang thư đỏ cho trần gian, từng trang cứ bay, cứ rơi khiến cành khô kia đau nỗi đau chia biệt mỗi chiếc lá ra đi. Có lúc ta nhặt được một lá thư đỏ ấy, cầm trong tay vô tình, lau đi lau lại làm nó bóng lộn như một mảnh sơn mài, không thể vứt đi phải mang về ép vào trang sách làm cái đánh dấu trang đang đọc dở.

Chợ đồng xuân

Thật may mắn Hà Nội có một Hồ Gươm ngay giữa trung tâm, đã trở thành biểu trưng, thành niềm tự hào cho mỗi người Hà Nội. Nhưng Hà Nội còn một chợ Đồng Xuân, nói như Nguyễn Du tả hai nàng con gái: Thúy Kiều và Thúy Vân

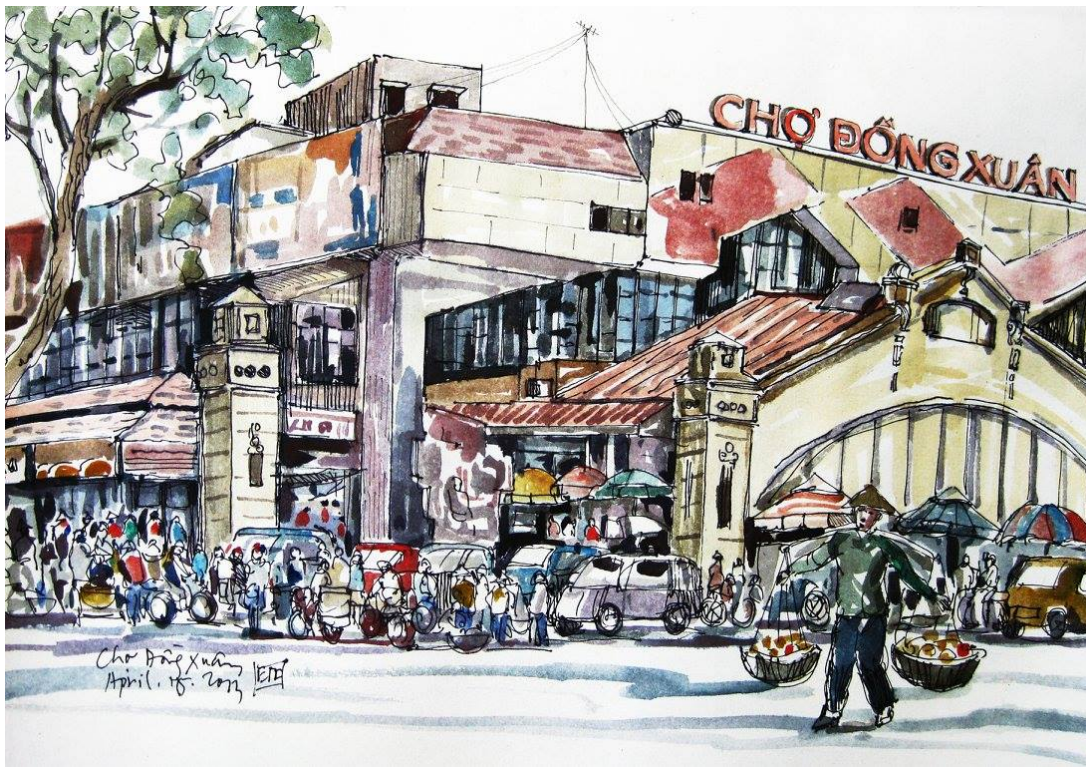
Mai cốt cách, tuyết tinh thần

Mỗi người một vẻ, mười phân vẹn mười.

Nói đến Thủ đô, không thể không nói đến chợ Đồng Xuân. Và ai dù ở bốn phương trời có dịp về Hà Nội, nếu chưa đi chợ

Đồng Xuân thì coi như mới biết một phần nhỏ, một góc bé, hoặc chưa đến Hà Nội.

Cách đây trên trăm năm khi con sông Tô Lịch chưa bị lấp hết, người dân Kẻ Chợ vẫn thường tụ họp ở hai cái chợ nhỏ ngay bên bờ con sông “vừa trong vừa mát” ấy. Một, tại chỗ Đền Bạch Mã phường Hà Khẩu (Hàng Buồm nay), một nữa nơi bến và chùa Cầu Đông, chỗ chàng thư sinh Tú Uyên mua được bức tranh mà gặp nàng tiên Giáng Kiều từ trong



tranh bước ra tạo nên thiên tình sử (số 38b Hàng Đường nay). Hai cái chợ nhỏ họp ngay ngoài trời trên nền đất trống, bến thuyền tấp nập, làng xóm đông vui, đổi chác sản vật quanh vùng và cũng phong phú đủ loại của nơi từng là phần hoa đô hội. Chợ còn họp lan sang đến Huyện Thiên (Hàng Khoai) cạnh đó.

Năm 1889, chính quyền thành phố của người Pháp dẹp mấy chợ này, dồn dân vào một cái chợ to hơn, là khu đất còn trống

trái của phường Đồng Xuân, mái tranh, vách nứa, rào chắn cũng chỉ là tre cắm xung quanh, ai vào phải nộp thuế chợ, nên nhiều người cứ họp chợ ngay bên ngoài.

Năm 1890, tức là cách đây 106 năm, mới bắt đầu xây dựng 5 chiếc nhà cầu, dài 52 mét, khung sắt, mái tôn kẽm, cao 19 mét, có chõng diềm thông thoáng, chợ Đồng Xuân chính thức hóa là một chợ to nhất Hà Nội từ ngày ấy. Tường xây dần dần được dựng và củng cố. Có 3 cổng vào chợ và 2 ngách, một thông sang Hàng Khoai, một ngõ nhỏ hơn thông sang Hàng Chiếu. Cho đến khoảng dăm chục năm gần đây, chỗ chợ Bắc Qua còn có xưởng dệt “Lơ Pa gio” (Le Page), sau xưởng dệt đóng cửa, thành sân đá bóng, và dần dần thành chợ, nhập vào với Đồng Xuân như ngày nay, rộng trên một vạn mét vuông.

Chợ Đồng Xuân đúng là thượng vàng hạ cám hiểu cả nghĩa đen và nghĩa bóng. Tất cả sản vật quý hiếm, ngon lành của khắp bốn phương, các vùng đất nước, đều có mặt ở chợ Đồng Xuân, từ vải vóc, tơ lụa, gấm nhung, đến con cá lá rau, thủy sản tươi sống, con cua bể, thúng rươi, cho đến nấm hương, măng rừng, quả núi... và cũng giống như tất cả các chợ Việt Nam: Hàng quà. Một cầu chợ riêng cho hàng quà. Bún thang nổi tiếng của bà Ấm, những xôi vò chè đường, những bánh cốm, xu xê, bánh trôi, bánh chay, cháo lòng tiết canh, bún ốc, bún riêu, bánh dày, bánh giò... cho đến thuốc lá Vĩnh Bảo, bát nước chè xanh, cũng nổi tiếng trong lành thơm thảo.

Các bà ngồi bán hàng tẩm, hàng khô (còn gọi là “la ghim”, thoát ý tiếng Pháp Les legumes là rau), bà nào cũng béo đẹp nước da hơi cộm nắng có lẽ phần ít vận động, phần hay ăn quà ngon thay bữa trưa, phần nữa quanh năm ngồi trong chợ không mưa nắng, bà nào cũng nói năng khéo léo, mời chào đon đả, nhưng cũng nói thách và chua ngoa như bất cứ một bà ngồi bán hàng nào, nên nhiều người thường kháo nhau: Yêu nhất chợ

Đồng Xuân nhưng cũng sợ nhất chợ Đồng Xuân. Không khéo thì “hớ” ngay, lại còn bị mắng...

Khoảng những năm năm mươi, trước cửa năm cầu chợ còn che chắn đủ thứ màn bằng vải xộc, cốt, bao tải để đỡ nắng cho các cô mặt hoa da phấn ngồi trên hàng loạt quầy gỗ cao, bán thứ vàng Mỹ Kí. Tối đến, gầm quầy là nơi trú ngụ của hành khất, kẻ vô gia cư, dân bốc vác... Sau năm 1954, các quầy nhếch nhác này mới được dỡ bỏ.

Tết đến, chợ Đồng Xuân tấp nập khác thường. Các bà, các chị cần mua sắm gì, Đồng Xuân có hết. Nhưng thường cũng chỉ đến 5 giờ chiều là đóng cửa. Cân miến tấu, kí lạp xường, chiếc giò lụa, hộp mứt sen, ít măng lười lợn, nấm hương, mộc nhĩ, con cà cuống... cho chí vải vóc, tơ lụa, gấm nhung lông lầy... Các cụ ông cần giò thủy tiên về tía giọt, quả phật thủ Lạng Sơn, chậu cây cảnh, con chim khiếu, và trẻ em thích con cá vàng, chục pháo dây... cô gái nông dân mua bộ khuy bấm, ông phán già tìm mấy chiếc cầu, lão tiền phu bằng gốm để gắn lên hòn non bộ... Chợ Đồng Xuân đã làm thỏa mãn tất cả.

Kháng chiến toàn quốc bùng nổ. Chợ Đồng Xuân nằm trong Liên khu một. Ngày 11, 12, 13 tháng 2 năm 1947, Pháp ném bom dữ dội toàn khu vực để hôm sau huy động hơn 400 lính lê dương từ nhiều phía tấn công chợ, xe tăng, thiết giáp từ Bắc Qua, từ Hàng Giấy ầm ầm lao tới. Lực lượng vệ quốc quân và tự vệ chỉ có 2 tiểu đội, gồm 19 người dưới sự chỉ huy của đồng chí Thanh Trường đã chiến đấu suốt từ sáng đến chiều trong sự chênh lệch rất xa về vũ khí. Chỉ với gậy gộc, mã tấu và sau là dao bầu, phản thít, chai lọ... nhưng quân Pháp để lại chiến trường hàng trăm xác chết da trắng, da đen mà không chiếm được chợ.

Cuối cùng các anh hi sinh gần hết mới chịu rút lui, để lại một trang vàng chói lọi về tinh thần yêu nước, và chiến đấu giữ gìn Hà Nội, một bên thô sơ nhỏ bé, một bên to lớn đầy đủ vũ khí...

Sau hòa bình (1954), chợ giữ nguyên dáng cũ với 5 cầu chợ. Mười năm trước, chợ được xây lên 3 tầng, giữ lại một trụ và 3 bức tường trước mặt để làm kỉ niệm. Năm 1994 một đám cháy khủng khiếp đã tàn phá hoàn toàn chợ, gây thiệt hại lớn.

Nay, chợ Đồng Xuân đã được xây dựng lại, thiết kế và thi công đều được rút kinh nghiệm của lần xây trước, có đủ hệ thống thông thoáng, cứu hỏa, cầu thang ra phía ngoài... và cuối tháng 12, chợ Đồng Xuân sẽ họp bình thường, để giải tán chợ tạm Phùng Hưng, trả lại con phố cong có chiếc cầu cạn cuối vòm khá đẹp như cũ.

Hà Nội đã có hàng trăm chợ to nhỏ như Hàng Da, Cửa Nam, chợ Hôm, chợ Mơ, chợ Dừa, chợ Bưởi, chợ 19 tháng 12, chợ Ngã Tư Sở, v.v... và hàng loạt chợ xanh, chợ cóc. Nhưng chợ Đồng Xuân vẫn là đàn chị về mọi mặt. Có nhiều người tuổi đã cao nhưng mỗi năm vẫn đi chợ Đồng Xuân một vài lần, chẳng cần mua sắm, chỉ ghé vào ăn một món quà cho thức lên kỉ niệm thời còn trẻ mới yêu nhau, đi dạo chơi ngắm chợ...

Tháng 12 lại về, người Hà Nội lại nhớ đến những ngày kháng chiến mà những người chiến sĩ quyết tử từ chợ Đồng Xuân đã thay mặt cả Hà Nội, giết giặc bằng mọi thứ, mọi cách, bằng tinh thần bất tử của Hà Nội, của Việt Nam.

Chợ Đồng Xuân vẫn luôn là niềm thao thức trong lòng người Hà Nội. Vào chợ, mua sắm hay chỉ dạo chơi, vẫn khác hẳn đi quanh Bồ Hồ, trên đường Thanh Niên hay đến công viên Thủ Lệ... Nó thực sự vẫn là cái chợ mang đầy tính chất của cái chợ Việt Nam, dù là chợ to nhất Thủ đô. Nó là lịch sử cũng là hiện đại. Nó là kinh tế, nhưng cũng là văn hóa. Mong sao chợ mới

Đồng Xuân sẽ buôn may bán đắt, ngày càng phát triển để nó là cái “dạ dày” của Hà Nội, là niềm ước mong của nhiều người chưa đến Hà Nội và cũng là đại diện cho tập nập, từng bừng của một Hà Nội không ngừng lớn lên!

1996

Trước Thềm xuân

Chuyến xe cuối cùng chở người khách cuối cùng rời bến, bò lên dốc, vượt cây cầu trong ngày cuối cùng của một năm đã thành năm cũ.

Dòng xuân đang mùa nước cạn, xoáy cũng nhẹ nhàng như khoáy tóc đỉnh đầu trẻ nhỏ, vô tình thế, trôi lững lờ, không ai nhìn thấy đám lục bình trong đêm mờ mịt sắp Giao thừa, chợt nhớ đến câu đồng dao ngộ nghĩnh, chỉ dựa theo vần mà đưa đẩy lời ca “*Một khoáy sống lâu, hai khoáy rỗi đầu, ba khoáy chóng chết, bốn khoáy hết tội...*”. Dưới ấy, qua mố cầu khổng lồ vĩnh cửu cắm vào lòng sông Cái, nước chảy né sang bên cạnh, dồn đẩy nhau thành hàng chục cái khoáy như thế mà chiều nay khi sang sông trở về ta bắt gặp để phút này hiện ra trong trí nhớ, xe đi, bác tài ơi, nhiều hơn bốn là điềm lành, là bình an vô sự, là đi đến nơi về đến chốn...

Cả người khách và nhà xe đang nghĩ gì trong cái dập dềnh của díp xe, đệm xe êm êm trên con đường cao tốc? Mấy tiếng đồng hồ nữa là cái mới và cái cũ bàn giao nhau. Bao nhiêu phút nữa, nhà xe sẽ đỗ lại bàn giao người khách cho cái bến ngang đường để khách về làng đã lập lòe ánh lửa chuẩn bị đón xuân?

Còn im ắng lắm. Chiêng trống chưa vang. Chuông đồng, khánh đá, mõ cầu kinh cũng chìm trong im lặng đợi chờ.

Người khách nghĩ: Thật rủi ro. Mình lỡ một chuyến tàu thành ra về muộn. Nhưng lại may thế, vẫn còn chuyến xe cuối cùng đợi mình đặt bước giày phong sương lên bậc lên xuống. Thời kì mới hay lắm. Có khi phải biếu ông tài lạng chè Thái làm quà chẳng? Chắc gì bác ấy nhận. Chuyến xe cuối cùng chỉ có một người khách như mình đâu phải chuyện kinh doanh lỗ lãi, và ông tài hẳn chả chạy chuyến này vì tiền... Bác ấy phải quay về trước khi năm mới, mới là cần.

Nhà xe nghĩ: An toàn, an toàn. Ở nhà chắc lũ trẻ đang ngồi quanh nồi bánh chưng chờ bố. Cành đào năm nay mình chở từ Tây Bắc về, được lắm. Hoa cứ tươi như màu má gái trinh, ửng thẹn, mẹ nó nguyệt dài thế là đồng tình lắm đây. Chuyến xe cuối cùng này hẳn ông khách sẽ nhớ suốt một đời người. Nếu không có xe, ông đón Giao thừa ở đâu, vật vạ ngoài đường ư? Ông có thể nào ngờ rằng nhà xe chúng mình lại chờ đợi để chỉ chở một mình ông cho kịp đón mừng năm mới với quê hương...

Nhịp máy đều đều. Đèn pha đèn cốt...

Con đường nghĩ: Mùa xuân đang đến. Đêm nay là đêm sum họp, xe còn hối hả thế vầy? Thì cứ đi đi, nhanh lên, ta nâng bánh xe, ta thổi khí dương hòa vào kính chớp. Ta chúc mừng, lời chúc vang dài nghìn cây số âm vang, âm vang cả hai năm...

Chiếc xe nghĩ: ... Cỏ bên đường nghĩ... Đêm cuối năm nghĩ...

Giờ này hương khói đã ngát thơm, nến đèn đã sáng trưng, chiếc ổ rơm làng xa, bộ sa lông thành phố, có đông đủ những người ruột thịt thân tình với nhau trong hồi hộp từng bừng, giờ phút của tổng cựa nghênh tân... cho nên con đường hóa thên thang, vắng lặng. Thế càng vui. Nếu con người đang lê bước lang thang phải dừng lại bên gốc cây, giữa lòng quán vắng, ngồi xuống mô đất... Khi biết Giao thừa, thì buồn cho người ấy biết bao nhiêu, và sẽ là nỗi buồn, niềm bất hạnh nhớ đời, nhớ cả

sang đời con cháu, khi câu chuyện kể lại rằng: Ngày xưa, cái Giao thừa năm ấy, ta lỡ hết tàu xe, gặp Giao thừa giữa đồng không mông quạnh, chỉ có một mình mình... Riêng chuyến xe cuối năm này, bác tài vui, mắt đầy tinh tảo vì trực ban đã bóc thuốc pha trà tiễn đưa trước khi xe chuyển bánh và chúc trở về trước Giao thừa. Lòng vui, tay vui, bác đang làm một việc tốt lành, một việc thiện, đem niềm vui cho người khác, trả lại bao mong chờ cho một gia đình, biết đâu, cho cả một dòng họ.

Khách cuối cùng, cũng vui vì mình gặp may. Niềm vui cuối cùng của năm hết Tết đến, vậy sang năm chắc còn nhiều may mắn đợi chờ mình gấp mấy mươi lần. Như nhìn thấy trong lòng tiếng reo ngổ ngàng của bầu trẻ nhỏ, giọt nước mắt rưng rưng của người vợ yêu thương, cái đuôi vẩy lia lịa của con chó khôn ngoan quần quýt.

- Lạy mẹ, lạy cha, con đã về đây... Tôi đã về kịp trước Giao thừa mình ạ. Nào các con, nhà ta ăn Tết thế nào?

Trên đường xa, chiếc xe quay về, đi như trong cô đơn, nhưng là sự cô đơn đầy ấp tình người của sự hoàn thành. Lại dập dềnh như sóng chở xe đi. Đèn pha đèn cốt... Thị trấn nào kia nằm cong cong theo quốc lộ, không một nhà nào còn mở cửa. Nhưng cũng không nhà nào tối om. Khe cửa gỗ, cửa chớp, khe cửa liếp, cửa phen... ánh đèn hắt ra nằm chéo mặt đường như sợi lụa vàng mỏng mảnh, như sợi dây chuyền vàng điểm trang cho mặt đường xuân... Xe lướt qua rừng mình cảm tạ đoạn đường ấm trong im lặng.

Bến đây rồi. Phòng trực ban vẫn sáng ánh đèn. Lá cờ đỏ hiện ra thành chiếc băng đỏ trên cánh tay người trực bến, chờ chiếc xe cuối cùng của ngày cuối cùng năm cũ trở về bình an, tươi cười bắt tay bác tài mở cửa... bước xuống đất bằng cái nhảy vượt bậc gỗ hàng ngày...

Lại vội vàng cho xe đi nghỉ, nằm ngoan xe nhé, năm mới sắp đến rồi, ta chúc Tết người trước, và hãy tạm chia tay...

Ngõ nhỏ đây rồi. Quen thuộc từ hình chiếc cột đèn, từ viên gạch vỡ... Chiêng trống chọt nổi lên vừa đúng lúc.

- Em chúc mừng mình năm mới...

- Tôi chúc nhà và các con...

Thế là đã qua cái giây phút cuối cùng, bước vào giây phút đầu tiên. Vẫn khung cảnh xưa nhưng năm cũ và năm mới gặp nhau, sao lạ lòng đến vậy. Sợi dây biên giới vô hình, không nhìn thấy được, không chạm vào được nhưng có thật, rất thật, thật đến nỗi ta cảm nhận vào toàn thân, nổi từng gai ốc trên da thịt...

Vừa xong một đoạn đường ngắn chở người khách cuối cùng...

Vừa xong một đoạn đường dài có 365 chặng ta đi...

Giá như ngày xưa thì nổ một tràng pháo vui mừng. Nay, mình ơi, ta mở chai rượu Tết. Hai chén sóng sánh như đêm xưa hợp cần. Mùa xuân, rượu xuân, tình xuân... Ta khởi hành vào năm mới, chặng đầu tiên, mình là người khách đầu tiên của tôi... ta cùng lên đường mình nhé...

Xin chúc mừng...

1995

Những ai Hà nội

Những cố đô Phong Châu, Mê Linh, Cổ Loa, Hoa Lư của một nước Việt Nam hơn bốn nghìn năm đã chỉ còn là hoài niệm trong sương khói lòng người. Một Phú Xuân non trẻ hơn nhiều,

còn vang vọng bóng dáng lãng tử đèn đài, dù đang thay da đổi thịt cũng chỉ là mộng mơ niềm thơ và đẹp.

Có lẽ chỉ có Tống Bình - Đại La - Thăng Long - Đông Đô - Đông Quan - trở lại Thăng Long rồi mang tên Hà Nội từ năm 1831 mới thực sự là một Thủ đô của lòng người trăm triệu và ngàn đời, cho đến phút giây này ta đang sống trong mùa cốm xanh thơm và vàng lá cây cơm nguội.

Cứ thấy mông lung trong hồn mình một Hà Nội vừa tha thiết u trầm chất phương Đông, vừa náo nức cái đua chen xô bồ hối hả một chất phương Tây hòa quyện khi ta nâng trên tay một bông cúc vàng đại đoá và loáng lướt bên ta chuyển xe tắc xi, khi ta vừa rời khỏi khách sạn máy lạnh và nhôm kính về căn phòng ta ở để hít hà một chén trà ướp hương sỏi quê làng...



Hình như không đâu bằng Hà Nội, chất nhuần nhị Việt Nam vẫn chứa chan say đắm lòng người, cho ta thuần khiết băng tâm.

Có nơi nào nhiều danh sĩ như Hà Nội? Cao Bá Quát nhà ở phố Đình Ngang, Phạm Đình Hổ cư ngụ nơi phường Hà Khẩu (Hàng Buồm), cả đến một người tung bút gió mưa viết nên bản tuyên ngôn đầu tiên “*Nam quốc sơn hà nam đế cư...*” là Ngô Tuấn - Lí Thường Kiệt cho đến một Ưc Trai hào hùng trong “*Bình ngô đại cáo*”, mà chứng tích còn ghi trong câu thơ “*góc thành Nam lều một gian...*” và rồi đến chàng trai xứ Nghệ trở thành công dân số một Việt Nam viết bản *Tuyên ngôn Độc lập* ở căn nhà 48 phố Hàng Ngang. Một Hồ Xuân Hương nổi loạn, một Nguyễn Du viết “*Long thành cầm giả ca*” ... một vụ đầu độc Hà Thành do vợ chồng người hàng cơm yêu nước phố Cửa Nam tham gia, cam chịu lên máy chém chứ không nhụt chí, đúng như câu nói dân gian theo nghĩa đen và nghĩa bóng “bán cơm không bán nước”.

Lại cũng hình như không nơi nào có những món ăn kì thú bằng Hà Nội được liệt vào hàng văn hóa ẩm thực để mỗi khi nói đến nó phải nghĩ ngay về Hà Nội và khi nói về Hà Nội là nhớ ngay đến nó.

Phở là món hoàn toàn Việt Nam, phở Bắc là ngon nhất, mà phở Hà Nội là nàng hoa hậu của mọi loài phở Bắc, dù ngày nay ta đến bất cứ nơi nào trên khắp đất nước cũng đều có phở.

Các cụ xưa đã biết ăn chả cá, gọi là món khoái và món trá, lâu ngày đọc chệch ra thành chả, cả chả cá và chả thịt lợn... nhưng hình như vẫn là Hà Nội, nhà họ Đoàn, số 14 phố Hàng Sơn làm ngon nhất, đến nỗi tên phố Hàng Sơn mất đi, thay bằng tên phố Chả Cá.

Mùa thu có cốm Vòng. Hà Nội đấy. Tết rục rờ hoa đào để dân thường cũng có thể thành Từ Thức lạc bước tới non tiên, hoặc Lưu Thần - Nguyễn Triệu đến Thiên Thai giữa muôn vạn

hồn hoa rung rinh cùng xuân sớm. Dinh đào Nhật Tân, Quảng Bá, Phú Thượng... vẫn là Hà Nội.

Trả thiên nhiên cho trời đất, ta trở lại đời, đi trong hương thu bằng bạc hương hoa sữa lúc hoàng hôn, một thứ hương tình ái mê mết, ta sống lại cùng mùa này cách đây tròn 43 năm, ngày 10 tháng 10 năm 1954. Hà Nội tung bay cờ giải phóng. Hà Nội vinh dự là điểm khởi đầu và kết thúc cho cuộc trường kì kháng chiến chín năm gian khổ, từ lúc tiếng thần công làng Láng âm vang cho đến lúc tên lính xâm lược cuối cùng rút đi qua cầu Long Biên. Cũng trời thu này, không gian này, lòng người này. Hà Nội đã qua một chặng đường mà mỗi ai được sống trong đó phải lấy làm may mắn một đời.



Một thời hào hứng thi đua cách mạng, một thời bao cấp khó khăn, một thời mở cửa từng bừng. Hồ Tây năm ấy chỉ có vùng

hoa và tôm cá nay đã cao vút nhà tầng có đẹp và không đẹp, có dân tộc và có lai căng (đúng ra phải nói như cụ Vương Hồng Sển là lai căn).

Ngược lên chút ít, Hà Nội là nơi mở đầu cho một tuần lễ cướp chính quyền thành công trên cả nước, khắp chiều dài mấy nghìn cây số (không kể mấy vùng chiến khu rừng núi), mà quảng trường Nhà hát Lớn chứng kiến từ cuộc mít tinh ngày 17 tháng 8 năm 1945, dẫn đến khởi nghĩa rầm rộ vào ngày 19 tháng 8.

Hà Nội đang có phong trào người có tiền mua đất làm nhà dân ra ven nội, những Gia Lâm, Nghĩa Đô, Cống Vị, những Giáp Bát, Thanh Trì. Chứ nhớ lại mùa thu 1954, từ khu phố cổ ngày nay, nói đi ra Bạch Mai, chợ Bưởi, cửa ô Đống Mác (hay ô Ông Mác) đã ngại ngần vì xa xôi cách trở phiền hà. Phố Bạch Mai còn chềnh ềnh đường tàu điện đặt nổi như đường xe lửa, phố Lò Đúc có Cây đa Nhà bò gần ô Đống Mác đã heo hút rợn người. Ngay giữa phố Huế, số nhà 260, còn gọi là Quán Trung Đồ, nghĩa là quán giữa đường, xe tang ngựa kéo, đến đây đã xa xôi mỗi mết, phải dừng chân tạm nghỉ để lấy sức đi tiếp đoạn đường chia li tử biệt.

Mùa thu năm ấy, nội thành có chừng vài chục vạn dân, chưa có những con đường dài rộng mấy làn xe, chưa có đèn đỏ xanh tín hiệu, cũng chưa có những ánh đèn cao áp hồng gương mặt người đi đón giao thừa. Đây là một Hà Nội đêm đêm vắng vắng tiếng rao quà thê thiết nao lòng. Những hàng hoa ban tím trên đường Thanh Niên chưa có, những cây xoan tây phố Nguyễn Công Trứ mới đến vai người, giữa hoang vu khu nghĩa địa Tây, có người đô tùy già say rượu suốt ngày đêm để tự quên thân phận khốn cùng phải đào mồ róc xương đầy ròi bỏ cho kịp chuyển tầu về “mẫu quốc”.

Không hiểu ai là người đặt ra cái chữ “cao xà lá” để gọi khu công nghiệp phôi thai Thượng Đình? Nói gì đến khu chế xuất hay công nghệ cao như mùa thu này ta đang chứng kiến.

Những ai công dân ra đời vào mùa thu ấy, mười tám tuổi đã chứng kiến trận chiến tranh hủy diệt bạo tàn nơi phố Khâm Thiên nhưng may thay, ngoài hai mươi tuổi họ được hòa vào không khí chiến thắng hoàn toàn giải phóng miền Nam năm 1975. Nay, họ là ai? Đã như đàn chim tung cánh bốn phương trời, có người ngã xuống nơi chiến trường ác liệt Tây Nguyên, miền Nam, Trường Sơn, biển Đông? Chắc chắn nhiều người đang là nòng cốt, trên nhiều lĩnh vực xây dựng một Hà Nội đang hoàng to đẹp: Giám đốc, chủ tịch, chuyên viên, nhà báo, nhà văn, kiến trúc sư, thợ lành nghề, người bán hàng hay phi công, cô giáo và người chỉ huy giao thông công cộng. Những con ong cần mẫn đó đang là một phần của hơn bảy mươi triệu người Việt Nam.

Những người năm ấy, nay ai còn ai mất? Hà Nội vẫn đi tiếp con đường của mình từ khi ông vua sáng suốt Lí Công Uẩn thấy con rồng vàng bay lên, qua những tao nhân mặc khách tài tình để lại tâm hồn bất hủ cho Hà Nội, cho đến những người vô danh, dân dã góp phần làm ra một Hà Nội hào hoa, thanh lịch từ một tà áo bay như cánh bướm cho chỉ một món ăn ngon lành không nơi nào bì kịp, một Hà Nội thiêng liêng, nơi có Bác nằm yên nghỉ vĩnh hằng.

Tháng Mười lại về, thấp thoáng bóng người bán con chim ngói, đan xen cùng cô hàng cốm thong dong, những sáng se lạnh, những đêm như mơ, ta cảm nhận vào lòng niềm hạnh phúc lâng lâng khi ta có một Hà Nội đã lớn gấp hơn mười lần lúc Thạch Lam còn sống, từ sáu phố phường, nay là khoảng bốn trăm phố xá, cùng những nẻo đường dài rộng dẫn về bao nẻo quê xa. Có thể Hà Nội của ta không có được những

cao ốc mấy chục tầng hay ngọn tháp chọc trời, nhưng ta có một Hà Nội ngàn năm văn hiến, nó tiềm tàng trong lòng dân tộc, trong lòng mỗi người, cùng với câu ca dao, đúng ra là:

Không thơm không thể hoa nhài.

Không thanh lịch chẳng ra người đế kinh...

Nước Hồ Gươm cứ tha hồ đầy lên đi. Hà Nội ta đang trong những ngày trong vắt của mùa thu quyến rũ. Xin được làm một cành lá cho đường phố tươi xanh...

Tháng 10 / 1997

Tứ Trấn

Tại sao Hà Nội lại có câu “Trai tứ chiếng, gái giang hồ”? Thời ấy, Hà Nội phân chia đẳng cấp khá ngặt nghèo. Phụ nữ ra đường là phải mặc áo dài, guốc giày nghiêm chỉnh. Đi chân đất, áo cánh, đầu không khăn... hoặc chiếc quần lá tọa, lưng cởi trần... người ta phân biệt ngay đó là loại người thuộc thành phần nào. Gái giang hồ son phấn lòe loẹt, nói năng bồ bã... khác hẳn con nhà khuê các, lời ăn tiếng nói dịu dàng, thưa gửi... Và trai tứ chiếng cũng là loại người bị “các tầng lớp trên” khinh thị vì hành động lỗ mãng, vì nghề nghiệp vất vả làm than, vì lời nói ngang tàng, vì nhiều thứ khác mà người Hà Nội cho là thiếu hào hoa phong nhã. Tứ chiếng là người từ bốn phương đổ về Hà Nội, có thể có nghề tinh xảo trong tay muốn thi thố tài năng, muốn lập nghiệp ở thị thành Kẻ Chợ, nhưng cũng có thể chỉ là những người nghèo khổ, đến Thăng Long để sống qua ngày, nên họ chưa một lúc hòa nhập vào với nếp sống một Hà Nội hào hoa.

Thực ra “tứ chiếng” là đọc chệch ra từ tứ trấn. Hiểu theo một nghĩa rộng thì Hà Nội được coi là trung tâm đất nước. Bao quanh kinh đô là bốn vùng rộng lớn, gọi là tứ trấn. Phía Bắc là trấn Kinh Bắc gồm từ Bắc Ninh, Bắc Giang đến Lạng Sơn... Phía Đông là trấn Hồng Châu gồm cả Hồng Châu Thượng và Hồng Châu Hạ, nay gồm vùng Hải Dương, Hưng Yên, cả Hải Tàn Phòng Thủ gọi tắt thành Hải Phòng, cho đến Quảng Yên, Vân Đồn... Trấn xứ Đoài nằm phía tây gồm Sơn Tây, Hưng Hóa, Tuyên Quang cho đến Sơn La, Lai Châu có sông suối, núi rừng và phía nam là trấn Sơn Nam gồm menh mông một vùng Sơn Nam Thượng và Sơn Nam Hạ tức vùng Nam Định, Phủ Lý, Thái Bình ngày nay...

Tứ trấn ấy là phen giầu cho kinh đô. Trai tráng, quân binh cho đến sĩ phu quan lại, nếu không từ đấy thì hẳn kinh đô không thể có một đời sống bình thường trong chiều dài hòa bình cũng như trong chiến tranh giữ nước. Hơn nữa, 36 phố phường, làm gì có đất cho cây lúa mọc thành gạo tám thơm, thành cây chuối ngự, thành chiếc bánh gai Ninh Giang, thành con cá anh vũ, thành những người thợ mộc, thợ nề tài hoa sáng tạo để tạo dựng một kinh thành nghìn năm hoành tráng, cong vút mái đền đài, lộng lẫy những chạm khắc tinh vi cùng hào hoa, vải vóc, lụa là gấm đoạn... Xem kia, người thợ kim hoàn Châu Khuê của Hồng Châu, nơi gần quê hương người anh hùng xưa xa Phạm Ngũ Lão đất Thanh Miện, Đường Hào... hoặc ông nhà văn Phạm Đình Hổ làng Đan Loan, ông lang y thần diệu Tuệ Tĩnh... Tứ trấn là mạch sống, nguồn sống cho Thăng Long. Tứ trấn đã cung cấp cho đô thị nguồn nhân lực, vật lực, tài lực suốt bao thế kỉ, cho đến ngày hôm nay một Hà Nội thời mở cửa thì từ con cua, cái ốc, con cá, lá rau đến những nhân tài trong thơ văn, trong khoa học, trong kinh tế... Hà Nội không thể nào thiếu tứ trấn, cũng như không thể thiếu sự mở rộng ra cả các

“trấn khác”, từ miền Trung dăng dặc cát bỏng gió Lào đến miền Nam cánh cò sải mỗi...

Hát xoan Vĩnh Phú, hát quan họ vùng Lim, chọi trâu Đồ Sơn, đèn Kiếp Bạc, Côn Sơn đất Chí Linh, hội Phủ Giày Vân Cát (Hà Nam) núi Tản oai hùng, sông Đà ánh sáng... Hà Nội biết ơn tứ trấn lẫm lẫm như người nuôi nấng, như người chị thân thương, như nguồn sữa ngọt ngào, như lời ru man mác...

Cái danh từ “tứ chiếng” đầy khinh thị và ngạo mạn đã không còn lí do tồn tại. Người Hà Nội hôm nay hiểu rất rõ mình sống nhờ đâu, khi trên những cánh đồng nắng mưa, trên triền sông gió bão, trên núi rừng trùng điệp, ngoài biển khơi hải hùng... luôn có những con người, những tâm hồn vì một Thủ đô yêu dấu mà gắng gỏi không ngừng.

Ngày nay không ai còn kì thị xem ai là người Hà Nội gốc. Từ thời xa xưa đây là làng Long Đỗ, ai là con cháu bà Tấm hay họ Lí, họ Trần của vương triều Lí Thái Tổ hay Trần Nhân Tông?

Những ai đang có mặt ở Hà Nội đều là người Hà Nội, là dân của “Trấn Hà Nội”, đều có nhiệm vụ dựng xây Hà Nội, làm cho Hà Nội ngày một đẹp hơn, đáng yêu hơn, to rộng hơn.

Ngoài nghĩa rộng của tứ trấn ấy thì còn một nghĩa hẹp nữa. Theo thuyết phong thủy nghìn xưa để lại, kinh thành nào cũng cần phải có những vị thần giữ yên cho sơn hà, xã tắc. Thông thường, bốn phương Đông - Tây - Nam - Bắc, mỗi phương đều có một vị thần cai quản.

Hàng Buồm nguyên là phường Hà Khẩu, vẫn còn ngôi đền sơn đỏ nằm lẫn vào ồn ào mua bán. Đó là nơi thờ thần Bạch Mã, thần Ngựa Trắng, theo truyền thuyết từ thời Cao Biền, thần xuất hiện trong thân ngựa màu trắng, đi vòng một vòng, từ đó mà dựng lên kinh thành. Đó là vị thần trị nhậm hướng Đông. Loại trừ những dị đoan có thời kì người ta đưa nhiều vị thần

khác vào thờ chung, có vị chỉ là một nhân vật trong truyện Tam quốc chí. Đền Bạch Mã vẫn còn là ngôi đền hương khói sầm uất quanh năm.



Phía Tây kinh thành, trên đất làng Thủ Lệ nay là vườn thú vẫn còn ngôi đền nhỏ nhưng khắp khếnh bậc đá, xạc xào rừng trúc, um tùm bóng muồm, cây xanh... thờ thần Linh Lang Vương, nguyên là một hoàng tử có công đánh giặc ngoại xâm, được phong thần, trấn giữ phía Tây. Ngoài cổng đền có đôi voi đắp bằng vôi gạch, quỳ phủ phục, nên dân gian gọi quen thành đền Voi Phục.

Phía Nam kinh thành, tiếc là đền thờ vị thần trấn giữ vùng này không còn định vị rõ ràng. Có người bảo đã mất đi, vì khi Đàn Nam Giao được dựng lên, rồi sau đó là nhà máy Diêm, và sau nữa là nhà máy Cơ khí Trần Hưng Đạo và nay là quán bia nhậu nhẹt lu bù... đền thổ thần đã mai một. Người khác lại nói

đền đã được chuyển về thờ chung ở đình làng Kim Liên ngày nay. Không biết thực hư ra sao, phải chờ các nhà nghiên cứu xác định thêm.

Phía Bắc, dưới bóng hàng muôm già cổ thụ mấy trăm năm. Đền Quan Thánh (thực ra phải gọi là Quán Thánh mới đúng) là nơi thờ thần Trấn Vũ hay Chấn Vũ, vị thần áo đen, trấn giữ phía Bắc kinh thành. Pho tượng trên bốn tấn đồng đen vẫn là một trong vài pho tượng to nhất nước ta, tạc vị thần đầu trần, tay cầm kiếm có răn quán quanh, chống lên lưng con rùa, tay bắt quyết như đang đuổi tà ma. Đây là di tích được bảo tồn khá tốt. Đền có cả một người thợ đúc, ông Trùm Trọng, người thợ đã đúc nên pho tượng khổng lồ Chấn Vũ. Tượng tạc bằng đá, tiếc là gần đây ta tô xanh, tô đỏ lên thành ra giảm giá trị của pho tượng cổ.

Tứ trấn theo nghĩa hẹp vẫn còn đó. Đây là đời sống tâm linh con người. Loại trừ những yếu tố thần bí và mê tín, người Hà Nội vẫn coi trọng việc nhớ ơn tiên tổ, nhớ ơn những người có công với đất nước, với kinh thành, với dân tộc.

Trong cuộc sống đô thị tấp nập, đôi khi cần một chút thư thả, ta chỉ quá mấy bước đường đã gặp cảnh thanh u tịch mịch, lắng hồn mình vào thời gian, nghe vãn chuyển lịch sử, rũ bỏ bụi bặm hồng trần, nếu đúng lúc, ta nghe được hồi chuông thu không lan tỏa, tiếng mõ âm u, câu khấn nguyện tâm thành... lòng mình càng thêm thanh tịch. Đó chính là một Hà Nội vừa hiện đại, vừa cổ kính, ít có thành phố nào có được.

Tứ trấn, tứ chiếng, hiểu theo các nghĩa khác nhau... ta chấp nhận thời gian và lịch sử. Hà Nội là trung tâm của cả nước hiểu theo nghĩa trái tim. Hà Nội là tình yêu của bất cứ một người Việt Nam nào từ Lạng Sơn đến Cà Mau. Và Hà Nội cũng là của chung của toàn dân tộc, không ai có thể độc quyền giữ Hà Nội

cho riêng mình. Cơn gió thổi từ xung quanh vào Hà Nội. Cơn gió đi từ Hà Nội tỏa ra khắp miền... đều là tiếng của yêu thương, cho nên Hà Nội luôn tự vang lên một yêu cầu: Mỗi con người đều phải góp phần làm Hà Nội ngày một đẹp lên chứ không được làm ngược lại.

1997

Bến xuân

Cuộc đời như dòng sông không bao giờ ngừng nghỉ. Ta là con thuyền bèo trôi qua những bến xuân. Có thể ta giương lá buồm nâu buồm hồng, có thể ta chèo tay khỏa mái, có thể ta lắp chiếc máy nổ mà tăng tốc... Nhưng ta không ngừng lại. Ngừng lại là chết, là tụt lại phía sau, là nước xô ta, hết đà vượt sóng...

Ta đã qua bao nhiêu bến xuân của mỗi đời người, từ mùa xuân trẻ thơ đất nước đến mùa xuân ấu thơ của mẹ cho ta. Ta từng được mẹ đun cho nồi nước lá mùi già rửa mặt sáng mừng một Tết, thứ hương thơm vườn nhà, thứ hương thơm kỉ niệm, thứ hương thơm của thương yêu mà sau này dù ta là nhà doanh nghiệp lớn, là thi sĩ tài danh, là cán bộ cấp cao, là nhà ngoại giao cừ khôi... có đủ thứ nước hoa hảo hạng, cũng không thể nào đánh át đi được thứ hương thơm dân dã, dân tộc ấy trong hồn ta, mỗi khi xuân về.

Nghìn năm nhà tranh mái lá, đông về chỉ mặc chiếc ổ rơm, mẹ ta khoác tấm áo dài nâu may từ thời con gái, mẹ ôm ta vào lòng, phả hơi trầu thơm ấm vào toàn thân ta, trước khói hương, đèn nến lung linh phảng phất bóng hình tiên tổ, cả Thần Linh, Ngọc Hoàng, cả vợ chồng ông Táo lấm lem tro than, cả xanh đỏ tím vàng ông Lộc, ông Phúc từ hai tờ tranh Đông Hồ dán trên hai cánh cửa hiện ra cùng con lợn xoáy âm dương, con gà mắt

vàng màu hoa dành dành... mà mỗi Tết đến, ta lại bé thơ hồi tưởng, ta lại thấy chị ta giở cỗ bài tam cúc mua hôm phiên chợ cuối năm ra...

Không hiểu trong những căn phòng đệm êm, màn nhung, tường xanh, ghế gấm, đồ pha lê hiện đại... thì Tết đến thế nào, phút Giao thừa ngân vang hồi trống đình làng, hồi chuông chùa đổ... có ai đứng thấp nén nhang thành kính nhớ về cội nguồn, cầu cho mưa thuận gió hoà, cho nước non thịnh vượng, cho gia tộc an khang, cho cả nhà mạnh khỏe, phát tài phát lộc...

Ai đã từng hạnh phúc được nhận từ tay bà, tay mẹ, tay cha chiếc phong bao giấy hồng, đựng tiền mừng tuổi sáng hôm mừng một Tết, hồi hộp run run đợi chờ phút giở ra xem, thấy đủ loại tiền, từ đồng kẽm gọi là đồng Bảo Đại, cứ sáu đồng thì ăn một xu, đến đồng xu đồng, một trăm xu là một đồng bạc, nếu đem đồng xu di di dưới gót, nó sáng loáng, đem làm đồng cái để đánh ván đáo thì cả mùa xuân là mùa hội, thêm tờ giấy bạc một hào, hai hào, nhà giàu thì có cả đồng bạc có người gánh dĩa, người phụ nữ đội khăn... Tiền mừng tuổi không đưa trực tiếp mà nhất thiết là để trong phong bao màu hồng điều, không hiểu được chuẩn bị từ lúc nào những hôm trước Tết, như một bí mật của kho châu báu, Tết đến mới có câu thần chú: "... Vừng ơi, mở cửa ra...".

Hôm gói bánh chưng, cha chặt cuống lá, tuổi thơ vớ lấy vài cái cuống còn dính chút lá, nó không còn là lá, mà đã có phép thần tiên, biến thành lá cờ đuôi nheo tí tẹo, bay vào tưởng tượng, bay trong gió từ hồn, bay đi theo bước chân sang hàng xóm gọi bạn... Trong nồi bánh, thường là chiếc nồi ba mươi, thứ nồi có thể đủ cơm cho ba mươi người ăn, giống như niêu mốt là thổi cơm cho một người ăn, thứ nồi đồng điều đỏ au, có vai, có thành choãi ra như một bức tường thành, trong nồi bánh ấy thế nào chả có một chiếc bánh chưng gù téo tẹo, sợi lạt hóa

chiếc vòng, xỏ vào ngón tay, đi khắp xóm mà khoe bạn... để chơi mà chẳng cần ăn, và nhà có nhiều hay ít bánh, cũng chỉ một mình người bé có chiếc bánh chưng gù như thế. Hình như nó không phải được gói bằng những nắm gạo cuối cùng, viên đỗ xanh cuối cùng, miếng thịt cuối cùng... mà gói bằng toàn bộ thương yêu, quý mến của mẹ cha cho bé...

Tháng củ mật là tháng Chạp rét ghê người, trời tối đen như mực, tháng cần giữ gìn từ đi xa về gần, từ thúng gạo đến con gà cho khỏi mất trộm... đã qua. Hôm nay là hăm chín, ba mươi Tết rồi. Bàn thờ đã được quét dọn. Chiếc bát hương được thay tro mới. Bộ đài nước, chân nến, chân đèn đã được cọ rửa sạch bong. Bố đã xin được đôi câu đối bằng giấy đỏ dán hai bên cột. Chữ “Nho”, chả hiểu nói gì, nhưng nó linh thiêng, nó tươi tắn, nó làm ấm căn nhà, nó gieo thêm hi vọng. Hai bên câu đối cũng được buộc hai cây mía tím: Gậy ông Vải đấy chứ không còn là cây mía bình thường. Ông Bà Tổ Tiên, đường xa, chân mỏi, cần gậy chống để về ăn Tết với cháu con, nhà nghèo cũng đi phiên chợ cuối năm mua cho bằng được để tỏ lòng hiếu thuận lúc sang xuân.

Hồi hộp nhất vẫn là từ chiều ba mươi Tết. Thông thường, Tết Trung thu mới có đám múa sư tử, múa lân, rước rồng... Còn đêm Giao thừa, thường ít trò chơi công cộng. Đây là giây phút thiêng liêng, dành riêng cho đoàn tụ sum vầy trong gia đình ruột thịt, hầu như không thể có trò vui chơi nào thay thế được sự họp mặt, đoàn viên đầy đủ ông bà, cha mẹ, anh chị em, ôn câu chuyện cũ, ước mong niềm vui mới, uống ấm trà, ăn viên mứt, ngắm cảnh hoa, ngửi mùi hương từ bàn thờ, từ mâm ngũ quả...

Cho đến trước Cách mạng tháng Tám, phong tục từng đàn trẻ em rồng rắn, cầm ống tre đi “xúc xắc xúc xẻ”, cầu tốt lành trước cửa từng nhà để nhận những đồng tiền mừng tuổi...

không còn nữa. Tối Giao thừa, mỗi gia đình thành một khoang thuyền, thành một tổ ấm, thành một thiên đường cho hạnh phúc.

Ở thành phố lớn, những nhà doanh nghiệp, những cơ sở sản xuất cũng đã thanh thoi sau một năm lo toan nỗ lực. Đây là lúc ngồi bên chén rượu chờ xuân, kiểm điểm lại thành bại năm qua, vui buồn vận hội, rút kinh nghiệm thời cơ, hi vọng sang năm mới càng phát đạt.

Hình như mùa xuân là hi vọng, là mong chờ nên mới có phong tục hái lộc. Không phải là đi bẻ hay đi chặt một cái cành to sụ đầy những bụi bậm thảng hanh khô, mà là từ chiều ba mươi, ra vườn nhăm sẵn một cành có lá có hoa. Sau Giao thừa, trời tối đen như mực, ra chỗ ấy, hú họa ngắt lấy một cành, đem vào nơi sáng ánh đèn, ánh nến mà đếm chẵn lẻ hoặc xem hoa, xem nụ... Cũng có thể ra đình, vít lấy một chiếc ngọn đa còn nguyên búp, lên chùa hái một cành khế lúc lử quả chín... để ước ao tài lộc xum xuê như thế. Cành lộc được cắm vào bình hoa trên bàn thờ, hoặc giắt vào mái nhà, nó khô đi cũng không sao, gần Tết sang năm mới thì thả xuống giếng cho mát lạnh. Một tục lệ mà cũng là một ước đoán đầy mơ ước, nay có người hái lộc mà vác cả một cành cây ngẫu nhiên, làm thui chột cả cây cối thì chỉ là người phá hoại môi sinh chứ không còn là mơ cái đẹp cái lành.

Lâu nay, các đô thị lớn có phong tục đi đón Giao thừa nơi công cộng, với áo quần xênh xang, thời trang đủ kiểu, nước hoa xa lạ thơm lừng, trai thanh gái lịch ngắm nhau, rồi sau Giao thừa về, tự xông nhà mình lấy may.

Tục xông nhà đã có từ lâu lắm. Thường, gia chủ hẹn trước một ai đó có “vía lành”, người vui tính, người thành đạt, nhà doanh thương lớn, người hạnh phúc đầy đủ, cha mẹ song toàn, con cái ngoan ngoãn, làm ăn thịnh vượng... sáng mừng một Tết

đến “xông nhà”. Khách xông nhà đến cửa, đốt một bánh pháo mừng. Gia chủ đốt một bánh pháo măn địa hồng đáp lễ. Câu chào lời chúc, chén rượu, ấm trà, đĩa mứt... (cũng có khi là mâm cỗ) rôm rả ngày đầu xuân, phút đầu xuân. Chỉ sau khi có người xông nhà, các thành viên trong gia đình mới được bước chân ra khỏi cửa, hàm ý: Mùa xuân, cái tốt lành phải vào nhà chứ cái tốt lành không thể từ nhà mà đi ra. Nếu làm ngược lại là “rông” cả năm, mang nhiều điều không may, vận hạn cho gia đình.

Phong tục kiêng cử cũng vẫn được duy trì đến nay. Tết, phải kiêng mọi việc làm đổ vỡ. Không ai được nói tục, nói bậy, mà phải nhẹ nhàng, tươi đẹp. Không đánh mắng trẻ em, nếu các em có lỗi cũng chỉ nói nhẹ lời nhắc nhở. Kiêng cả việc nhắc đến những thế lực hắc ám, những con vật “xúi quẩy” như con hổ (phải gọi là ông Ba mươi), con khỉ, con rắn...

Đương nhiên bao giờ Tết thành phố cũng có những điểm khác Tết nông thôn miền núi. Nó phóng khoáng hơn, mạnh dạn hơn, giàu sang hơn, nhưng hình như người Việt Nam vốn coi trọng tâm linh, ít ai dám phá những tục lệ cổ truyền một cách công khai quá đáng...

Mỗi năm, người Việt chúng ta có nhiều ngày lễ, ngày tết. Riêng Tết Nguyên Đán, theo lịch mặt trăng, là ngày mừng một tháng Giêng, là to hơn cả, ý nghĩa linh thiêng hơn cả, đến nỗi nói gọn là Tết thôi, mọi người cùng hiểu đó là ngày Tết Nguyên Đán. Tùy theo địa phương, hoàn cảnh... Tết còn có rất nhiều chi tiết khác đáng nói, từ mâm cỗ đến trang trí cửa nhà, từ thanh toán nợ nần sòng phẳng đến đi biếu xén họ hàng, tảo mộ trước lúc xuân sang, từ trồng cây nêu đến lễ chùa lễ Phật, từ thăm cha mẹ, thăm thầy đến lễ hội gọi là đình đám... thể hiện ra một tinh thần văn hiến, văn hóa truyền thống nghìn đời.



Mùa xuân lại về. Dòng sông thời gian cứ chảy cho con thuyền đời ta lại thêm một lần cập vào bến mùa xuân.

Sắp đến ngày bầu trời ngan ngát thứ mưa xuân như tấm màn lụa chăng ra cho huyền ảo, có đàn chim én chao liệng, cùng dẹt nên tấm màn mưa. Hội chèo, hội quan họ sẽ sang sông... ta đi chảy hội để nước non hòa vào tâm tưởng...

Còn bây giờ... Giao thừa đang đến... Ta kính cẩn thắp một tuần nhang trước ban thờ tiên tổ, ban thờ Tổ quốc, ban thờ của toàn dân tộc, để bắt đầu bước sang mùa xuân mới, mùa xuân luôn mang sức mạnh trẻ trung và tràn đầy hi vọng...

Ta khóa mái chèo hồn ta vào con sông xuân và tự nhủ thầm:
Nào, lên đường, con đường hi vọng...

Những dặm đường xuân

Thế là tháng củ mật sắp hết, tháng mà mỗi ngày “chưa cười đã tối” vì mùa đông, mặt trời thích ẩn vào mây cho ấm sớm mà cũng vì cái Tết đang xinh xịch đến sau lưng, tháng mà ai cũng phải vội vàng hối hả, tất bật như vội ra ga không thì con tàu mình đi sắp chuyển bánh khởi hành, mau lên kéo lỗ chuyển tàu đòi...

Những làng quê tự nhiên như sâu thẳm từ đầu tháng Chạp khi anh Mối, quần ống thấp ống cao, tay cầm cái mõ gỗ, mõ tre đi rao từ đầu thôn đến cuối xóm, nhắc mọi người cửa ngõ phải cẩn thận, bếp lửa phải gọn gàng... cứ vắng vắng như từ một cõi xa xôi, mịt mùng nào, chỉ mấy bước chân, ra khỏi lũy tre kia đã có bao kẻ rình rập, bao trắc trở nhiều khê. Sương muối đã xuống càng làm cho mỗi xóm mỗi thôn cách vội. Có năm mưa rét chưa cấy xong gánh mạ đã nhọ mặt người. Những bữa cơm đèn, gọi là cơm đèn cho sang, chứ thực ra là ăn cơm mò trong bóng nhá nhem mờ mờ, vội vội vàng vàng vì còn một núi công việc, còn trăm thứ bà giần đợi người. Tết sắp đến, cứ vất chân lên cổ mà chạy theo nó.

Người xa quê ơi, sao đến hôm nay sắp năm cùng tháng tận mà người mãi chưa về, còn mãi mê vui thú đường xa hay đang ê chề nổi gian lao vất vả không dám về quê vì vẫn chỉ bộ quần áo tàng tàng rung rúc, không được như ai sinh sang xe, ngựa, có cành hoa giấy trang kim, có gói bánh cốm lá xanh lạt đỏ biếu cô dì chú bác, không có đồng tiền cho vợ may cái yếm mới đón xuân... nên người tủi phận, tự mình lẩn tránh thân mình, tự mình lừa hồn mình, khát lần ngày về nơi chôn rau cắt rốn.

Người đâu biết rằng mọi con đường to nhỏ như mạch máu, những phát huyết quản hồi huyết quản, vi ti huyết quản, những con đường cái quan, đường huyện, đường làng, đường trục,

đường mương, đường rẽ xương cá vào ngõ nhỏ... đã in hằn chồng xếp bao nhiêu bước chân, nào người đi, người về, nào sắm Tết, bán mua, nào vay mượn, trả nợ, cả vui lẫn lo toan, bấm đầu ngón chân xuống đất trơn cho khỏi ngã, lê chiếc dép mòn tung bụi, gánh nặng lồm đắt, rên rang chơi nhởi vì đã có người vợ hiền mẹ đảm lo cho hết, nên cứ khăn áo chỉnh tề, ô che mũ đội mà đi tìm bạn, tìm hoa, bạn rượu hay bạn cờ, hoa đào hay hoa cúc...

Tết ơi, giá mỗi năm có mười cái Tết thì chắc con người phải bạc đầu từ trẻ, nhưng nếu mười năm mới có một Tết thì chắc hồn người cũng sẽ ử ê không biết nhường nào.

Bé em ơi, em thật sung sướng trần đời, rét bầm da thịt, em chẳng cần, cứ lội ừa xuống bùn mà “hôi” cá đám tát ao. Nhà ai cũng tát ao, cái lưng con cá trắm nhô lên, cái con chạch đập bằng bùn để dồn nước vào khoang nhỏ, trẻ nhỏ lom khom, bùn nhuộm khắp người, trông xa, mỗi em như được nặn bằng bùn, tiếng hò reo, bước chân nhảy vội đuổi theo cái động đập trong bùn, con rô, con giếc, con mại cò, con cua... Mùa cây khô lá vàng là đây, nước chỉ sẫm sấp như câu “cạn ao bèo xuống đáy”. Bùn này đắp lên gốc nhãn, gốc na, gốc



mít, cây dừa, gốc cau, cây khế... còn tốt trăm lần hơn thứ “mạ già ruộng ngấu” mà cái ngấu này đâu chỉ nói cái ruộng đất ngoài đồng, hình như người ta định nói chị đấy, chị góa ơi, góa trẻ lại có ông hàng xóm khỏe mạnh đẹp trai, lam làm... thì khổ lắm phải không chị lạnh lùng những đêm đông rét mướt?

Phiên chợ cuối năm đã họp kín người, xế chưa tan. Đắt hàng thế là chị bán hàng vàng hương, vàng hồ, vàng hoa, mũ ông Công, ông Táo, hương đen, hương vàng, hương trầm, hương sạ, hương sào, hương vòng, nến trắng, nến đỏ. Không hiểu sao ngồi cạnh chị ngay ngoài đầu chợ, bao giờ cũng có bà trầu vỏ kèm bên. Bà cụ đã móm, hình như bà ngồi đây đã mấy trăm cái tết, nên chiếc vỏ chặt vỏ, nguyên là cả khúc gỗ mít, gỗ nhãn đã xơ ra, tước hết, thành cái chày thắt ngặt, như sắp gãy ở quãng giữa ấy. Những thanh vỏ chay ngon lành thế, cô con gái biếu mẹ, vì lấy chồng xa, chị con dâu hiền

thảo mua cho mẹ chồng ăn Tết, mỗi thanh còn vỏ au đỏ mỏng tang như làm bằng giấy bản nhuộm hồng, những thanh vỏ quạch, từng khúc nâu xỉn, như từng khúc lưng con rắn rừng nằm chờ thân phận được quyết định về với Tết nhà ai, nghèo khó nơi bìa làng, thiếu thốn nơi ngõ trại...

Có người ao ước, giá quanh năm, chợ lúc nào cũng vui như phiên này, rủng rỉnh như phiên này... mát mặt biết bao nhiêu, thay cơm hẩm cà kho bằng câu “ba mươi Tết có thịt treo trong nhà...”

Ngoài đồng, lúa đã kín những mặt gương long lanh. Lạy trời, hãy mưa thuận gió hoà, đừng đổ về những cơn gió mùa đông bắc làm chết cá trong ao, phải lấy rơm hun khói, phải cấy lại thì khổ kiếp người, làm Tết mất vui.

Con chim khách báo đúng hay báo nhầm, cành tre đầu nhà đung đưa, bước chân người rộn rã, nó nghe, nó ngửi, nó nhìn, nó cảm... nó báo tin càng làm trái tim chờ đợi thắc thỏm, mong có bóng người xuất hiện đầu dê, vào đường gạch, đứng trước chiếc cổng tre chống lên quen thuộc thân thương... Tết làm lòng nhau mở cửa hay bắt nó đóng lại nổi quạnh hiu cô quạnh? Tùy người đấy, ai ơi...

Ngoài đình, ngoài chùa, mái quán chợ vờ trên đồng, bờ giếng tròn xây... đã được mặc tấm áo trắng tinh, trắng lớp bằng nước vôi mới quét, càng kéo cái Tết đến gần, như đã sờ thấy nó, nó đã vào đến làng, đến cổng rồi kia...

Hình như từ sâu thẳm tâm can, mỗi con người đều được cái tết thúc gọi, cấy vào đấy chiếc mầm cây mới, gieo vào đấy cái hạt nở ra cây hi vọng. Bận rộn mà vui, hối hả vẫn tươi cười... để có niềm hạnh phúc chờ mong mơ ước. Đôi câu đối giấy hồng điều trên cột, đôi cây mía tím, mía voi làm gậy ông vãi hai

bên bàn thờ, tờ tranh ông Phúc, ông Lộc dán hai bên cánh cửa, con gà mắt trong veo, con lợn gặm cây khoai ráy, chị tốc váy hứng dừa, anh đánh ghen rúc rích thứ tranh Đông Hồ bán đầy chợ Tết, bày la liệt mặt đất... cho đến tranh in y môn, mâm bông ngũ quả bán ngoài thành phố... bức tranh lụa hay sơn dầu quý phái bạn họa sĩ tặng ta treo Tết... chẳng là hi vọng cái mới sẽ sang đấy sao?

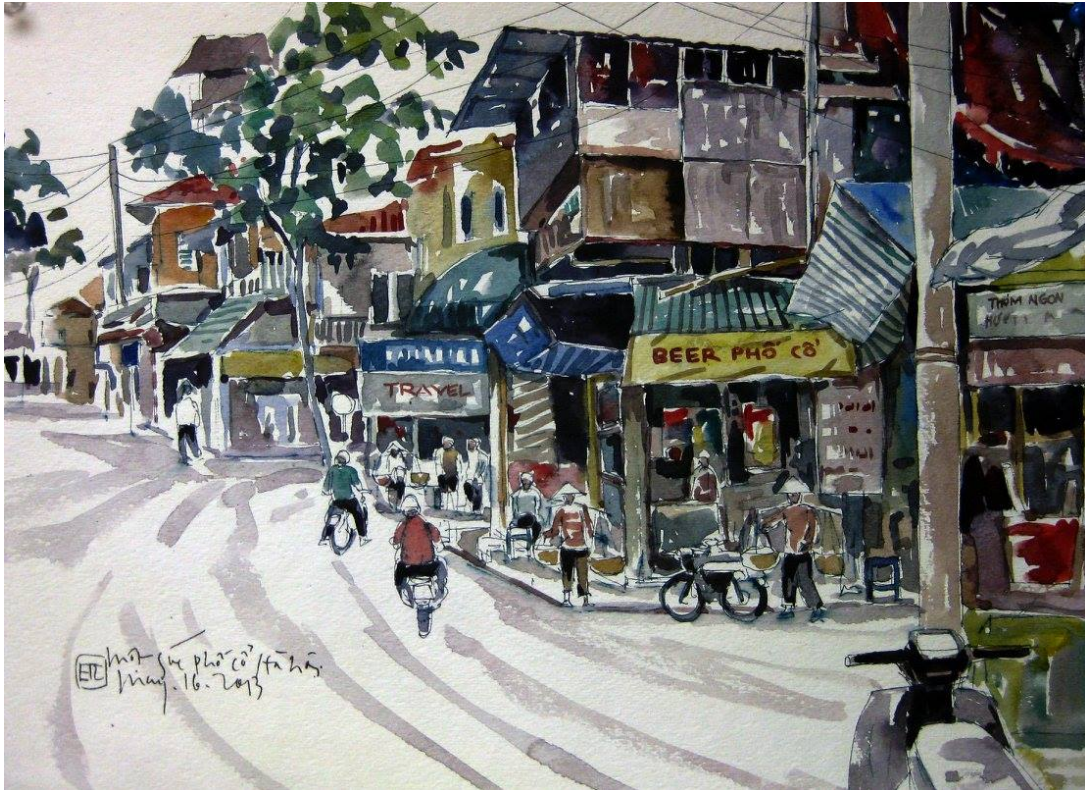
Thành phố đã tổ chức cuộc chạy thi đường trường mà trường ban tổ chức là cái tết vô hình nhưng có thực. Muốn sang ngang một đường phố đâu có dễ, xe nối xe, nhanh cùng nhanh. Cây quất chở trên xe xích lô, người ôm ngồi sau xe máy. Ông vác cành đào nghênh ngang như còn khoe cái đẹp trước khi về đến nhà, nói dối vợ giá mua chỉ bằng nửa số tiền ông trao cho người bán ở chợ Hoa. Ồ, cái nói dối đáng yêu, bà vợ biết tổng nhưng vẫn cứ giả vờ như không biết, còn rót mời ông chén rượu thưởng công mua được cành đào đẹp.

Cô con gái còn đi học, nghỉ Tết đòi mẹ dạy cách làm mứt, mứt khoai, mứt táo, mứt quất, mứt gừng. Có hỏng thì làm mё khác, mё này ta đón xuân trước Tết trong nhà, không sao, làm cho biết chứ ăn được bao nhiêu mà rộn?

Vẫn còn nhiều gia đình có nồi nước lá mùi già, những cây rau mùi đầy quả, cái thân dài mấy gang tay, nó được gập đôi thả vào nồi nước sôi, thơm suốt ba ngày Tết, thơm suốt mùa xuân, thơm suốt cuộc đời. “Khinh mười lăm phút” những thứ nước thơm hóa chất hắc xì của nước nào đem đến. Hình như nó là hồn dân tộc được tích trữ lại đã mấy nghìn năm, Tết đến, nó tỏa ra để cho mỗi hồn người bay bổng về cùng đất mẹ, về với những dặm đường xuân, với tiếng chim sơn ca lạnh lốt, với tiếng trống hội làng chọc thủng những đêm xuân, dù đó là làng Đặng của thơ Nguyễn Bính, mùa xuân chín của Hàn Mặc Tử hay tấm áo phong sương trên gác trọ của Thế Lữ, nó bay trên

màu áo the thâm ông đồ già “bày mực tàu giấy bản” ra phố Hàng Bò...

Những nẻo đường xuân từng bừng, mùa xuân chia đều niềm vui cho tất cả. Mồ mả ông bà đã được dọn cỏ, thấp nhang. Nghĩa trang liệt sĩ trồng thêm nhiều hoa vạn thọ. Mẹ đã cầm chiếc chìa khóa ngôi nhà tình nghĩa, ngắm hình con trai mẹ ngát làn hương khói...



Hình như có lần ta được dự một đêm văn nghệ, nghiệp dư thôi, nhưng sẽ một đời nhớ mãi. Mùa xuân hào phóng, cũng có mặt với người lầm lạc. Ai chả có những lầm lạc của đời mình, đêm trừ tịch, trước đất trời thiêng liêng, ta khẩn nguyện điều tốt diễm lành, ta ăn năn, ta mong mỏi... ta thành người tốt... Còn cái đêm văn nghệ này, những con người đáng thương hơn đáng trách, họ phổ hồn vào câu ca, vào tiếng hát, họ đóng vai người

trong kịch, họ tạm quên thân phận giam cầm, họ vươn lên trong ánh đèn sân khấu như đang vươn lên trong cuộc đời mỗi người trong số họ.

Trước khi vào đây họ là ai? Người đàn bà quá khổ nghèo đành dẫn bước xuống bùn nhơ cho con có tiền đi học. Em chưa đến tuổi trưởng thành nhưng bạn bè xui dại, đi vào ngõ cụt tối tăm. Người đàn ông sức dài, vai rộng muốn giàu nhanh mà tốn ít mồ hôi. Ông ngồi trên đồng tiền, tưởng nhầm công sức nhân dân là tiền riêng cái túi của mình. Kẻ liều lĩnh đâm thuê chém mướn, đổi máu người khác, người không thù không oán để mình có ít tiền đi tiêm đi hút... Bao nhiêu số phận, nói như Nguyễn Du, cuộc đời có “Thập loại chúng sinh” nên họ vào đây, ngày trở về đã gần hay còn xa, thì mùa xuân đến, con mắt của họ cũng long lanh, lòng xuân cũng phơi phới, tạm quên cái lò nung gạch hay chuồng nuôi bò, tạm quên ngọn đời cháy nắng cần cây xanh, tạm quên tiếng kéo cửa lừa xẻ trong xưởng mộc dạy nghề... họ lên sân khấu, đón xuân sang cùng mọi đồng cảnh, đón xuân cho riêng mình, đón xuân cho thế giới này tốt đẹp thêm. Những: *Mẹ thương con có hay chăng* , những:

Hà Nội niềm tin và hi vọng, những: *Bài ca hi vọng* , những: *Yêu nhau gửi nón...* Xin các nghệ sĩ chuyên nghiệp đừng cười. Ta nghe họ đâu chỉ bằng tai, ta nghe họ bằng cả tâm hồn, bằng cả tấm lòng thông cảm, bằng cân não nghĩ suy về lẽ đời phải trái, về thiên nhiên xuân đất Việt nghìn đời không ruồng bỏ một ai...

Đình làng ta đã lau chùi ông ngựa gỗ voi gỗ, phố ta ở đã tổng vệ sinh, người công nhân vệ sinh của Xí nghiệp môi trường đang đi những chuyến cuối cùng một năm... thì ở đây, nơi không đồn dập ngựa xe, không rực rỡ chợ hoa đào, không ấm êm ánh đèn đoàn tụ tối ba mươi... những con người xấu số cũng son phấn, cũng tươi mơn, cũng cười như hoa, cũng say trong

tiếng hát... Mùa xuân có sức mạnh lay trời chuyển đất có lẽ còn như thế, làm hồi sinh lại mầm bị thui chột vì lầm lỡ...

Ta trở về những nẻo đường xuân riu rít, càng nhận ra cần phải trở thành con người hữu ích ra sao, chí ít là cho bản thân bé nhỏ của ta không phải phiền nhiễu đến bao người khác, mong sao ông chánh án thất nghiệp, anh công an nhàn rỗi mà rong xuân, bà thẩm phán cứ dắt con đi công viên, và cái thán ngữ củ mật ngàn năm mật mùng kia yên bình bất chấp mưa kim châm hay gió cát thối...

Hắn những phút giây này đây, ông Táo trên trời đã trở về trái đất. Ông lĩnh nhiệm vụ mới Thiên đình giao cho ra sao, sẽ khuyên nhủ gia chủ ăn ngay ở thẳng thế nào, cho ba trăm sáu mươi ngày đều vui như ngày hội, cho cô gái tựa tóc vào vai người yêu, cho chàng trai soi vào mắt người tình mà run quả tim trong sạch, cho con chim khách không bao giờ sai, cho những chú bé đi “hôi” cá cứ cười như nắc nẻ, dù chỉ được con tôm hay chú cá rô ron, cho chợ Tết người chen người, cho đồng lúa ròn ròn bát ngát, cho những con người lầm lạc sớm hoàn lương...

Thành phố nơi ta ở, làng xa nơi mẹ ta chờ... xuân đã sang ở cả hai nơi. Giờ này, những nẻo đường xuân, bao nhiêu con tàu đang hối hả lao về đích tới, chở theo những trái tim hồi hộp, những cành hoa và những gói quà Tết, mứt sen hay rượu cúc, bánh cốm hay trà sen... tàu cứ đi đi, mùa xuân còn dài, còn dài như đời ta, như đất nước, như vũ trụ...

1998

Rong ruổi quanh quanh

Cái đầu đề có vẻ viết sai chính tả. Đã rong ruổi thì phải vạn lí, thiên lí, chí ít cũng dặm dài vài trăm cây số, chứ còn quần quanh thì họa là con gà què trong xó bếp, cũng chưa đáng gọi là thứ giang hồ vật, nói như Phạm Thái Chiêu Ly: “Trăm hồ rượu không rót đầy đôi mắt mỹ nhân...”.

Nhưng, thế mà vẫn đúng đối với tôi, một ông già lom khom, ngày nào cũng cưỡi con “Phượng hoàng” kêu cót két, rong ruổi từ phố này sang ngõ khác, từ lúc các ông bảo vệ cơ quan bắt đầu ngồi vào cái ghế đầy hách dịch để hỏi người đến, cho tới lúc chính ngọ, lúc mâm cơm đã dọn sẵn toàn những thứ dưa cà, rau đậu rẻ tiền cố hữu cả nhà ăn một lúc thì đủ, chia ra để phần thì thiếu...

Rong ruổi dù quần quanh cũng hay đáo để.

Từ cái phố ngang một thời công chức và vắng lặng (phố Lê), có hàng cây long não cổ thụ, lá óng ánh như sa tanh, nay phố thành phố phở, có cả công ti người Tây, người Nhật, đại lí vé máy bay, nhà hàng cũng phải tên Mỹ, tên Tàu... tôi hòa tôi vào một Hà Nội tíu tít vội vàng... mà chẳng để làm gì, chẳng kí cái hợp đồng nào, chẳng “chỉ chỗ” giúp ai và cũng chẳng cần ai “chỉ chỗ” giúp mình, không cần mua gì và cũng chẳng có gì mà bán (à, có đấy, xin nói sau)...

Một vòng bờ hồ, rẽ ngang và ngã tư, vượt lên mấy cột đèn tín hiệu xanh đỏ là “hết chân tiền”... Mà đi mãi cũng thành quen, cứ đạp mãi cái xe cũng thành thuộc, cứ bốn trăm bốn mươi cái chân đạp là vừa một cây số, mặc kệ cái váy ngắn, váy dài lướt qua, mặc kệ cái áp vào tai di động a lô oang oang như cầm kíp nhất trần đời, trong khi đầu óc mình lơ mơ đủ điều có ích và vô ích và tai mình cứ để lọt và không lọt cả cái hay điều dở, lời xin lỗi thanh nhã và câu văng tục gai ghe.

Cũng biết rằng ở phố này có người quý mình vì có lần gặt gù khen một câu văn của mình... còn phố kia có nhiều hơn - những người ghét mình vì... hàng trăm lí do mình biết và không biết.

May thay, mấy cô bưu điện bán báo ở Tràng Tiền đã cơ chế thoáng, tha hồ cho mấy ông già đọc nhờ những tờ báo mới, đọc chui vì báo chưa đọc, lật lật tìm tìm, nghiêng nghiêng gọng kính... những cô Liên, cô Mơ, cô Mận, cô Đào, cô Mai, cô Lí... và chẳng phật lòng khi chẳng mua một tờ nào, cũng chẳng cảm ơn, chẳng mím nụ cười xã giao méo xệch, lảng lạng chìm vào suối người dưới lòng đường kia.

Tháp Hòa Phong đứng trên hè phố Đinh Tiên Hoàng im lặng. Nhà Bưu điện quốc tế hững hờ vì biết mấy ông già này chẳng đánh phắc, gửi điện cho ai vượt đại dương, để khỏi mất tiền gửi xe oan uổng.

Bà vợ già tóc bạch kim mới quái ác một cách đáng yêu làm sao. Sáng nào cũng kiểm tra túi áo, túi quần, không phải để tìm xem có lá thư xanh nào không, mà chỉ để dúi ngăm vào đấy cho mấy tờ bạc lẻ phòng xa ông chồng già có ngã vào hàng bánh đa hay cao hứng mua tờ báo có bài thơ của bạn... thì không bị lúng túng xấu hổ.



Và chiếc xe đạp cà tàng quần quanh mà đếm cây, xem người, nghe hàng rong, kêu cọt két... một cách thỏa thích.

Đã lâu không gặp ông bạn què ở phố Bạch Mai, đi bán đồ chơi làm bằng cây rút đại và giấy xanh đỏ, cứ hát í ơ để gọi khách tí nhau, giọng hát mới thắm hại làm sao, không ra cộng minh, không ra opéra cũng chẳng là ngôi sao nhạc Rock... cứ dấm vào tai y như mấy anh rao thuốc hôi nách bằng băng cát xét nhưng lại thu giọng nói ngọng: Phố Hàng *Nọng* , cách lắm mươi mét... và thuốc hôi *lách* ...

Nào, còn sớm, rẽ vào tòa báo nghe dăm câu chuyện phiếm, xem mấy biên tập viên chờ bài cộng tác viên gửi đến, quá rồi không biết làm gì phải quây vào bàn tá lả... Cái túi

đeo bên vai hạ xuống, rút vội ra bài mới viết đầy tâm huyết (tâm huyết với mình nhưng không tâm huyết với tòa báo). Bán

đấy, bán chịu đấy, nhưng rồi sản phẩm ấy sẽ bay vào hư vô, không một tiếng vang, nó sẽ ra hàng đồng nát, có cô mua giấy vụn ngồi vuốt từng tờ để bán cân cho được giá...

Một vòng Bờ Hồ, rẽ lên Hàng Đào, Hàng Ngang, chợ Đồng Xuân cháy đã được sửa lại, chợ tạm Phùng Hưng đã dẹp bỏ xong, và vào nhà ông bạn Văn L.B. Nhờ có chợ tạm, mấy hàng vải tấm thuê chỗ mặt tiền, mỗi tháng ông có số tiền còm tương đương nhuận bút viết thuê cho dăm tờ báo. Nay chợ tạm dẹp, ông mất luôn món hời ấy. Thì ra cái anh viết lách, sống bằng cái đầu mình vẫn là mặt hạng, không bằng chân tay mồm mép, càng không bằng mấy cha tham những xây được nhà to và càng không thể so được với vụ án xuyên quốc gia, xây nhà tỉ đồng mà dám nói là tiền dành dụm, không biết chúng dành dụm mấy trăm năm?

Cũng lạ, Hà Nội bây giờ của Việt Nam hay của một bang ngoại quốc? Đủ các thứ tiếng Tây trên các biển hàng. Người ta sẵn sàng bán rẻ tiếng mẹ đẻ để ngửa tay mời đô la ngoại tệ, bất cần liêm sỉ. Nào “đẩy cửa”, “mời vào”, nào karaoke, từ đồ lót đến tranh phong cảnh, từ đồ dùng văn phòng đến rượu (Tây) lậu và xì phòng cho các ngôi sao (mờ hay sáng thì ma ăn cỗ). Mình thành anh nhà quê ngớ ngẩn, ngẩn mỗi cả cái cổ ngẩng mà nhìn tất cả các chiều cao đều là chữ Tây xí xố, thật giả lẫn lộn, khuyến mại rùm beng...

Đến quán bún riêu trông ngon là thế, mẩu gạch cua cũng là đậu phụ và ruột bánh mì nghiền... Cua giả, riêu giả, đến cà chua cũng giả vì toàn phẩm hoa hiên và gấc. Tiếc cho tờ bạc vợ dúi, không ăn được vẫn đành trả tiền, đứng lên mà cạch.



Phố Trần Phú đầu Hà Trung đã thành phố bán đồ điện và các loại máy bơm nước. Hà Nội nghe chừng tiêu thụ máy bơm nước khá mạnh. Mấy năm trước “Ban ngày cả nước lo việc nhà, ban đêm cả nhà lo việc nước”, nay đã đổi. Mua cái máy bơm, đỡ phải thân cò lặn lội thò nước, xách nước, gồng nước từ những cái vòi ri rỉ như truyền huyết thanh. Nay tách một cái, ít ra cũng có đủ nước cho hôm sau. Nghe nói mỗi ngày Hà Nội có thêm hàng chục vạn thước khối, nhưng cũng nghe nói chỉ riêng một khách sạn mười mấy tầng mới xây loại nhiều sao siếc gì đó, đã “uống” hết chục vạn thước khối nước rồi, hèn chi mà Hàng Bạc, Mã Mây, Đào Duy Từ, Hàng Bông, Lê Văn Hưu và hàng chục khu vực khác, những con rồng, con rắn cao su xanh đỏ có cái đầu là máy bơm kia, tha hồ mà phơi mình ra, từ nhà nọ vắt sang nhà kia vô tội vạ... để nói con số kia là giả.

Phố nhà binh đã thành ra phố nhà buôn, từ cao cấp tin học đến hạ cấp sáu dăm. Nếu Thanh Tịnh - nhà thơ, khai sinh ra thể

loại độc tấu, nguyên là người hướng dẫn du lịch chắc phải lắc đầu lè lưỡi vì sao mà lăm “trung tâm du lịch mời đi nghỉ mát” đến thế. Số 4 phố này, tòa soạn tờ tạp chí nổi tiếng là uy tín và đứng đầu đã chìm khuất vào cửa hàng bán chầu, bán đôn. Thì ra không còn chuyện độc tấu, mà đã đồng tấu thị trường thương mại.

Con “Phượng hoàng” lê đi sát vỉa hè thế mà có lúc cũng ngả nghiêng vì mấy cậu lạng lách như máy bay phản lực. Tuổi trẻ đáng yêu mà cũng đáng sợ thật. Cha mẹ họ cho họ cuộc sống và cả cái xe máy trị giá mười năm lương hưu của người cán bộ cách mạng loại trung bình, thế mà họ bất cần, sẵn sàng tự biến tất cả thành cát bụi, chưa kể còn làm phiền cho bao người khác.

Ngồi ăn bát phở bò ở đầu phố Lý Quốc Sư, loại ngon hiện nay nhưng cũng hơi luộm thuộm nhếch nhác, mà còn run cả tay, nhất là nhìn sang bên cạnh, có ông bụng to ăn phở đập mấy quả trứng rồi đánh ra, bát phở có màu nước gạo, phả cả mùi tanh sang bên.

Hà Nội đang có nhiều chuyện lạ, mà lạ nhất là người ta nói ngọng *lơ* và *nơ*, lên Đài truyền hình cũng cứ ngọng lịu ngọng liu, bất cần thiên hạ, bất chấp tiếng Việt. Nghe kìa, người ta gọi bát phở “*tái lạ*”, giá “*mười năm* ngàn” và cho thật “*lóng*” ...

Ai là người ngày nào cũng lang thang trên đường phố nhiều nhất? Cô hàng rong? Anh nhà báo? Ông về hưu? Cậu “chỉ chỗ” môi giới nhà đất hay mấy khách du lịch ba lô đi lừa?

Cứ rong ruổi mà xem dù chỉ quần quanh mỗi ngày dăm ba phố ngẩn, Hà Nội thấm vào mình một cách lạ kì, vui đáo để...

Tháng 7 / 1997

Màu xanh quanh Hồ Gươm

Vận động viên đua xe đạp hoặc các cuộc thi chạy quanh Hồ Gươm, có lẽ ít ai để ý xem cái vòng đua gần hai nghìn mét ấy có những thứ cây gì tạo ra màu xanh mượt mát bốn mùa như thế. Còn với người thường, cây là một bộ phận không thể tách rời của hồ, của nỗi lòng ta gửi gắm, nhưng đôi khi ta cũng không tự hỏi xem đó là những cây gì.

Bắt đầu từ cửa đền Ngọc Sơn xuôi về phía nam, thung thẳng mà đi, tản mạn mà nhớ. Hồ Gươm có hai cây gạo mùa xuân chói chang hoa đỏ. Một cây ngay cửa đền, xù trăm mắt gốc ra nhìn cuộc đời. Một cây nữa chỗ vườn hoa Chí Linh trông sang, gốc cây còn có cỏ xanh an ủi. Bờ Hồ cũng chỉ có hai cây sung. Một mọc trên núi đá chân Tháp Bút, có lẽ vì bám vào vách đá nên nó còi cọc, tuy vậy vẫn sai từng chùm quả, có lúc rụng xuống vai du khách như dừa, như tre. Cây nữa xế cửa Nhà máy đèn (Sở Điện lực) mập mập hơn và trĩu trĩu quả xanh, quả chín hơn. Cây sung này ít bị chém ngang, chém dọc vào thân lấy nhựa dán lên thái dương để chữa nhức đầu như cây sung làng quê.

Sau khi hoa gạo tàn, đến lượt hoa vông báo hiệu mùa hè. Bờ Hồ có tám cây vông, tập trung bảy cây ở “bãi vông” ngay cạnh Tháp Bút. Một bông hoa vông thì không đẹp, nhưng một cây vông đang nở hoa thì chói lợi từng bừng kì lạ. Riêng một cây vông đơn lẻ có hai gốc mọc cạnh nhà Thủy Tạ, chỗ bán kem, hoa cũng ngời không kém.

Có một loại cây đặc biệt nhiều người yêu quý, các nhà nhiếp ảnh “rình” nó nở hoa để ghi vào ống kính. Cây lộc vừng. Lá lộc vừng có thể ăn gỏi như lá sung, lá ổi vì cái dã vị của nó. Hoa

lộc vùng như những dây pháo hồng lấp ló trong lá xanh, mỗi năm xuất hiện hai lần: mùa xuân và mùa thu. Nhập nhoạng tối, hoa bùng lên hương phảng phất. Lộc vùng đẹp vì hoa, lạ vì thế gốc. Một cây quắn quại như cây “thế” khổng lồ đứng chỗ ngã ba phố Trần Nguyên Hãn gặp bờ hồ, cạnh cây “mỡ”. Còn một cây khác choãi ra chín gốc (hay chín cây mọc chung một chỗ) sát mép nước gần đó. Hoa lộc vùng khi nở rộ, gặp cơn gió mùa đông bắc, rụng đầy mặt hồ, giạt về phía Hàng Khay như một cái thảm đỏ, tưởng như có thể ngồi lên đó cho nó dập dềnh huyền thoại và có khi nó gợi đến câu chuyện ma quái trong *Truyện kỳ mạn lục* của Nguyễn Dữ xa xưa. Cũng khoảng này có bốn cây gỗ tếch, thứ gỗ quý bán từng cân chứ không bán tấm. Lá to như chiếc quạt nan, quạt lá đề, vươn lên cao vút. Có một số cây bé mới trồng, nhưng hình như bị cớm, mãi không lớn được, nhất là ở bến xe điện cũ này là chỗ trông xe mà người ta cứ phải viết thêm tiếng Tây vào đấy “Keeping car” rất lai căng.

Cây đa thì nhiều lắm. Năm 1979 có một cây bị đổ, đó là cây đa búp đỏ, thân có hình chữ N hoa, rễ bò nổi ngổn ngang trên mặt đất, từng có chú Tàu què ngồi bán phá xang thứ lạc rang ngon nổi tiếng. Chú đã đi xa, cây đa đã đổ, một cây đa mới được trồng vào đây nhưng gần chục năm gốc mới bằng cổ chân. Thì ra có được một bóng xanh mát rượi đâu phải một sớm một chiều hay một chục năm. Gần mép nước có nhiều cây đa khác, cành cứ la đà xuống sát mặt hồ như muốn soi mình vào sóng, xem cái lá non suốt bốn mùa theo nhau chớm nở, có màu xanh rau xà lách ấy đẹp như thế nào. Bên phía bờ tây, gần quán nước, có cây đa cổ thụ, có khi gửi chiếc lá như chiếc thư xanh vào cốc kem du khách. Tuổi thơ là nghịch ngợm, những hôm có bơi chài lướt ván, từng đám trẻ bám vào cành đa, đu ra mặt hồ mà thích thú mắt nhìn.

Cạnh tháp Hòa Phong cổ kính, có mấy cây si già lụ khụ, rễ buông phơ phất như thời gian. Có cây đỗ cứu được, phải dùng đến cần trục, nhưng cũng có cây đành về với hư vô và đi qua đây mà chợt thấy một trống vắng lạ thường trong mắt, trong hồn mình.

Chỗ xưa là Quán Hoa thì nay là bồn hoa đẹp. Hơn hai mươi cây liễu mới trồng lần thứ hai đã rườm rà xanh tốt như hai mươi nàng con gái buông tóc vào gió thu gió hè, hấp dẫn hồn trai mới lớn. Lần thứ nhất, cây mới bám rễ thì bão bẻ gãy hết. May lần này cây đã rờn xanh, vượt lên cao hơn mấy bụi hoa ban trắng, lá như hình móng con bò, nhưng ít ai để ý vì nó chỉ lúp xúp thứ cây bụi nhỏ nhoi.

Trông sang vườn hoa Chí Linh, có một cây dừa đầu duy nhất. Phải đứng phía bờ tây nhìn sang phía đông này mới thấy ngọn cây như chiếc ô xanh khổng lồ, vượt lên trên tất cả các ngọn xanh khác.

Bờ Hồ cũng chỉ có duy nhất thế, một cây đề ở chỗ gần đài phun nước, tức quảng trường Đông Kinh Nghĩa Thục. Mùa xuân, lá non tím như màu đồng điệu mới ra lò. Mùa hè, lá rung rinh như những trái tim nhỏ treo trên cành vì cái cuống lá nhỏ xíu, chỉ khẽ động gió, lá đã xạc xào như hát. Có lẽ vì nó hình tim nên rung động dễ chăng?



Loài cây sấu và cây nhội thì có rất nhiều bên phía bờ đông, như những hàng quân danh dự chào người Hà Nội mỗi ngày. Cây sấu tán tròn, cây nhội không có cá tính, cây cơm nguội lá lẫn tăn, mùa đông chỉ dang cái mạng cành không lá vào trời như muốn bắt lấy mây bay. Mùa hè mát rượi. Theo phố Hàng Khay, một loạt xà cừ khổng lồ như dũng sĩ, những chành dũng sĩ rẽ ăn ngang nên ít chịu được giông tố bão bùng. Rải rác quanh hồ, có mười một cây cọ, với một vài cây đã chết, bị cưa sát gốc, và một vài cây khác có nguy cơ héo hắt. Không hiểu vì sao, phía bờ tây hồ, có nhiều bằng lăng nước hoa tím, vàng anh hoa vàng, thứ cho hoa mùa hè, thứ chỉ mùa xuân, điểm trang cho vòng hồ tươi tắn, trong khi muông vàng hoa nở không có kì nhất định. Chỗ đầu đường đôi Hàng Trống, còn sót lại vài cây me cổ thụ, những chiếc lá li ti như cốm, quả nâu mốc mà hấp dẫn hàm răng của tuổi dậy thì. Hà Nội rất nhiều cây sấu. Còn me thì may ra là có mấy cây ở phố Ngô Quyền và mấy cây ở quảng này chăng? Phía bờ tây này còn có cây dái ngựa mà người ta gọi chệch đi là trái ngựa cho thanh lịch. Lá rậm rạp, quả to bằng

nắm tay, lá non đỏ tía, thân cây nhẵn nhụi, cũng là loài cây đẹp, khác hẳn thứ muồng đào chỉ có một cây duy nhất ở cửa rạp chiếu bóng nay là rạp múa rối Thăng Long, mà tiếc là vẫn không giữ được, nó đã vĩnh viễn hóa hư vô.

Còn một số loài cây khác mới trồng hoặc quá cỗi cằn không thành dáng vẻ cho Hồ Gươm như một bụi tre, ít râm bụi, mấy khóm chà là lá nhọn, mấy rặng phi lao bị cắt cụt để che nhà vệ sinh, hoặc mười cây vạn tuế cao thấp khác nhau cạnh mấy tảng đá gồ ghề trông cũng vui mắt người đi dạo.

Còn có thể có một số ít loài cây khác nữa, mà chúng ta vội vã cuộc sống hàng ngày nên ít quan tâm. Bờ Hồ Gươm có hồ, có dáng một phần quan trọng là do màu xanh cây cối đem lại. Thử tưởng tượng nếu con đường quanh hồ, cứ chang chang, trọc lốc không một bóng cây, nó sẽ thế nào, trơ trẽn hay hoang vu, lạc loài hay xấu xí...?

Mấy năm nay, cây quanh hồ luôn được chú ý trồng thêm hoặc chăm sóc, trồng cây cao hoặc cây bụi v.v... Chỉ tiếc, những loài cây có hương thơm còn ít, không hiểu tại sao? Nếu có thứ thơm như dạ lan hương của vườn hoa Chí Linh những buổi tối thì bờ hồ còn duyên dáng thêm nhiều. Những loài cây trên đây chỉ là nói nó mọc trên phần đất thuộc bờ nước, chứ không kể phía bên kia các con đường quanh hồ. Và nếu còn sót cây nào chưa nói đến, thì cũng là để bạn tự nhớ lại mà bổ sung, để thêm một nét mà mình yêu, mình nhớ, từ lòng mình bật ra thành tên gọi thêm một loài cây...

Có thể gọi các loài xanh cây lá quanh Hồ Gươm là một đặc sản của Hà Nội chăng? Nó không thể thiếu, nó đã đi vào hồn người nhiều thế hệ, dù bạn là nhạc sĩ tài hoa, nhà nhiếp ảnh kì tài hay chỉ là người bình dị hàng ngày bươn chải... Phải khi đi

xa mới thấy hết giá trị của một tán cây xanh như thế trong hồn mình.

Không hiểu có đúng không?

Tháng 8 / 1998

Mùa Hoa Phượng

Hà Nội là hoa sữa thơm vào giấc ngủ. Hà Nội xuân là hoa sữa trắng muốt đến say lòng. Mùa đông, cơn ngụi trút lá để trời khoe màu xám bạc cho người tìm nhau mà tình tự. Còn mùa hè Hà Nội ơi, ta với Hà Nội cứ nồng nàn nhau, thắm đắm nhau màu đỏ da cam, đỏ xôi gấc, đỏ những cây bốt lửa và lòng bốt lửa dù không được phong là thành phố Hoa Phượng đỏ như Hải Phòng qua thơ Hải Như và nhạc Lương Vĩnh.

Phố Thợ Nhuộm đã tím bằng lăng, mấy gốc vông già bên đền Ngọc Sơn đã xanh thêm quan lộc trong màu lá những quân bài chuồn khi tàn một mùa xuân mưa bụi. Mùa hoa phượng, mùa hoa học trò, mùa lưu niệm chia tay của một thời mộng mơ trong trắng hồn nhiên, mùa trời rắc pháo hồng cho mãi địa cánh đỏ như đi vào đám cưới với đất, có dàn nhạc vĩ cầm âm vang suốt từ cảnh sáu đến cảnh bâng từ rừng đa đường Điện Biên đến hàng sao đen Lò Đúc...

Cây hoa phượng còn gọi là xoan tây, phượng tây, là màu, là tiếng của mùa hè, nó không phải là cây phượng vĩ hay kim phượng, lá cũng kép lông chim, hoa vàng hoặc đỏ, cái nhị hoa dài, vươn ra khỏi lòng hoa, cong vút như dải đuôi chim phượng, cây chỉ ngang vai người, cho hai ta tiện tay ngắt một bông hoa, nhánh lá điểm vào lời tâm sự.



Cây hoa phượng mới du nhập nước ta khoảng trăm năm nay. Phần lớn đình chùa không có nó, mà chỉ những đa, đề và gạo đỏ. Đứng từ đầu đường Quán Thánh nhìn ra đường Thanh Niên, ta ngợp mắt trong màu hoa đỏ, màu những ngọn đuốc bập bùng trong nắng, trong hồn. Nó thấp rục bầu trời Hà Nội, bứt rứt con rôm cắn trên lưng hay nổi nhớ trong lòng, về người bạn gái guốc gỗ, áo dài, ôm chiếc cặp trên khuôn ngực trinh nữ đầy bí mật ngày nào...

Mỗi cây hoa phượng là một mâm xôi gấc. Và nếu cầm một cành trên tay, thì mỗi nhành cây cũng tròn đầy màu đỏ như đĩa xôi gấc ngày đám cưới nhà ai, ta có thể gỡ ra vài nhánh hoa có chấm trắng như lông con chim trĩ mà ăn, ăn lấy vị chua, ăn lấy mùa hè, ăn lấy thời gian sẽ không bao giờ trở lại...

Phố Lí Thường Kiệt từng có những mùa đông lá vàng tươi tắn, thứ cây cơm nguội trơ cành như mạng nhện dẹt lên khung trời lãng đãng... nay, phố ấy sắp có thể đổi tên thành phố hoa

phượng được rồi, vì hàng phượng tơ non, đã lực lưỡng những màu hoa, từ khởi hè cho đến chớm thu, mà rực rỡ nhất có lẽ là những ngày người Hà Nội tìm lên rừng, xuống biển nghỉ mát ít hôm...

Phố Nguyễn Công Trứ, từng có cái nghĩa địa Tây, mấy chục năm trước, hàng cây phượng tìm chỗ đứng, nay cây cũng lớn cao, tung màu đỏ xuống đường vĩnh biệt cái tha ma buồn thảm thời xưa ấy.

Hồ Gươm quen thuộc, Hồ Gươm thân thương, đứng phía bờ đông nhìn sang hướng tây hay từ bờ tây ngắm hướng đông, mùa phượng nở, bờ cây thành bức gấm xen đỏ vào tím, chen tím vào xanh, cả hoa phượng và bằng lăng cùng muôn màu lá đều không hương thơm, nhưng chỉ riêng màu sắc cũng đủ làm cho ta có một Hà Nội đẹp đến lạ lùng, hôm kia khác hôm qua, và ngày mai còn khác nữa... Có đôi ba cây phượng thích đùa, còn thò ngón tay lá xuống mặt hồ mà run rẩy cùng sóng nước, lá lăn tăn hay sóng lăn tăn, hoa đỏ soi gương, cái đẹp nhân đôi... khiến có lúc ta nhìn thấy ta thơ bé, lội xuống hồ với đôi bàn chân trần, trèo cành la, với cành bông để có những cái nụ hoa phượng sắp nở, giống y hệt quả đu đủ chín cây, thêm mấy cái khía đỏ tươi, ta bóc lấy chùm nhị bán khai mà chơi trò “chơi gà” cùng người bạn ấy, được thua nào kể, mà chỉ ngắm nhau đã đủ say lòng trên màu má đỏ au, bết sợi tóc mai cong cong như dấu hỏi.

Hà Nội có ba tháng hè khá dữ dội, có những đoạn đường phố ngọt ngạt nhựa đường bốc lên, có người cho rằng hoa phượng chỉ làm tăng độ nấu nung rực cháy. Thì cứ cho là như vậy. Nhưng nếu không có những hàng cây phượng soi đường cho mùa hè, thì có lẽ Hà Nội phải chịu cảnh kém phần rực rỡ, mờ phai một ít hưng phấn, giảm đi cái bừng bừng của tuổi đam mê...

Có hôm, ào một trận mưa hè, hoa phượng tả tơi, làm ta chợt nhớ câu thơ Nguyễn Bính:

Hôm nay xác pháo đầy đường

Ngày mai khói pháo còn vương khắp làng...

Nhìn cái chổi tre lia một thảm đỏ màu hoa đi mà ta bỗng thấy có gì tiêng tiếc trong nỗi tàn phai ấy, trong cái rơi rụng ấy.

Cũng vào cỡ này, hai cây hoa đại cổ thụ do thân phụ nhà thơ Nguyễn Du trồng trong sân Văn Miếu cũng theo gió mà rắc hoa trên nền gạch Bát Tràng, những bông hoa nằm nghiêng, cánh trắng, phớt chút nhung vàng trong nhị, khác hẳn màu hoa phượng, ít bông nguyên lành, mà từng cánh tung bay, rải rác, cứ như là mỗi bông hoa tự phân thân để chia màu đỏ da cam, đỏ xôi gấc ấy ra để báo hiệu mùa hè đang rực rỡ, rực rỡ như người phụ nữ vào kì đẹp nhất cho ai...

Còn lâu, đàn ve mới cất đi cây vĩ cầm, chấm dứt bản nhạc ní non ngợi ca mùa hạ. Còn bây giờ, ta áo mỏng, có thể đi đôi dép ra đường, mặc cho gió Hồ Gươm, Hồ Tây thổi lồng mái tóc, có thể vương đôi ba cánh hoa phượng bất kì và thần kì trong đó.

Sẽ đến tiết mưa ngâu, trẻ thơ tìm hái quả phượng, bẻ nó ra trong mùi ngai ngái, lấy cái cùi dẻo như bánh dày quanh hạt mà ăn, một món ăn chỉ có trẻ thơ mới thích kiếm tìm, ăn cho vui, ăn cho thích, ăn cho nhớ tuổi thơ mình.

Đương nhiên, quả bị hái bị bẻ chẳng bao nhiêu, nên khi mùa đông giá rét thổi vi vút gió, trên cành phượng, la đà đầy những quả màu đen, nghiêng nghiêng như tránh sương, người nghèo có thể dùng cái câu liêm mà bẻ để làm chất đốt trong cảnh “gạo châu củi quế”. Cây phượng không hề tiếc đứa con mình, đã trải qua mấy mùa mưa nắng, cũng chẳng biết rồi những cái hạt hình thoi, màu nâu huyền, trông như hồ phách sẽ luân lạc đến nơi

nào... Cây im lặng đứng trong mùa cuối năm, khiêm tốn không dám so cùng mai, cùng đào rực rỡ, cứ chờ sang năm, đàn蝶 trĩu chui từ đất mà lên, bám vào gốc cây lột xác, thành những chàng nhạc sĩ ve sầu... cây lại rực rỡ một vòm trời đỏ rạng, lại rắc pháo xuống mặt đường, lại đi vào kỉ niệm tuổi học trò, những kỉ niệm một đời không phai lạt...

Từ ga xép... Khởi Hành

Cầm Giàng không hẳn là một ga xép. Nó là một thị trấn, huyện lỵ, trên bến dưới thuyền, chợ họp suốt ngày, có đường giao thông về các vùng xung quanh như Lang Tài, Gia Bình, Sặt, Thanh Miện v.v... có lúc có cả xe ngựa, ô tô chạy than, xe kéo tay.

Nhưng đời sống của nó chính là con đường xe lửa chạy qua, cái nhà ga tuy không bề thế, tuy chỉ một tầng nhưng là trung tâm cuộc sống.

Ga có sáu gian, thì hai gian làm nơi ở cho gia đình ông xép ga, hai gian cho ông kí ga. Một gian là phòng chờ, chưa bao giờ có một cái ghế nào cho khách, chỉ có duy nhất một cái cân bàn to tướng, lâu ngày đen xỉn. Phòng chờ những lúc mở cửa, là có người ngồi bó gối, người nằm trong các góc, người đứng lố nhố chờ mua vé hay xem bảng giờ tàu. Một gian cạnh đấy là phòng làm việc của nhà ga, nào bàn đánh “dây thép”, giấy má ngổn ngang, cái máy đánh bằng ngón tay, kêu lên tạch tạch, hai cuộn giấy tròn chạy đi, chạy lại, ghi những gạch, những chấm, thành nổi mөр ước khắc khoải khôn nguôi của nhiều trẻ em trong thị trấn, được nó mà chơi, mà dán đuôi diều thì không gì sướng bằng. Ở mấy góc, có đủ thứ, nào cờ xanh, cờ vàng, cờ đỏ, những chiếc đèn vuông, có kính xanh kính đỏ, mà chiều chiều

ông bẻ ghi phải rút đầy dầu vào đấy, xách hai chiếc ra đầu ghi treo lên cột tín hiệu.

Một hình ảnh và âm thanh khó quên là cửa bán vé, có cái máy như một đứa trẻ con gù, vé trước khi bán qua cái lỗ cửa nhỏ gọi là “ghi xê”, nó được đưa vào máy kêu “cậm cãnh, cậm cãnh”, như tiếng một con chim gì không hề có ở trên đời. Khách cầm cái vé ấy ra cửa, ông kí ga có cái kim bé tẹo bấm một cái, rơi ra viên giấy tròn. Có khách vội hay tay xách nách mang, ngậm vé vào môi, ông kí ga cũng vội lấy chiếc vé, bấm kim xong, ông lại trả vé vào môi khách, chả ai nghĩ đến chuyện nước bọt có dính ra không. Gian phòng làm việc ấy lúc nào cũng có việc làm để đón đưa những con tàu từ Hà Nội về, từ Hải Phòng đến, đổ lại giầy lát rồi lại ra đi.

Hình như là một điều tất yếu. Có con tàu là có nhà ga và lập tức kèm vào đấy là đủ loại hàng nước, quà bánh. Trong những gian nhà tranh, trên cái chõng, mấy cái mẹt hay cái ngăn gỗ có quai xách... Khách đến sân ga, ngồi trong phòng chờ, ra đường “ke” đều có hàng quà bánh mời mọc. Cả khi con tàu đổ lại, hàng quà cũng ào vào cửa toa như những cơn lốc nhỏ cùng những tiếng rao ời ời... nào nước vối, nước chè, bánh đậu xanh, giò chả, xôi nén và đủ loại thứ hoa quả, mía róc.

Tôi sinh ra và suốt tuổi thơ, tôi gắn bó với cái ga Cẩm Giàng ấy. Đối với tôi, nó rất to. Phòng chờ rộng mênh mênh, nên không cần ghế. Tiếng máy bấm vé, tiếng chim kì dị ấy thật đáng yêu. Ông xếp ga lúc nào cũng quần áo chỉnh tề, đi giày, đội mũ, tay cầm cờ vàng, cờ xanh, tay cầm còi... oai vệ, đĩnh đạc, đường hoàng, cao sang thế. Bà xếp ga cũng vậy, quần là áo lượt, hình như bà còn đánh phấn, tô môi son. Các con ông bà ai cũng đẹp đẽ, sạch sẽ, khác hẳn bọn trẻ con nhà nghèo chúng tôi phải chui rào vào “ke” bán quà rong, mà dân ở đây gọi là bán “màn xế”.

Mấy ông kí ga cũng khoan thai, cao kì lắm, quần áo phẳng lì, thơm phức. Cả hai ông già gác ghi cũng thế, tuy là quần áo xanh có vẻ nghèo hơn, nhưng cũng có gì đó làm bọn trẻ chúng tôi kính phục, e ngại. Nhà ga là nơi có uy quyền to lớn. Con tàu mạnh đến thế, mà nhà ga cho nó chạy, bắt nó dừng, nó đều phải nghe theo. Bao nhiêu người trên tàu, đều phải theo con tàu, tức là phải theo lệnh của nhà ga chứ gì, kể cả những chiếc “ô tô ray” cửa kính sáng choang, rèm che phơ phất, sau cửa kính toàn những người sáng loá, quần áo thật đẹp...

Những con tàu thời đó, từ trước năm 1945, thường sơn đỏ, gió bụi đường dài làm xỉn đi, không rõ ra một màu gì. Toa khách có hai chiếc ghế dài chạy theo chiều dọc toa. Chỉ có một toa hạng nhất có ghế ngồi ngang, bọn trẻ bán rong cũng không dám đến gần toa ấy.

Chiếc đầu máy nào cũng phì phì nặng nhọc, có lúc nó xả hơi ầm ỉ, cái bánh đà quay tít nhưng vẫn đứng im một chỗ, có lúc nó kéo còi như gọi, như mời, như thúc giục, như kêu khát nước. Ông tài xế, ông xúc than, mặt mũi nhọ nhem còn đội cả cái khăn vuông lồng vào gáy mũ. Chiếc đầu tàu cổ có vẻ gầy guộc hơn, nôi xúp de bé hơn, cái ống khói dài hơn. Sau có loại tàu Quảng Sĩ trông khỏe hơn, hai bên phía trước có hai tấm che như áo giáp. Rồi có loại phải chạy củi thay cho than luyện, ống khói phun lên những tia lửa như hoa cà hoa cải, làm bọn trẻ rất thích nhưng người lớn sợ hãi vì rất dễ bị cháy nhà, nhất là nhà lợp rạ ở hai bên đường tàu.

Những con tàu đi, tàu về thường đỗ lại ga Cẩm Giàng khá lâu. Người ta cần đủ thì giờ để chuyển lên các toa hàng núi bao gạo, dó gạo, hàng trăm con lợn sống buộc nằm nghiêng, có dấu đóng bằng lửa còn mãi mùi khét của thịt da cháy, hàng trăm lồng gà vịt. Các ông “bắt tê”, ông nào cũng có chiếc khăn vuông trên đầu phủ xuống vai, khi nào các ông rũ khăn mới thấy ông

xếp ga thổi hai tiếng còi ngắn cho con tàu chuyển bánh, đôi khi ông xếp thổi những tiếng còi từng đợt như báo “mau lên mau lên”...

Nhà ga có ba đường sắt cho tàu tránh nhau. Có lúc tưởng hai con train khổng lồ ấy sắp đâm sầm vào nhau, nhưng tài thật, ông gác ghi đã bẻ cái ghi cho chúng quặt sang hai đường, nằm kề nhau, thở ít hơi, rồi lát nữa lại mỗi con một ngả trên hai thanh ray mất hút chỗ đường vòng, để lại sân ga cảnh vắng teo, hiu hắt cho đến lúc sắp có con tàu sau.

Những lần có tàu tránh nhau như thế, thế nào ở đầu ghi cũng có hai tiếng pháo do ông gác ghi cặp vào đường ray, và bọn trẻ chúng tôi phải đi tìm bằng được vỏ pháo, là miếng sắt dẹt, y hệt như chiếc đồng hồ đeo tay nhưng to hơn, tiếc là nó không chạy được, không chỉ giờ, dù rằng nó cũng có hai quai, có thể đeo vào tay. Còn chiếc đồng hồ thật của nhà ga thì rất to, có quả lắc, có số La Mã, ngay cả các thầy giáo trường Kiêm Bị là trường của huyện, cũng thường phải ra đây so lại cho đúng giờ. Có lẽ cái gì thuộc về nhà ga đều là hoàn chỉnh, nghiêm trang, tuyệt vời, không sai bao giờ. Chắc thế.

Ở gần ga, có cái két nước cao lênh khênh, tiếng máy bơm quay tay do bốn người kéo, kêu ì ầm suốt ngày đêm để cấp nước cho những con tàu đến đây. Mỗi khi tàu cần lấy nước, thế nào nó cũng kêu lên hai tiếng còi một dài một ngắn ngay từ ngoài ghi. Phía đầu này nhà ga còn có cả một đồng đa học, xếp vuông vức, là nơi nhiều phụ nữ nghèo quây cót ra một hai ngày, và khi từ đồng đa ấy trở về, tay bồng đứa trẻ mới đẻ, mặt tươi như hoa. Thì ra là phong tục không muốn đẻ ở nhà mình. Đồng đa ấy để năm này sang năm khác mà chả mất một hòn nào bao giờ. Cái gì của nhà ga cũng phải uy nghiêm, không một ai dám động chạm, tơ hào thì phải?

Tháng ba năm 1945, đảo chính Nhật - Pháp. Tàu không chạy. Nhà ga lạnh băng, vắng ngắt như nắm mồ, im lìm như đảo hoang. Cả dãy phố dài tối nào cũng le lói đủ loại đèn để bán hàng, để đợi tàu nay cũng tắt ngấm, lặng tờ chờ đợi. Tưởng như bóng tối từ lâu bị bắt nạt, nay mới được thể, ủa ra, phủ tấm chăn đen lên tất cả. Ai cũng nhớ đến tiếng con chim bấm vé “cậm cậm, cậm cậm”, không biết bao giờ mới lại có. Người ta hỏi nhau nếu không bao giờ có tàu chạy nữa thì nhà ga sẽ ra sao, cuộc sống sẽ ra sao. Không ai dám trả lời. Và đến lúc ấy mới thấy con tàu và nhà ga quan trọng với mọi người như thế nào, giống như hàng ngày có mẹ, ta tưởng bình thường, đến hôm không còn mẹ nữa, ta mới thấy mẹ quan trọng như thế nào đối với cả cuộc đời ta.

May sao, ít ngày sau, lại vang lên tiếng còi và con tàu lại xinh xịch trở về. Mọi người hò reo như đón người thân, đón cả tiếng kình kình như âm nhạc từ chỗ nổi ray phát ra, cả những toa đỏ toa đen, toa đĩa, cả màu cờ vàng cờ đỏ trên tàu phất chào lại nhà ga...

Con tàu đã mang hơi thở, sự sống cho bao người, từ toa chờ khách sơn đỏ, có hai dãy ghế dài, đến toa đen kín bùng, chở trâu bò, toa đĩa không mui chở đá, chở gỗ, có khi còn có vải bạt che kín bịt bùng chở gì bí mật ở trong. Ngọn đèn đỏ ở sau toa cuối, cả cái biển tròn màu đỏ thay cho ngọn đèn ấy... cũng thành niềm vui của bao người nhờ nhà ga, nhờ con tàu mà sống. Con tàu không im lặng, nó kêu, nó thở, nó hát ca bằng tiết tấu nhịp điệu riêng của nó, toát ra trên toàn thân con tàu, còn toát ra tiếng u u, i i ở những cột dây đồng gọi là cột dây thép, đi liền, đi song hành với đường tàu như duyên kiếp, không thể thiếu nhau...

*

* *

Phải nhiều năm sau này, từ một chú bé sinh ra và lớn dần lên ở cạnh nhà ga nhỏ bé ấy, tôi thành người có tuổi, tóc đã bạc phần nào, tôi mới hiểu thêm được con tàu, những chuyến xe lửa là thế nào, cần thiết cho cuộc sống của đất nước dựng xây ra sao.

Hà Nội, thành cái nhà quạt, tỏa ra những tia mặt trời, những tia dẻ quạt ra khắp miền đất nước. Ga Hà Nội thành niềm gắn bó đời tôi như bao điều khác, bao ngôi nhà, con đường, hàng cây khác của Hà Nội. Từ cái đồng hồ treo nghiêng nơi cửa ga để ai cũng nhìn thấy, cái đồng hồ treo thẳng bị bom Mỹ hủy hoại, từ ông trưởng ga mặc đồng phục, đội mũ kê pi, đến cô thư kí cầm cầu vừa bán vé vừa mắng khách, cô nữ thư kí ngày nay mặc áo dài hoa, má phấn, môi son, nói cười lịch sự, đưa khách ra ga, lên tàu đầy chân tình ấm áp, trên nhà ke có mái che, người ta đối với nhau như anh em... Hà Nội tỏa ra sức sống, đến Lào Cai có Apatit, có Sa Pa mơ mộng; đến Lạng Sơn có rừng hồi thơm ngát những hoàng hôn, có đường biên giới đi ra cùng thế giới; đến Hải Phòng có những ánh hải đăng cho con tàu trăm phương cặp bến, hàng đến, hàng đi náo nức lòng người; đến Thái Nguyên có quặng sắt, có gang thép cho hôm nay và mai sau, và tít tắp con đường gần hai nghìn cây số rộng dài suốt đất nước mà xương sống là dải Trường Sơn, đến với viên ngọc Viễn Đông nổi tiếng.

Tôi không phải chỉ còn niềm thèm khát màu áo vải tây vàng của ông xếp ga, thèm khát những con tàu ra đi không hẹn ngày trở lại, mà đã thành người lữ hành khắp nẻo đường dài đầy hấp dẫn ấy.

Từng có lần tàu đông, chật như nêm, phải đứng một chân suốt hàng mấy chục cây số để trở về Hà Nội, từng có lúc phải

nhảy qua cửa sổ để vào toa, ngồi chung với lợn gà trong toa đen bằng cách trải tờ báo ra thay ghế. Cũng từng có lần phải chờ tàu trên một ga xép miền núi lúc đêm khuya, chỉ có tiếng con chim từ quy gọi bạn, tha thiết nao lòng, trong khi ánh đèn tù mù của người trực ban nhà ga lắt lư như hồn ma quái...

Những con tàu rít lên trên quãng đường cong và dốc dựng ở những Lang Thít, Đồng Mỏ còn ghê rợn hơn khi leo lên đèo Hải Vân quanh co, bên bờ vực thẳm, tưởng như chạm tay vào đá núi, chạm chân xuống nước biển xanh ngời bọt trắng. Và đường hầm âm u, réo lên khi con tàu lao qua, rít lên âm vang như từ một thế giới lạ lùng.

Tôi cũng đã trải qua thế nào là một nhà ga không có con tàu, để vui mừng hòa cái thân hình bé nhỏ hơn hạt cát của mình vào cái ồn ào tấp nập rộn rã, có cả xô bồ hỗn tạp của một nhà ga khi tiễn con tàu đi, lúc đón con tàu về ở những ga lớn nhất như Hàng Cỏ, Hòa Hưng, Hải Phòng, Đà Nẵng... Con tàu chọt chậm chạp nhưng thuận tiện cho người có việc, thân quen gần gũi một cách dân dã với người thường, con tàu vết, con tàu nhanh vừa, con tàu tốc hành... nó như chuyển máu đến những tế bào hẻo lánh xa xôi, chuyển đến niềm vui, tươi tắn...

Từ ngày con đường sắt xuyên Việt được phục hồi, đúng nó là hai sợi dây đàn bắc qua hàng vạn phím sắt, phím gỗ, để rung lên nhịp tơ lòng của miền Bắc gọi miền Nam, miền Nam chờ miền Bắc... Những phím đàn ấy là hòa âm của sum họp, chan hòa, của mong nhớ... Nó là tình gọi tình, thành phố gọi thành phố, làng quê vẫy làng quê, của núi gọi biển, biển hò hẹn núi, của tạo dựng lên tiếng gọi người...

Bước đầu, còn nhớ, chiếc bánh đà phải quay hơn ba ngày đêm mới từ nơi khởi hành đến ga cuối cùng. Khách mệt nhọc nhưng vẫn vui lòng. Cái ghế ngồi gỗ cứng xiết vào lưng. Cái

đầu gối mỗi như vì không có chỗ cho nó duỗi chốc lát. Cái đầu nặng chịch vì mất ngủ, vì chập chờn trong tiếng xóc lộng óc. Hàng quà như cố hữu, như anh em sinh đôi với con tàu, được dịp cũng hồi sinh theo, cứ ời ọi từ ga này sang ga khác. Cái cần đã có. Đó là được đi, được gặp, nên tạm bằng lòng như vậy, chấp nhận những phiền lòng, vất vả...

Anh bộ đội chiến đấu ở miền Nam về phép, mang theo con búp bê cứng đơ, bà mẹ già đi thăm đứa cháu nội chưa hề biết mặt, người chị đi tìm em, người cô tìm cháu... cứ thế, nên 76 giờ hay 72 giờ, chả cần, chả quản, mặc cho đồng ruộng núi non, sông ngòi lướt nhanh, lướt chậm qua cửa toa kia, mặc cho đêm xuống, trăng lên, sương mờ, nắng gắt... Chỉ cần niềm vui sướng đang dâng đầy lòng mình là đủ.

Chắc lúc ấy cũng nghĩ rằng cần phải nhanh hơn, tốt hơn, thuận tiện hơn, sạch sẽ hơn, văn minh hơn... Con tàu, với nhà ga đứng chờ vợ một mình, với đầu ghi bẻ qua bẻ lại, với cột điện tín song hành, với những cửa bán vé cũ mòn... nó như từ ngày xưa vốn thế và đến nay vẫn thế.

Vậy mà, lạ lùng thật đấy. Đã có con tàu 38 tiếng đồng hồ, Hà Nội đã gặp Sài Gòn. Chỉ một nửa thời gian so với trước. Nhưng vui hơn, đáng nói hơn là những người của “nhà tàu” đã hầu như hoàn toàn khác trước. Cô nhân viên phục vụ đưa khách đến tận ghế. Anh trưởng toa, ông trưởng tàu lúc lúc lại có mặt... xem khách có cần gì đột xuất. Bữa ăn đã thơm tất sạch sẽ, và tương đối ngon lành người kĩ ăn cũng có thể gật đầu. Bàn cờ tướng, cổ bài tú lơ khơ, tờ báo cũng đã có mặt, làm khách tạm khuây nỗi đường xa. Chợt ủa về bao kỉ niệm từ cái ga Cẩm Giàng một thời xa ấy, nhà ga cũ kĩ, phòng đợi không ghế, hàng quà bánh í ới, ngọn đèn tù mù... mà thấy có điều gì đó vừa dâng lên trong lòng mình...

Con tàu mệt nhọc, tiếng pháo cho tàu tránh nhau... có lẫn theo bánh con tàu đang lao nhanh về phía trước. Ba ngày thật ngắn trong một đời người, nhưng cũng dài xiết bao trong một cuộc hành trình đầy vất vả. Nay, khác lạ đến bất ngờ.

Vui từ phút khởi hành. Vui từ bước đầu tiên mua vé, lúc bước lên bậc gỗ cửa toa, lúc vào toa, lúc ngồi xuống hay ngả lưng trên chiếc giường mềm mại...

Những em bé sinh ra dọc con đường sắt... đã lớn lên, người này theo người nọ, họ có mặt ở khắp vùng đất nước. Những con tàu cũng đã lớn lên, đã lao đi khắp các vùng đất nước, như cái bánh đà ngày càng quay nhanh, dẫn con tàu tiến mãi.

Lá cờ xanh trong tay người trưởng ga, người trưởng tàu phất lên. Hồi còi cũng đã dóng dả. Nào con tàu của ta ơi, hãy mạnh mẽ lên đường.

1993

Lời chúc mở đường

Lạy trời, mong sao các anh cán bộ thống kê ấy thất nghiệp. Nếu các anh cứ ngồi chơi không quanh năm, không phải ghi một con số nào về xe đâm nhau, xe lao xuống vực, người chết, người bị thương, hàng hóa bị hư hỏng, xe nát vụn... Anh không phải ghi gì cả, thì anh có thể ung dung hưởng lương cao gấp mười lần... cũng xin vui lòng. Và, bắt đầu ngay từ hôm nay, ngày mở đầu của năm mới, ngày tròn 5 năm nữa là vừa đủ 2000 năm có lịch gọi là lịch Grégoire.

Chắc rằng ước mong đó là không tưởng. Nhưng ai cấm mọi người ước mong thế? Ước mong thế cũng là nói thầm, nói ngầm rằng tai nạn giao thông giảm đi chừng nào hay chừng ấy,

giảm càng nhiều càng tốt, nếu đến mức nó chỉ là số không thì thật hạnh phúc cho con người và đất nước.

Ai chẳng từng ngồi vào lòng toa, trên ghế xe, trong khoang thuyền, trên boong tàu để được di chuyển từ vùng này sang vùng khác, ngắn thì mấy thôi đường, dài thì hàng ngàn cây số hoặc vài ba ngày rong ruổi...

Sự bồn chồn lo lắng của người ở nhà, cái sốt ruột hồi hộp của người trên đường... đã dồn nén vào thành câu: “Đi đến chốn, về đến nơi”, thành câu “Thuận buồm xuôi gió”...

Ước mơ tốt lành của con người còn là lĩnh vực tâm linh. Buổi đầu ngày, ngày đầu tháng, lúc đầu năm... ai cũng cười cười nói nói, những điều tốt lành, chứ không bao giờ nói cái gì mà mọi người cho là dở, là xúi, là sai. Người ta đã có tục lệ kiêng cử từ lâu đời, dù chưa có cơ sở khoa học đủ tin cậy để chứng minh là đúng hay sai, nhưng tại sao lại có nhiều người tin đến thế? Đi tàu đi xe, mở đầu một công việc gì quan trọng, khởi hành cho một chuyến đầy mong mỏi... thế nào cũng kiêng ngày xấu, trước hết là ngày lẻ.

Gần đây, ý thức ấy còn thấm cả vào quan niệm của một công ty quốc doanh, tức là cơ quan nhà nước, nên mới có mấy dòng thông báo đăng trên báo hản hoi, đại ý: Luồng đường xe khách Hà Nội - Cao Bằng sẽ có xe đi và xe về vào tất cả những ngày chẵn trong tháng, là các ngày 2, 4, 6, 8, 10,... Kiêng hay vì lí do gì? Có kiêng có lành. Đây chưa hẳn đã là mê tín mà vội vàng phê phán, bởi làm cho từ nhà xe đến người ngồi trong khoang hành khách kia tin tưởng, yên tâm vui vẻ cũng là điều hay chứ sao? Đường xa, rừng núi, đồi dốc, khúc cong, suối hẹp, mưa trồn... cái may mắn và sự rủi ro chỉ là gang tấc nếu không nói là chúng song hành, như âm và dương, như sáng và tối... Kiêng

như thế chỉ là sự cầu mong, ước muốn, hi vọng được tốt lành, bình yên, vô sự, xét ra không có một chút hại gì.

Vội vàng một giây, một phút, có khi mất luôn cuộc đời, nhẹ hơn thì một năm hoặc dăm ba tháng nằm trong bệnh viện, may mắn nhất, chỉ mất một vài giờ ngồi xoa nắn lại chân tay... Vậy thì mất một phút, chậm tí chút là hơn hay mất đi bao nhiêu điều quý giá kia là hơn?

Đã bước sang một vòng quỹ đạo thời gian mới. Mỗi người thêm một tuổi mẹ cha cho, đất nước cho, vũ trụ cho. Đó là sự sống, mà xét cho cùng thì có gì quý giá hơn sự sống, làm gì có ai có vài ba lần được sống? Tái sinh, luân hồi... mới chỉ là lí thuyết của tôn giáo để an ủi con người, còn thực ra, cuộc đời thực chúng ta đang sống, được yêu đương, lao động, sáng tạo, nếu mất đi, sẽ không bao giờ còn có nữa. Sự sống là đẹp tươi, rực rỡ, là cái hôn nồng cháy của người yêu, là đôi mắt long lanh của người bạn đời sau một ngày vắng, sau một chuyến đi xa trở về cùng mái ấm, là mùi sữa vừa thơm vừa hơi hôi trên đôi má bụ bẫm hồng hào con trẻ, một tiêu bản của đời ta, nó dùng bàn chân chưa hề đặt xuống đất cát lấm lem, đập vào bụng ta, mặt ta, trán ta... mới thích thú làm sao... Sự sống còn thiên hình vạn trạng những điều không thể thống kê.

Gian nhà ta, thành phố ta, đất nước ta chính là người mẹ luôn nâng đỡ, an ủi, chở che ta, mà mỗi năm, mở đầu bằng ngày mừng một tháng giêng, ta lại bồi hồi vì có một điều gì mới vừa xuất hiện. Có khi là ánh đèn khuya trang sách, là bình hoa ngày chủ nhật, là một chiều lộng gió bên hồ, là sản phẩm ta dâng hiến cuộc đời. Ta đánh mất cái của riêng ta đã là sai lầm, nếu còn đánh mất (hoặc cướp đi) cái riêng của người khác, sẽ là tội lỗi. Ai đại khờ đến nỗi chuốc sai lầm và tội lỗi vào mình?

Xưa nay, cái đầu tiên, sự khởi hành, điểm xuất phát, cái mở đầu... bao giờ cũng là tốt đẹp, hi vọng, được mong chờ, được lưu giữ... Mỗi tình đầu, buổi đi học đầu tiên, trang đầu tiên quyển vở mới, bài ca mở đầu đêm diễn, tờ báo đầu tiên, bài thơ đầu tiên ta viết được, cảnh lộc đầu tiên của cái phút đầu tiên một năm... Ai mà chẳng có những kỉ niệm và mơ ước tốt đẹp như thế.



Cũng như vậy, ngày mở đầu của 5 năm cuối cùng thiên niên kỉ thứ hai, chắc chắn nó mang trong lòng mình bao kì vọng mới. Thật hồi hộp, phấn chấn, tươi vui, bởi những gì đã đạt được, đã có, những gì còn đang ở trong tầm mắt, ở xa phía trước... Mong sao... Ngày tốt đẹp mở đầu này sẽ là người anh cả, là con chim đầu đàn, dẫn đường cho 365 “ngày em”, “con chim em” đi tới đích an toàn. Hình như chiều hôm qua đây, ngày cuối năm cũ, mỗi người đều lắng lại phút giây, điểm lại

một vòng quay trái đất, xem những gì đã diễn ra, đã đến, đã đi, những may rủi của một năm vừa hết.

Có người nói: Hạnh phúc thực sự không phải là khi ta có hạnh phúc trong tay, mà hạnh phúc là cái mà ta còn đang phải kiếm tìm trên cuộc hành trình dang dở suốt một đời ta... Nói cách khác, kiếm tìm hạnh phúc mới là hạnh phúc. Con đường phía trước mặt ta kia, ngày nào ta chẳng phải vượt nó, thế là ta kiếm tìm hạnh phúc đó. Phía trước ấy còn dài lắm, dù nay, dù sớm năm mới này, tuổi của mỗi chúng ta mang con số bao nhiêu. Đường, tới đích và gian truân đâu ít. Còn bao nhiêu sông suối, cầu phà. Còn bao nhiêu cột cây số uy nghiêm, còn bao nhiêu dặm đường mưa nắng, những quán dọc đường, những bóng mát cây xanh, những bờ bến mong chờ...

Cổ nhân nói: Chiếc xe nào cũng có bến đỗ. Con đò nào cũng có bờ mong, mỗi người chúng ta ai cũng có người chờ đợi...

Hôm nay xuất phát, cái bánh lăn đi, nhất định phải trở về trong hân hoan và hạnh phúc. Con đường sinh ra chính là để con người đi tới nơi cần tới. Người làm chiếc xe, người điều khiển tay lái, người khảm cái vỏ thuyền, người đúc cái bánh đà... đều mong chứng kiến niềm vui...

Xin được cầu mong như thế. Xin được an toàn như thế... Một năm mới đã sang, những con đường mới đã mở. Nào chúng ta cùng xuất phát, khởi hành...

Vào 1996

Trên những nẻo đường

Khi ta chập chững bước đi đầu tiên từ bậc cửa ra bậc thềm, mẹ đã đỡ tay, sợ ta vấp ngã. Thế là chuyến vận chuyển, sự giao

thông đầu tiên ấy đã cản chống lại sự tai nạn. Trên đường đời sau này, gặp ghềnh cheo leo, lên rừng trèo núi, xuống biển ra khơi, nguy hiểm nhất vẫn là tai nạn. Và hạnh phúc khi được đi đến nơi về đến chốn.

Cô Kiều bước ra khỏi nhà để mười lăm năm lưu lạc, đã phải qua:

“Vó câu khắp khênh, bánh xe gặp ghềnh...”

Có lẽ không một ai trên cõi nhân thế này lại không có những chuyến đi dù dài hay ngắn trên những nẻo đường. Mà cũng không có một con đường nào hoàn toàn phẳng phiu, thẳng tắp như kẻ chỉ. May ra thì một đoạn đồng bằng, một khúc ven biển... còn khúc cong, đoạn lượn, chỗ “cua” tay áo, nơi leo ngược dốc, làm ta chóng mặt, hải hùng, phải mở to con mắt tỉnh táo để vượt qua “cửa tử” mà tìm sinh lộ. Những con đường của mỗi đời người, mỗi con người là gian nan, tự vượt... để sinh tồn.

Những dặm đường đất nước, Hà Nội như cái hoa nhài quạt, cho nam quạt tỏa ra khắp dọc dài trăm dặm, nghìn dặm, xưa gọi là đường Thiên Lí, xuyên sơn... Đường số một, số hai, số ba, số bốn, số năm... rồi bao nhiêu con số khác nữa, ta đã đi qua, con đường thành kí ức, thành kỉ niệm trong ta, vui hay buồn, hạnh phúc hay đớn đau là tùy thuộc vào những chuyến đi an toàn như thế đó...

Đường một từ Đồng Đăng - Lạng Sơn vào Sài Gòn - Nam Bộ, qua cửa ải Chi Lăng, qua Kinh Bắc văn hiến ngàn năm, rồi qua Sơn Nam, Thanh Hoa (nay mới là Thanh Hóa), những Châu Hoan, Châu Ái, những Châu Ô, Châu Lí, Tháp Bà để đến với châu thổ Chín Rồng mỗi cánh cò bay... Dọc theo nó có bao nhiêu vùng đất sinh thành ra những con người lừng lẫy, làm vẻ vang đất nước. Nhà Lê, nhà Đinh, nhà hậu Lê, nhà Nguyễn, và

ta cũng không quên hai dòng sông tuy không rộng mà vẫn canh cánh nỗi đau lịch sử: Sông Gianh và sông Hiền Lương, hăm nghìn sau nữa còn nhắc đến những cái tên này...

“Chiều chiều mây phủ Hải Vân...” câu ca xưa cũ, điệu hò sông Mã, khúc Nam Ai bài hát Chòi cho đến sáu câu vọng cổ... vẫn bám theo con đường mà vào tâm trí ta, thành máu thịt mỗi người, thành khí trời ta thở, thành dòng sông cho ta thả con thuyền hồn mơ mộng đắm say như một thứ men tình ái đời đời...

Đường số 5 ra biển, qua đất Thượng Hồng, Hạ Hồng, đến với Hải Trần Phòng Thủ mà thành tên Hải Phòng..., qua quê hương hoàng hậu Ý Lan, nơi Chúa Trịnh định đặt phủ Chúa Như Kinh (nay đọc chệch đi là Như Quỳnh), với địa danh linh thiêng Cổ Bi trong câu: *“Thứ nhất Cổ Bi, thứ nhì Cổ Loa, thứ ba Voi Phục”*. Con đường để lại sau lưng một Quán Gỏi ngã tư, hăm ngày xưa chỗ này có món gỏi cá, gỏi cua nổi tiếng chẳng; nay có đường sang Cẩm Giàng, có nẻo Phù Ủng quê hương người tướng tài Phạm Ngũ Lão... Và kia cầu Phú Lương bắc qua sông Thái Bình, từng cong như tranh vẽ, tựa tựa giống cầu Tràng Tiền xứ Huế, vì chiến tranh mà hình dáng xiêu vẹo, tơi bời. Thảm chưa, chỉ phút giây, đầu cầu này đã là chỗ hai tài năng của đất nước lìa bỏ chúng ta vì tai nạn giao thông: Lưu Quang Vũ và Xuân Quỳnh. Hải Phòng ta đi tiếp, dường như lựa trải trên đồng bằng, lên đồi, men theo mép biển, cũng có thể là sóng gió dập dềnh, sơn thủy hữu tình xô đầy nhãn mục. Ta sẽ đến Hạ Long, Bái Tử Long, Cẩm Phả, Cát Bà, Trà Cổ... một vùng Đông Bắc hào sảng tinh khôi, có Vân Đồn với tướng Trần Khánh Dư lừng danh, và trận thủy chiến Bạch Đằng oanh liệt ngàn đời...

Đường 2, đường 3, đường 4... Sóc Sơn kia, nơi Thánh Gióng đánh xong giặc, trả lại áo mũ cho trần gian, rũ bụi lợi danh mà

về cõi thanh thản hư vô sương khói. Quê hương Cách mạng, nào Thái Nguyên, Tân Trào, nào Hồ Ba Bể, nào Tuyên Quang, Cao Bằng, có hang Pắc Bó, có suối nguồn trong vắt Lê Nin... Bình Ca ời, bài hát vẫn vang lên trong hồn ta với sông Lô hùng tráng, bến Âu Lâu, những Chiêm Hóa, Hà Giang và đây nữa đêm trung du chập chùng và bập bùng lửa đuốc, mem rượu cần cổ sơ của nhà vua đi săn về, sương còn vương áo cỏ dếp gai... Hùng Vương mười tám đời dựng lên, lập ra đất nước, cho ta có tiên tổ rồng tiên... Cột đá Thề trên Đền Thượng vẫn uy nghi hương khói, nhắc cháu con nhớ về nguồn cội mà đắp bồi cho bền vững nước non... Hoa lau bạc, suối tuôn trào, rừng sâu bí mật... Người anh hùng áo nâu Hoàng Hoa Thám đắp đồn Phồn Xương, Đồn Gò Mỏ Trạng... mấy chục năm chống giặc, vẫn phảng phất anh linh khi ta bóc một trái cam Bố Hạ, Nhãn Nam, Yên Thế... Con đường đi qua, nhưng không bao giờ mất hút, nó cứ như phù sa lắng lại trong hồn người một tầng mật ngọt để “ăn đường”, con đường suốt một đời người.

Đường 6, mở vào một Tây Bắc điệp trùng. Chèo Ba La, Bông Đỏ, Lương Sơn có nông trường Cửu Long, ta đến với Hòa Bình, nơi dòng sông tung hoành ánh sáng. Dốc Cun dẫn lối tới Thung Khe, nơi bắt đầu Trường Sơn hùng vĩ, dắt ta vượt thêm muôn đỉnh nghìn vực mà đi tiếp. Tà Vài, Hát Lót, Nà Sản, Sơn La, Lai Châu, Tạ Bú, Tạ Khoa, Điện Biên có đèo Pha Đin, có hoa ban trắng trời triệu loài bướm rập rờn, có hoa đào gọi mùa xuân về cùng biên giới để cô gái Mèo ửng hồng đôi má của trái đào chín tháng năm, mà anh con trai nào cũng muốn “giết sâu bọ” bằng cái phơn phớt lông tơ và hồng hồng da thịt ấy trong Tết Đoan Ngọ tưởng tượng quanh mình. Lê Lợi đi đánh Đèo Cát Hãn, phải vượt qua 192 ngọn thác, hành trình, lộ trình ra sao nhỉ. Quân trắng, cờ bay, trống chiêng om sòm, gươm giáo sáng choang... Hẳn núi cũng ngỡ ngàng khi cây rừng thức ngủ đã

thấy một chuyến vận chuyển, di động có một không hai này. Bia Hào Tráng đã được rước lên cạn an toàn để Thác Bờ thành lòng hồ sâu thẳm. Những điệu múa xòe Tây Bắc vẫn thần tiên chất núi rừng khi bước chân trần con gái trên sàn nứa, sàn tre, sàn gỗ và trên nền đất thịt, nghiêng vai mời khách một “khòe” rượu cần, cong như cánh cầu vồng, như cánh cung chỉ lấp mũi tên tình cảm, bắn trúng đích, vết thương êm dịu hạnh phúc nhớ nhung suốt một đời dài...

Còn bao nhiêu con đường khác nữa mà ta không thể nào lấy nó ra một lúc khi nó cứ chất chứa đầy hộp thần kinh trong não. Đường 9 Nam Lào, đường liên tỉnh, liên huyện, con đèo cheo leo, dốc sương mù mịt, đoạn phẳng như gương... và bỗng đâu, khựng lại khi gặp một con phà nhỏ, phà to chờ đợi cho ta sang ngang đi tiếp con đường... Bao nhiêu cây cầu, một nhịp, mười nhịp, hai mươi nhịp... Ván gỗ dập dềnh, mặt xi măng loang lổ, kể cả ổ gà bắt ta một lần tung lên để nhớ... dưới kia là những dòng sông lững lờ hay cuồn cuộn, giống như tính nết riêng của người con gái ta yêu, lúc nũng nịu thiết tha, khi dữ dội nhiệt cuồng đến chung chiêng cả thế giới, đáng đứng...

Sông Hồng đỏ lựng, sông Thái Bình êm đềm, con sông Thương bên đục bên trong mà sáu khúc giang đầu đổ về một bến, cho lung linh đáng đèn Kiếp Bạc anh hùng... Sông Đáy, sông Cầu, sông thơ sông mộng... Những sông Mã, sông Chu, sông La, sông Lam, sông Linh Giang, sông Hương nữa chứ, con sông Hương không bao giờ vội vã, nó cứ như giọng hò của cô gái Huế, của con cháu một Huyền Trân Công Chúa, một Ngọc Hân Công Chúa, lặng buồn, nỉ non, lờ lững thiết tha, tâm sự dồn nén cho ai đó phải lòng lãnh chiếc dải yếm phía sau lưng mà dồn thêm một hơi thở dài cho thỏa niềm đau đáu... Ngã ba Tuần, ngã ba Bằng Lăng nơi nguồn Tả Trạch, Hữu Trạch gặp nhau để cỏ Thạch Xương Bờ xức nước thơm cho dòng sông

thơm mãi, thơm suốt xuống Kim Luông, Đập Đá, Vĩ Dạ, xuôi nguồn ra biển...

Đến chín cái miệng rộng của mẹ Mê Kông, tạo ra châu thổ Cửu Long vừa lúa ấm no dân tộc... dòng sông nào cũng bát ngát, cũng thơ mộng, cũng dữ dội, cũng êm đềm... mà tàu ta đi, thuyền máy ta vượt, con đò ta lướt... sóng ở sau lưng, trắng xóa trong bàn tay ta khóa... dòng sông nào cũng cho ta cảm giác tươi trong, khoáng đạt. Ta bước qua cầu ván rung rung, để rồi ta cũng phải bước lên rung rung cầu ván, đặt chân lại nơi bến cỏ ven đê, bờ đất cát mịn, mặt đường xi măng... một cách bình yên, về sum họp sau chuyến đi đầy hứng khởi... thì dòng sông con tàu, ván đò mới có ý nghĩa với mỗi đời người. Không thể có gì thâm hơn nếu thân ta giạt vào một góc bờ hoang vu, bập bênh không ai tìm thấy, khi con đò lật úp đêm nao... Lạy trời, mong sao cảnh ấy đừng bao giờ xảy ra cho bất cứ một ai... kể từ con đò nơi sông đào nho nhỏ, hay giang thuyền, hải thuyền ngoài lòng hoặc tít tắp khơi xa ra cùng năm châu bốn biển.

Những ai vạn dặm đi về, những ai phiêu bồng lữ thứ, những ai lang bạt trăm phương, chuyến hàng ngày hay chỉ là chuyến đi duy nhất đời mình... Những con đường trải mình trong nắng mưa giông tố, trong sương buốt rừng khuya, trong gió Lào quạt lửa... những dặm dài đưa đón con người... con đường nào, dòng sông nào cũng có một tâm hồn để thương, để nhớ, để tâm sự liên hồi. Nghe thì sẽ thấy. Lắng thì sẽ gặp, người ơi... Tiếng nói ấy xào xạc trong bờ lau, trong sóng biếc, trên ngọn đồi, trong đàn thông, dưới bánh xe, trong buồng lái... tất cả bao giờ cũng là lời cầu nguyện bình yên, là niềm mong chờ đến khắc khoải an lành, như thuở ấu thơ, mẹ đỡ ta trong bước đi chập chững đầu tiên, sợ ta vấp ngã... dù bước đi ấy chỉ có một dải chân hay bây giờ là vạn dặm dài mờ hôi tầm tã...

Thời hiện đại, hẳn ít ai còn nghĩ đến bao thuở xa xưa, bước chân xuyên Việt phải mang theo con dao quắm, dao rựa để mở đường. Người gánh cáng thuê, được gọi theo từ cổ là đẩu cáng, đã chìm vào quá khứ và nghĩa của từ ấy cũng đã thay đổi hoàn toàn. Nay ta có thể ngồi trong máy bay có điều hòa không khí, một giờ qua nghìn dặm mây bay, có thể êm ru mà cũng có thể gặp “ổ gà không khí” ù tai... những chuyến đi trên mọi phương tiện, qua mọi nẻo đường, đều cần bình yên để trở về trong niềm vui và hạnh phúc.

Xin được dùng câu nói cũ: Thượng lộ bình an, và cầu mong thêm một lời: Hãy chóng trở về may mắn...

Tháng 6 / 1995

Ùn Tắc giao thông

Ùn tắc giao thông hình như đã thành căn bệnh mạn tính của nhiều thành phố lớn, trong đó Hà Nội hầu như ít ngày không gặp tai nạn ấy. Tại sao vậy? Có nhiều nguyên nhân lắm.

Trước hết, ùn tắc giao thông sẽ làm mất rất nhiều thì giờ của mọi người, mà lẽ ra thì giờ phải được coi là quý giá, chỉ mất một phút, một giờ thôi cũng sẽ là thiệt hại về vật chất. Mà nghĩ cho cùng, một trong những nguyên nhân ùn tắc giao thông, thủ phạm gây ra nó, lại chính là người quý thì giờ, nhưng là quý cho riêng mình mà không cần nghĩ đến người khác. Người lái xe cố luồn lách, cố nhồi lên, không chịu nhường ai, để mong đi sớm một vài phút, thế là nghẽn lại, hoặc đã ùn tắc rồi nhưng không chịu lùi lại vì nếu lùi sẽ chạm vào lòng tự ái, coi như mình bị thua, nên cứ ì ra, bất chấp tất cả.



Chúng ta đều biết đường phố Hà Nội hiện nay có rất nhiều bất hợp lí cho một thành phố công nghiệp có nếp sống hiện đại, tốc độ. Nguyên nó chỉ là một đô thị nhỏ, đường đã hẹp lại gần, rất nhiều ngã ba, ngã tư cắt nhau, nhiều đường phố chỉ một hai cái ô tô tránh nhau đã khó khăn, vậy mà không ít trường hợp xe tải, xe khách đỗ lại hàng giờ, hàng buổi để bốc dỡ hàng hóa từ tỉnh khác về, có cả loại xe kèn càng mười bánh như một căn nhà tầng di động. Họ đỗ bất chấp bên số chẵn hay số lẻ, bất chấp đầu xe xuôi hay ngược. Và lúc ấy, một cái xe con khác, chờ một ông “quan” nào đó, cũng cần đỗ lại ở đoạn ấy, xe đỗ lại phía bên kia đường. Thế là cảnh hai xe nghênh ngang hai bên đường, ở giữa lòng đường chỉ còn hẹp tí tẹo, một cái xích lô, vài cái bình bịch lách nhau mà lên, thêm mấy chị hàng rau, trở vai, đưa ngang quang gánh ra đường, ừn tắc là dĩ nhiên không tránh khỏi.

Phố Hàng Buồm, phố Nguyễn Xí, phố Đinh Lễ, phố Đinh Liệt và nhiều phố khác đã luôn có cảnh đông vui như lễ hội ấy xảy ra. Không kể còn thêm ít xe đạp, người đi bộ, một vài chị phe tiền, xe bán hàng rong, đồ nhựa hoặc thuốc tây, cứ chen ào tới... cái phố yên tĩnh ấy bỗng nổ ra những cuộc tranh luận bất phân thắng bại, có người phải quay ngược đầu xe, tránh sang lối khác. Người đi bộ, có việc vội thì tự tìm lấy lối mà đi, tự khai phá lấy con đường riêng, lách qua mấy hàng nước vỉa hè, mấy chõng phở hay cái tủ kính của ông bán kính, chị bán thuốc nhuộm móng chân móng tay... mà thoát ra khỏi cảnh chen lấn, không biết hàng giờ nữa có thông thoáng được không?

Phố Nguyễn Khuyến chật chội, đường ổ gà, nhà cửa cũng lộn xộn, gặp lúc xe hỏa dồn toa, chặn một đầu đường, thế là hàng trăm xe nghìn người bắt buộc phải đứng lại giải lao, kinh thường nắng, mặc kệ mưa gió. Cứ đứng đấy, hãy đợi đấy. Và xe ô tô, không ai chịu nhường ai, xe bình bịch cũng chỉ có mình là nhất trên thế gian đầy vội vã này. Rất lạ là những lúc ấy, không thấy một anh cảnh sát giao thông nào xuất hiện, nếu có, thì phải rất lâu sau đó.

Có lẽ các anh còn mãi làm nhiệm vụ khác quan trọng hơn, đó là đuổi mấy cô hàng rau bán rong, bắt mấy anh xe thồ đang thồ dưa chuột, bắt cái cân, dằng co mớ táo... nên chuyện ùn tắc giao thông là của người khác, là của ông Giám đốc Sở Giao thông công chính?

Trở lại chuyện ùn tắc ở đầu phố Nguyễn Khuyến, giáp với đường Lê Duẩn, Cửa Nam, ít lâu nay có chặn đường, phân luồng, gọi là phần mềm, có đỡ đi được một phần, nhưng ùn tắc vẫn còn là cái nạn, mà nhiều người phải tự nhắc mình: Khôn hồn thì đừng có đi vào ngã tư ấy, con đường ấy vào những giờ cao điểm, mất hàng giờ đồng hồ như chơi. Và cũng chẳng biết

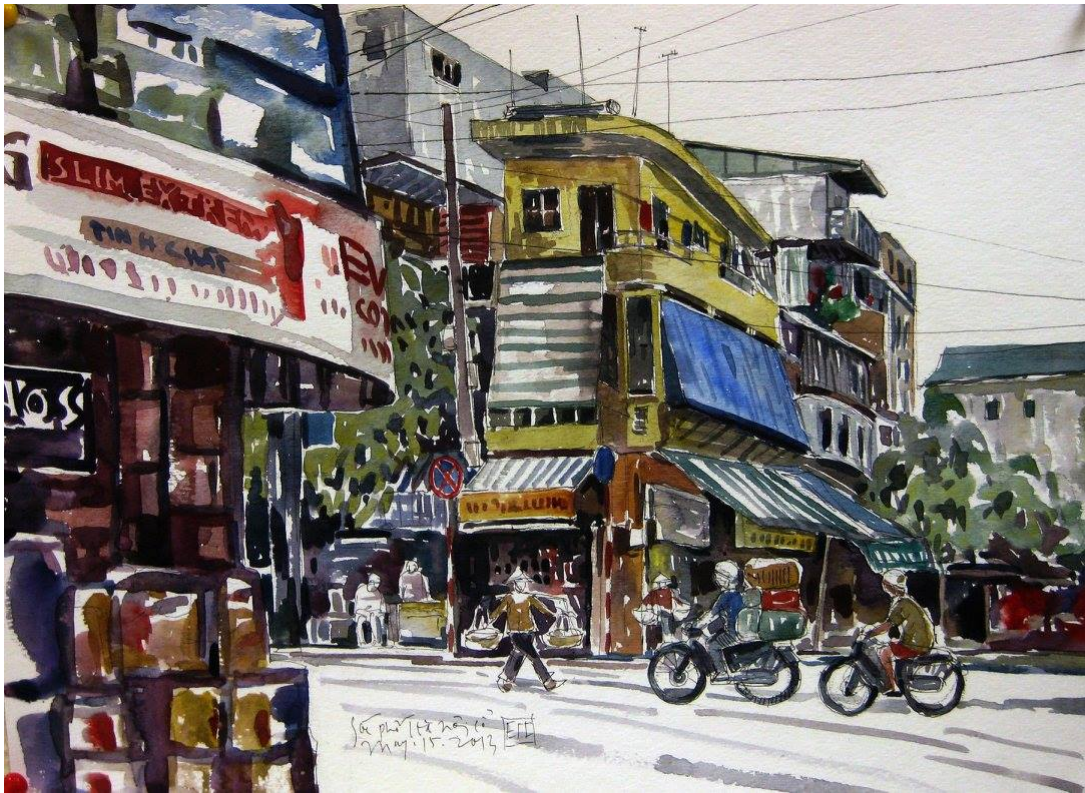
kêu với ai, họa chẳng là về nhà bị vợ mắng là đi đâu mà lâu thế, hay là đi “với con đĩ nào” nên về muộn...

Ngã tư Khâm Thiên, Nguyễn Thượng Hiền còn gây ấn tượng mạnh hơn. Cũng có giải phân cách mềm, nhưng có lúc nó cũng vô hiệu như cái “thiên kiều” là cái cầu vượt bắc lên trời, biến thành nhà vệ sinh công cộng không ai quét dọn, còn dưới đường thì cứ là chen vai thích cánh mà chờ giải tỏa mấy cái đầu xe ô tô hôn nhau, không anh tài nào chịu anh tài nào. Có anh còn khuynh tay ra ngoài, hút thuốc lá phì phèo một cách bất cần đời, mặc chuyện thiên hạ muốn ra sao thì ra.

Những lúc ùn tắc như thế, không còn ai phân biệt bên nào là bên phải, đâu là bên trái, luồng đường nào là của xe cơ giới chỗ nào là xe thô sơ và người đi bộ thì đi đứng ở chỗ nào. Nó thực sự là một cuộc quân hời vô phèng, đúng theo khẩu hiệu “đường ta, ta cứ chen”... Đã có năm lễ hội giỗ trận Quang Trung, người tắc từ giữa phố Nguyễn Thượng Hiền, đến hết ngã ba ngõ chợ Khâm Thiêm, đứng như lèn cá hộp trong xe buýt. Rồi qua giờ khai mạc lễ hội, có nhiều người bê cái xe đạp lên đầu mà lách đi, trông như cái xe đạp trôi nổi trên làn sóng đầu người, như nó tự bơi, hoặc nó từ từ bay một cách tự động mà động cơ lắp ở đâu thì có trời mà biết.

Xuôi xuống một chút nữa, ngã tư Kim Liên - Đại Cồ Việt cũng không thoát khỏi cảnh ùn tắc như thế, dù ngã tư này may mắn hơn vì rộng rãi hơn, thỉnh thoảng mới xảy ra? Có lần vì nước úng, lần khác vì một xe cát đánh đổ, lần khác nữa thì do tàu hỏa tránh nhau gì đó, lần khác nữa thì có nguyên nhân khác nữa. Đây là lối đi vào Hà Đông, qua Chùa Bộc, qua mấy khu tập thể đông người... nên xe cộ đông, người đi bộ cũng đông, mà con đường mới mở rộng thêm thang tởn bạc tỉ, suốt Đại Cồ Việt, suốt một đoạn của Kim Liên, nhưng đến chỗ giao nhau với đường xe lửa bỗng bị ngăn lại, thất cổ bỗng, không giải

tỏa được, nên tắc vẫn hoàn tắc, để cho ô tô có dịp nghỉ máy, người đi các loại xe khác ghé chân lên mà ngắm con tàu hỏa ì ì chậm trườn trườn qua, rồi lúc sau mới rờn rần kéo nhau đi, người này nhìn lưng người khác, chán mắt thì thôi.



Ngã tư Trung Hiền, chỗ Đại La - Trương Định - Minh Khai, ngã tư đã được mở rộng, nhà đã được cất xén, nhưng là trục đường cho ô tô, nó là con đường vành đai, là một đoạn xuôi về phía nam, nên lượng xe cộ ở ngã tư này có thể sắp thành kỉ lục, và ùn tắc thành bệnh kinh niên. Những ô tô tải, những quang gánh rau quả, những xe công nông, và nhiều thứ khác khó thống kê được, sáng sáng, chiều chiều phải đi qua đây để vào thành phố hoặc ra liên tỉnh...

Cái ghê gớm của ùn tắc là mất rất nhiều thời gian, lỡ nhiều việc cần, nhưng nó còn ghê gớm hơn là đã diễn ra lâu rồi mà không khắc phục được.

Quãng giữa phố Khâm Thiên, một dạo người ta đào đường, đặt công trình gì đó, và cả lúc không đào đường, nước thải, nước mưa, ổ voi, vĩa hè long lở, thế là ngã ba với ngõ Văn Chương thành ngã ba quái ác. Mấy tấm sắt vừa dày, vừa to đặt tạm trên đường để che những cái hố như cửa vào một đường hầm dẫn sang thế giới bên kia, sắt cong vênh lên, mà đường vẫn chưa được giải tỏa, và không phải giờ cao điểm, nó vẫn cứ diễn ra, chỉ cần một cái xe tải quá khổ, quá tải, quay đầu, rẽ vào hay rẽ ra mà chết máy... Thế là... vớ kịch không thể vui cười kia được diễn ra không cần sân khấu, mà toàn mặt người nhăn nhó.

Ngay cái phố Hàng Bè nhỏ bé và chỉ ngắn có một đoạn cũng nhiều lần ùn tắc vì mấy chị bán rau, mấy anh xe thồ vài ông xe lam, thêm anh bán rong bằng xe có cái loa to quảng cáo, không ai chịu nhường ai, không ai chịu đứng lên vĩa hè (mà làm gì còn vĩa hè mà đứng), thế là lòng đường chỉ còn chiều ngang khoảng một mét, chỉ cần một cái va chạm nhỏ giữa chàng xe máy và nàng xe đạp, mà cãi lí với nhau là chính... thế là Hàng Bè thành cái bè dập dềnh những người chen chúc nhau trong mùi thơm hoa dâu da thoang thoảng, cũng phải chấp nhận cảnh đứng lại nơi chợ búa chen chúc này chốc lát...

Phố Hàng Buồm còn kinh khủng hơn. Nhiều lần, chỉ một xe xích lô, loại chở hàng, chở một xe những hòm, những hộp, hoặc một xe những ống, những thỏi, không hiểu nổ lốp hay người lái non tay, cái xe từng bê, hàng đổ ra đường, chủ hàng khoanh tay bắt anh “xế” bốc lên, trời mưa phùn, đường trơn ướt, bùn lép nhép... hàng giờ chưa xong, trong khi hai bên đường, hàng dãy ô tô biển số 30A, nối đuôi nhau cả hai bên phố, số chẵn và số lẻ. Còn xung quanh là các tủ hàng, từng đống hộp những bia, nước ngọt, kẹo bánh... và còn có cả những chiếc ô tô con bóng lộn, đỗ như chết, như đang ngủ say, mặc kệ thiên hạ sự. Gần đấy có đồn công an, có bóng áo vàng vào ra thấp thoáng, nhưng chuyện

tắc đường không phải là chuyện chết người, có lẽ vì nghĩ thế mà các anh không can thiệp, vì can thiệp thì “ăn cái giải gì?”...



Chuyện ùn tắc giao thông còn xảy ra ở nhiều phố khác, không nhớ xuể, mà có nhớ thì cũng chả nói thêm làm gì, vì nói như mấy nhà lí luận văn học một cách giáo điều, chỉ cần “nói việc điển hình ở nơi điển hình...” là đủ.

Trên kia đã nhắc đến nguyên nhân. Vậy nguyên nhân là gì? Trước hết là đường Hà Nội vừa hẹp, vừa ngắn, xe cộ từ ô tô các loại đến xe bình bịch đủ kiểu (mà theo như quảng cáo, các loại xe này còn đang được khuyến khích tiêu dùng, để góp phần vào việc quá tải hơn nữa, nào là trả góp, chỉ cần mấy trăm đô, nào là xe thiên thần, có xe là có tất cả, nào là v.v...) vì vậy mà đường phố không chịu đựng nổi lượng xe nhiều quá mức như hiện nay.

Nguyên nhân nữa là ý thức chấp hành luật lệ giao thông quá kém, bất chấp đường hẹp, bất chấp luật lệ về dừng xe, đỗ xe, về bốc xếp hàng hóa. Chỗ nào cũng có thể thành ga ra, thành bến bãi, thành kho hàng. Và khi đã đỗ rồi thì xe không còn muốn nổ máy nữa, mặc ai nổi còi, xin đường, mặc ai đứng chờ, cái xe nó vốn không có tai mà. Hai xe châu đầu vào nhau, nhưng người ta quen hiếu thắng, không ai chịu nhường ai, ai cũng thấy chỉ có mình là nhất trên trên gian này, người khác phải lùi để nhường mình chứ mình không việc gì phải lùi để nhường người khác.

Thứ ba là cảnh sát giao thông mỏng quá, ùn tắc xảy ra mà mãi không thấy một bóng áo vàng. Khi các anh đến thì tai nạn ùn tắc đã phình ra rồi, rất khó giải quyết vì không có lối, hơn nữa lời nói của các anh ít trọng lượng, nhiều người không thèm nghe. Các anh có phần hiền lành quá, không dùng đến dùi cui, súng phun nước, phun sơn hay biên lai phạt thật nặng.

Nguyên nhân thứ tư là luật pháp không nghiêm như vừa nói. Nếu một xe đỗ sai luật, một xe cố lách lên làm đường tắc, anh cảnh sát có biện pháp cứng rắn, từ phạt nặng đến tịch thu bằng lái, bắt giam xe máy, cảnh cáo v.v... thì hẳn những kẻ cù nhày kia phải nhớ mà chừa.

Nguyên nhân thứ năm là vỉa hè đã biến mất ở nhiều phố, không còn một chỗ len chân. Có nơi để bán hàng, có nơi làm ga ra rửa xe máy, nơi khác lại biến vỉa hè thành bếp riêng, có phuy nước, bếp than, rổ rá, thùng chậu và khói đun mù mịt như căn bếp riêng... Từ nguyên nhân ấy còn có nguyên nhân thứ sáu là trình độ văn hóa của người dân còn thấp, thói quen tản mạn lề mề, coi đường phố như cái ngõ làng cái bờ ruộng, cứ nghênh ngang mà đi, cứ lừ đừ mà bước, kể cả quang gánh, xe thồ, xe đẩy chở hàng, chở trẻ em, và rõ nhất là nghênh ngang tản bộ, coi như xe phải tránh mình vì mình có tự do cá nhân, chứ mình

không việc gì phải tránh xe cho phí công, cho mất đi tinh thần độc lập của người công dân...

Có thể còn nhiều nguyên nhân khác nữa chẳng?

Con bệnh đã ở thời kì nguy kịch. Bất mạch cũng đã tìm ra căn bệnh. Nhưng thuốc thang thế nào đây? Ai là vị thầy thuốc cao tay, dám cho liều thuốc công phạt mạnh, hay dám cầm dao làm cuộc giải phẫu đau, nguy hiểm nhưng sẽ khỏi?

Trước hết có lẽ là vấn đề luật pháp, là sự có mặt của người thi hành công vụ về giao thông, và cũng không xem nhẹ các vấn đề khác như quy định giờ nào xe nào đi vào đâu là được phép, là bị cấm, cách đỗ xe chỉ một bên đường, theo ngày chẵn lẻ, chứ không cùng một lúc có xe đỗ cả hai bên, tăng cường những biển báo, những lời nhắc nhở một cách cứng rắn v.v... như ai đi vào đường một chiều, đường cấm, vượt đèn đỏ, thì không thể phạt ở mức thông thường, mà phải coi như vi phạm pháp luật, tạm giam, phạt tiền gần ngang với giá trị cái xe...

Nạn ùn tắc giao thông không thể là bệnh không chữa được. Quan trọng là người cầm luật lệ có dám và có muốn ra tay hay không? Đưa ra nếp giao thông thành phố vào trật tự kỉ cương hay cứ nhu nhơ, biến thành phố thành làng quê, để khi tai nạn chết người xảy ra mới đổ lỗi cho khách quan...

Những dải phân cách mềm là rất có ích. Nhưng một số đường mới phân chia thành đường một chiều, có chỗ thật tốt, nhưng cũng có chỗ chưa hợp lí lắm (như cửa ga Hàng Cỏ chẳng hạn...) sẽ gây thêm ra nạn ùn tắc ở chỗ khác...

Thành phố còn đang mở rộng, xe cộ còn đang phát triển. Giao thông công cộng như xe buýt, tắc xi còn xa vời... Điều khiển giao thông ở một thành phố cổ cho lưu lượng xe cộ thời mới, thật không dễ dàng, nhưng có lẽ không vì khó mà bó tay không làm. Càng khó lại càng cần làm hơn mới phải, chứ không

tự bằng lòng, rồi cho qua để cái sảy sẽ nảy cái ung được. Vấn đề đã thấy rõ là như thế.

Tháng 9 / 1994

Hoa gạo - Lời kêu cứu

Cây mộc miên chính là cây hoa gạo, và ít người biết đến cái tên có vẻ như thơ như kiều sa ấy, mà thông thường, tháng ba âm lịch, hoa gạo lại từng bừng trên nhiều đường quê Việt Nam, với câu ca:

Bao giờ đom đóm bay ra,

Hoa gạo rụng xuống thì tra hạt vùng

Thì mọi người gặp màu chói đỏ ấy, tên cứ nôm na mộc mạc, thân quen với mọi người: Hoa gạo.

Đang là tháng Năm dương hè, nói chuyện hoa gạo có lẽ là không hợp, nhưng cố gắng nói, phải nói, bởi một vài lí do thiết yếu.

Trước hết hãy nói đến một vòng Hồ Gươm, với nhiều loại cây quý hiếm, tươi đẹp, hoa rực rỡ, lá cành mượt mát như liễu rủ, lộc vùng, hoa phượng, bằng lăng nước, vàng anh, cơm nguội... thì cái vòng gần hai nghìn thước này chỉ có hai cây hoa gạo. Không như đường trải hội chùa Hương hay những làng ven đê xa ngút, cây hoa gạo đón mùa xuân, làm thức tỉnh hồn quê. Hai cây hoa gạo ven hồ, một ở xế vườn hoa Chí Linh, bên mép nước, gốc đã xù những cái mắt, cái bấu từ mấy trăm năm nay, có khi nó cũng già bằng tuổi hai cây hoa đại trong sân Văn Miếu do thân phụ Nguyễn Du trồng. Còn một cây nữa, già hơn, gốc nhiều thời gian đọng lại hơn, có khi (là đoán vậy) là Nguyễn Siêu khi dựng đài Nghiên, tháp Bút đã trồng ngay cây

gạo này để nó cổ thụ, nó đỏ hoa, nó xuân sắc. Một vài tấm ảnh chụp Hồ Gươm đầu thế kỉ này đã có gốc gạo cổ thụ hiên ngang giơ những cành gan góc vào bầu trời Hà Nội. Và năm nào, tháng Ba về, từ những cành trụi lá ấy, hoa lại bùng lên, có bông rơi lộp bộp trên vai áo người, rồi nằm nghiêng trên mặt đất như cái mũ của nhà sư, bởi hoa gạo khá to, không như lời bài hát, “rơi lã chã”, chỉ có nước mắt hoặc thứ nào nhỏ nhẹ như nước mắt mới lã chã mà thôi.

Điều quan trọng là cây gạo cổ thụ mấy trăm năm ở cửa đền Ngọc Sơn năm nay không ra hoa, và cành sang tháng Năm vẫn trơ trụi. Đúng là cây đang hấp hối, cây đang có nguy cơ bị chết, với nhiều cành đâm ngang khẳng khiu như cánh tay chơi với kêu cứu, mà chưa biết có ai nghe thấy. Để nó chết thì dễ quá, nhưng để có lại được một cây như thế thì khó khăn lắm lắm, phải mất mấy đời người, mấy thế hệ, mấy trăm năm cơ đấy. Có cách nào cứu lấy nó không đây?

Thành phố và Công ty Công viên cây xanh đã từng cứu cây đa trong đền Ngọc Sơn (tiếc là cây này cũng mới chết, bị ngã xuống rồi), cứu cây si cạnh tháp Hòa Phong và chúng ta nhớ đến tấm gương Bác Hồ cứu cây dừa trước cửa nhà sàn của Bác. Cây gạo cửa đền Ngọc Sơn nếu chết thì sẽ làm trống một khoảng trời nơi cụm di tích Hồ Gươm quý báu, giống như từng có một cây gạo khác bên cạnh đền Bà Kiệu, chen vào gốc đa, cũng đã bị chết khoảng mười năm nay, không có cây gì thay được nó. Nếu để cây gạo cổ thụ cửa đền bị chết thì chúng ta phụ lòng người xưa quá, làm mất mát cho người sau không kém. Có biện pháp kĩ thuật nào chẳng để cứu một công dân đặc biệt của Hà Nội, một chứng nhân đứng đây từng bùng hoa đỏ mỗi mùa xuân cho Hà Nội thêm kì diệu?

Chúng ta yêu quý hàng sao đen phố Lò Đúc, hàng hoa phượng đường Thanh Niên, hàng bằng lăng phố Thợ Nhuộm,

hàng sáu phố Trần Hưng Đạo, hàng hoa sữa phố Nguyễn Du, hàng hoa sữa phố Hàng Dầu... càng thấy cây hoa gạo của đền này quý giá biết bao. Hình như nó đã vào nhiều bài thơ, nhiều bản nhạc, nhiều tác phẩm nghệ thuật khác từ tạo hình đến nhiếp ảnh và điện ảnh. Đây là một lời cấp cứu cho cây để giữ gìn vẻ đẹp thiêng liêng Hà Nội.

Một lí do thứ hai mà có bài viết này, nhân nói đến hoa gạo đã vào thơ vào nhạc, là trên Đài truyền hình Trung ương, tiết mục giới thiệu Tác phẩm mới, tối 24 tháng 5 vừa rồi, có bản nhạc Hoa gạo, nhạc sĩ Ngọc Đại, phổ thơ của Phan Huyền Thư do hai ca sĩ trẻ mặc áo kiểu cổ Hy Lạp xa xôi, khác xa trang phục Việt Nam hát về loài hoa gắn bó với người dân Việt. Điều đáng nói là từ người giới thiệu đến lời ca (chỉ nghe được lồm bồm vì hát đến bốn lần vẫn không rõ lời) là nói về thu muện, về hoa gạo nở trong mùa thu đã muện, hoa rơi lã chã vào mùa thu.

Không hiểu nguyên lời bài thơ thế nào, nhưng nếu cho hoa gạo nở vào mùa thu, thì cứ đà này, người ta có thể cho hoa phượng nở giữa mùa đông, hoa đào nở giữa mùa hè và hoa sữa cũng sẽ thơm ngát trong mùa xuân... (!) Cũng theo lời người dẫn chương trình, nào là tinh tế, thẩm thiết, công phu, nào là trữ tình... mà người nghe chẳng hiểu ca sĩ hát gì, chỉ thấy ít hình múa phụ họa do mấy tà váy ngắn lờm xờm hở hang... thì quả là đánh đố khán giả và thính giả (những người vốn rất yêu mến Đài truyền hình).

Nếu những cây hoa gạo nở hoa đỏ vào mùa xuân mà có linh hồn thì không hiểu hoa sẽ nói gì với người đây, kể từ người viết nhạc đến người làm thơ và người giới thiệu, người duyệt chương trình...

Người viết bài này vốn không phải nhà nghiên cứu về cây cối, chắc không thể hiểu xa như các tác giả, tác phẩm mới kia,

không hiểu những rung cảm và ẩn dụ, những nhân cách hoá, những mượn cảnh nói người... mà chỉ biết cây hoa gạo về mùa hạ đã thả bay những sợi bông tơ kèm theo những cái hạt ra khắp bốn phương nắng lúa, còn về mùa thu, cây lại ẩn mình vào cõi cần, lá gửi về đất, những cái gai trên gốc dần dần xù ra thành mắt, thành bướu...

Cây hoa gạo quen thuộc với người Việt Nam, có lẽ chỉ kém cây tre. Hà Nội chúng ta có những đường cây đẹp nhưng cũng thừa nhiều.

Cây gạo cửa đền Ngọc Sơn đang giơ tay cành ra kêu cứu, nó còn quan trọng hơn là cái tai người khi nghe một bản nhạc mà phải mua lấy nỗi phiền lòng; mong sao lời kêu cứu cho cây Hà Nội này có tiếng vọng, có lời đồng điệu để cây hoa gạo này không bị dẫn xuống làm củi khô, củi mục

Tháng 5 / 1998

(Khi sách này đưa in thì cây gạo ấy đã chết khô, phải chặt hạ (7/1998) và một cây gạo non được trồng thay thế)

Con đường người bạn thân nhà báo

Làm báo là một nghề cực nhọc và có cả nguy hiểm nữa. Tuy nhiên đó cũng là một nghề đầy thú vị: Được đi khắp mọi nơi cần thiết, như là được đi du lịch mà không mất tiền.

Ở nhiều nước, nhà báo có đủ phương tiện đi lại. Còn nước ta, có cái xe đạp đã là sung sướng. Có một thứ thường rất quen thuộc với cuộc đời mỗi nhà báo, ngoài cây bút, cuốn sổ tay ghi chép. Đó là những con đường. Từ quốc lộ dài dằng dặc đến những đường liên tỉnh, liên huyện, những con đường làng có bờ

tre, bãi cỏ, cả những đường núi hiểm trở, chênh vênh, cheo leo, có sương lạnh, có lửa nhà sàn...

Không thể là nhà báo nếu ngại đi. Những trang báo, những dòng viết nằm rải rác ở mọi nơi, trên khắp nẻo đường đất nước. Người làm báo tạm biệt căn nhà có cái bàn viết của mình, ánh mắt con thơ, đôi má người vợ hiền... đến những nơi ấy, trên những con đường ấy, nhặt lấy bài báo mang về, đưa ông Tổng biên tập duyệt, lên trang...

Đầu tiên là từ trung tâm đất nước: Hà Nội. Con đường quen thuộc là đường số 5. Cầu Long Biên như con rồng uốn khúc lưng lên trên mây xanh ngắt, trên dòng nước đỏ hồng... Cây cầu sinh ra từ năm 1902. Có thể là ngồi lắc lư trên chiếc xe hàng lắn vào dầu hỏa, cá mắm, cùng đủ thứ khác, chỉ còn biết ngồi co chân lại như đêm đông co ro mà sưởi, ở đây thì không cần sưởi, mà cứ toát mồ hôi suốt mấy trăm cây số hoặc suốt cả một ngày dài nữa. Có thể ung dung đạp xe đạp tàng của mình, vừa đi vừa ngắm trời, nhìn đất, xem con diều hâu bay lượn, nghe chị nông dân vừa cào cỏ vừa hát véo von, nghỉ thì nằm dài dưới gốc xà cừ đang độ lớn (nay thì chúng bị chặt hết đi rồi, thành xa lông lùn, tủ, ghế hết rồi)... Cũng có thể đi xe lửa một cách chen chúc nhọc nhằn, chui qua cửa sổ mà vào toa, có lúc nhanh chân, có một chỗ ngồi cạnh một cô gái cùng đi thì vui quá, nhưng nhiều khi chỉ đứng một chân trong chiếc toa đen hôi hám mà chuyển trước chở gà, chở lợn, bây giờ khách lên được toa cũng coi là hạnh phúc (tàu hỏa nay khá hơn nhiều)... Có nhiều cách đi, nhiều cách đến. Trên đường số 5 ấy, qua Trâu Quỳ, Phú Thị quê hương Cao Bá Quát; đến Bần Yên Nhân, vùng tương nổi tiếng; đến Quán Gỏi, ngã tư một lối sang Thanh Miện, Phù Ủng, quê Phạm Ngũ Lão, đền Sặt, một vùng công giáo, từng có nghề làm bánh đa và trồng thuốc Lào ngon. Rẽ trái, vượt năm cây số toàn ổ gà trên con đường bị bỏ quên mấy chục năm, sẽ đến Cẩm

Giàng, một thị trấn vừa hoang sơ vừa thơ mộng, nơi sinh ra Thạch Lam, Giang Quân. Đi quá một chút, sẽ gặp một vùng thơ Lang Tài, Gia Bình, Thuận Thành, có quan họ, có chùa Bút Tháp, có núi Thiên Thai bên sông Đuống. Từ đây mà đi nữa, là Bắc Ninh, Bắc Giang, hoặc ngoặt sang ngã khác là Quế Võ, Phả Lại, một vùng sông nước đầy lịch sử, dẫn nẻo qua Chí Linh, Đông Triều, thị trấn Sao Đỏ, mà về với Quảng Ninh, vùng than và vùng biển, vùng thơ và vùng du lịch...

Ngược trở lại, từ Quán Gỏi, cái ngã tư, không hiểu có phải xưa kia từng là nơi bán nhiều gỏi cá ngon lành mà thành tên không, đi nữa gặp thị xã Hải Dương êm đềm, tĩnh lặng,

có gì hơi như ngủ trưa quá giờ, nên có phần uể oải... có món đậu xanh ngon lành (nay thì có đến hơn ba mươi hãng cạnh tranh chẳng còn biết ai làm ngon hơn ai)... Rồi cầu Lai Vu, rồi Vật Cách, rồi Hạ Lí, đã nhìn thấy màu phù sa trên một đoạn sông với những con tàu đắm, nằm nghiêng mấy chục năm, hằn vết thời gian han gỉ trong bập bênh thủy triều... Hải Phòng... mùa tháng Sáu, hoa phượng rợp trời, mà nhà thơ Hải Như đã kịp ghi lại trong thơ mình, từ bấy có tên là thành phố Hoa Phượng đỏ...

Con đường số 5 trải mình ra trăm cây số trên mặt phẳng đồng bằng, không hề gặp một ngọn đồi, ngọn núi nào. Cũng như ngày xưa, người ta thường bảo có hai tỉnh không một chút núi cao, chỉ hoàn toàn là châu thổ: Hưng Yên và Thái Bình. Nay chia ra hợp lại, đã có nhiều đổi khác.

Có lẽ không một nhà báo nào xa lạ với dải xương sống của đất nước: Con đường số 1. Từ biên giới Đồng Đăng có cửa ải quan, qua một vùng thơm ngát hương hồi xứ Lạng, qua chợ như bức tranh: Kỳ Lừa về Lạng Sơn, Đồng Mỏ, Chi Lăng, địa danh lịch sử lừng lẫy, lướt qua Bắc Giang, Đáp Cầu, Bắc Ninh, Từ

Sơn, Đình Bảng, vùng rượu nem nổi tiếng mà rượu ấy, nem ấy đã đi vào ca dao:

Ai lên xứ Lạng cùng anh

Bõ công bác mẹ sinh thành ra em

Tay cầm bầu rượu nắm nem

Mãi vui quên hết lời em dặn dò...

Trở lại Hà Nội có cầu Long Biên kia rồi, Gia Lâm chào ta, ta gặp Hồ Gươm và Văn Điển đã mời, Ngọc Hồi đã hẹn. Đồng Văn, Phủ Lý... Nam Định hay Ninh Bình, núi Gôi, đền Ghềnh, Thanh Hóa, Cầu Giát, Diên Châu, thành phố Vinh mệnh danh thành phố Đỏ, Hà Tĩnh quê hương một Nguyễn



Du nghìn năm còn mãi... Quảng Bình, nước xanh như trời xanh, có nhà thơ muốn nhúng ngọn bút xuống nước biển kia mà đề thơ lên trời, sau Bà Huyện Thanh Quan, sau khi vượt đèo

Ngang, con đèo đáng được đổi tên thành đèo Bà Huyện Thanh Quan... Và đi nữa, và đi thêm, và đi mãi... Ta gặp một Thuận Hóa nay là Huế cố đô, và sẽ là dằng dặc miền Trung, và tận cùng Nam Bộ, nơi có chín con rồng, nơi thẳng cánh cò bay, nơi bàn chân Tổ quốc không ngừng vươn ra biển, nơi đất mũi Cà Mau... Thành phố Hồ Chí Minh ở một đầu đất nước, trung tâm một thúng gạo, còn Hà Nội ở trung tâm thúng gạo đầu kia, mà Trường Sơn, con đường số một xuyên Việt là cái đòn gánh bao vạm năm vẫn còn đây, nuôi sống dân tộc này. Nay có người không ví hình Việt Nam như thế, mà còn gọi đất nước mang hình lưỡi liềm, đất nước mang hình tia chớp... tùy theo tưởng tượng của một ý thơ tung tỏa trong hồn...

Ta đang ở một thời kì báo chí nở rộ như hoa xuân. Hàng mấy trăm tờ báo, hàng ngày, hàng tuần, hàng tháng, với trên sáu nghìn nhà báo chuyên nghiệp và một số đông đảo các nhà báo không chuyên, là cộng tác viên thường xuyên, nhiệt tình của nhiều báo...

Họ, những nhà báo ấy, có mặt ở khắp nơi. Trên một cánh đồng có giống lúa mới, một cây cầu đang lao hăng, một dải đường đang nâng cấp, một trường học, một xã anh hùng, một doanh nghiệp năng động, những con người thế này thế khác, những gương mặt và những tâm hồn... mà tất cả những điều đó đều phải qua con đường, những dặm ngắn, dặm dài dẫn dắt bước chân...

Không một nhà báo nào lại không hào hứng để được có một chuyến lên miền núi. Tầm mắt được mở rộng, tâm hồn được say mê, nhưng trước hết, có những lúc trên đường, tầm mắt bị một ngọn đồi chắn ngang, bước chân bị một dòng suối ngăn lại... không sao, khắc đi khắc tới.

Hà Đông kia vẫn là đồng bằng, có cái chợ bán trâu bên thị xã. Một loáng nữa thôi, ngã ba Ba La Bông Đỏ, Vân Đình hay Lương Sơn, nông trường từng một thời nổi tiếng Cửu Long... và với tay đã chạm thị xã sơn cước Hòa Bình...

Ngã Ba Chằm... Dốc Cun thăm thẳm, từng có một quán bán bánh cuốn cực kì ngon ngay trên đỉnh dốc, khi chiếc xe tạm nghỉ để máy đỡ nóng, thì người thì khách, chị du lịch anh nhà báo, bác lái xe... ghé vào quán mà thưởng thức đĩa bánh cuốn vừa bốc khói thơm lừng, ngọt lịm, chỉ tiếc thiếu một chút hương mê hoặc: cà cuống. Nhưng không sao, hương đồi núi, cỏ dại, men rừng, màu ngút ngát nương rẫy cùng thấp thoáng váy đen, áo trắng của nàng Mường sẽ say mắt người xuôi...

Những Chợ Bờ Suối Rút?... nơi tấm bia Hào Tráng ghi công Lê Lợi vượt một trăm chín mươi hai ngọn thác lên rừng đánh giặc, tấm bia ấy được di chuyển để giữ lại một di tích khi vùng này biến thành lòng hồ cho bùng lên ánh sáng...

Ngã ba Mãn Đức, lên Thung Khe, sương mù quanh năm, dưới kia là vực sâu, xe phải bật đèn vàng, bò rì rì như người đi bộ. Nhưng Mai Châu đã hiện lên dưới kia rồi. Đêm lửa nhà sàn, vò rượu cần đã tỏa tia hoa, những chiếc “khòe” sẵn sàng mời khách một đêm say, khi những cây cột gỗ “môi” đã thơm xa như một nàng sơn nhân bí mật... Mai Châu là làng Thái lọt giữa vùng Mường... Múa xòe trong ánh lửa đã lên tiếng cồng chiêng...

Nếu không rẽ sang đây, thì con đường số 6 vẫn cứ đợi chờ nhà báo lên đường, đi tiếp... Mộc Châu... Tà Vài, Hát Lót, Sơn La... Tháng Sáu tháng Bảy, qua Tà Vài, muồm Mộc Châu giòn tan, mập mập, xếp từng đống bên đường như sỏi suối vừa vớt lên, có thể ăn no không chán, giống như mận chợ Kỳ Lừa vàng óng, ngọt thanh, no căng mà không còn ruột... Bên đường, hoa

lau bạc, sỏi đỏ như son, củi xếp từng “ste” tiện vút lên xe, thật rẻ, tha hồ cho đêm bánh chưng bập bùng tỏa ấm.

Một ngả đường khác: Phủ Lỗ, Trung Giã, Trà Vườn, Thái Nguyên... Tân Trào, Bình Ca, Tuyên Quang, Vĩnh Tuy... những ngả núi non trùng điệp, trở về quê hương cách mạng, chạm vào lịch sử trong hơi gió, đêm đêm những vành tròn đồng mức của những đồi chè bát úp, có con chim gù rỉ rả thức với sao xa...

Làm báo, đi là nghiệp dĩ. Những con đường đã thành người bạn trong lòng suốt cả đời người. Nó không nằm trong sổ tay, mà đã thành máu thịt, trong não trong tim, thành tình yêu nhớ mãi.

Đêm đêm trước ánh đèn, trước trang giấy trắng, những con đường hiện lên như một tấm ảnh rõ ràng, từng đoạn thân thương, từng khu vực sắc màu, từng tiếng nói thầm thì... nhà báo chỉ còn một việc vươn cánh tay ra là nó lấp lánh rung rinh, nằm vào trang giấy...

Còn bao nhiêu ngả đường gần xa khác, không thể nào kể xiết. Mỗi nhà báo có một mảng, một vùng của mình, có những con đường của mình, có khi phải qua, phải lại hàng chục, trăm lần trên đó, khiến quen thuộc từng cái quán ven đường, từng cột mốc lặng im, từng ngã ba dẫn về một làng xa vắng...

Những con đường tồn tại hàng trăm năm, hàng nghìn năm... và người làm báo cố gắng hết sức mình để mà ghi, mà nhớ, mà dâng hiến cho bạn đọc được bao điều, trong đó, những tiếng nói của con đường cũng đồng xuất hiện. Con đường, người bạn thủy chung, có to có nhỏ, đang chảy khắp thịt da đất nước một cách bền bỉ, đã trở thành nguồn vui cho cuộc đời rộn rã...

Tháng 6 / 1995

Em của Hồ gươm

Có người gọi đó là hồ Ha-le (Halais). Không. Hà Nội không có hồ Ha-le mà chỉ có hồ Thiền Quang (hoặc Thuyền Quang) gọi theo tên làng xã có từ thời nhà Nguyễn. Cho đến trước 1945 hồ Thiền Quang còn menh mông, nối với hồ Ba Mẫu gọi là hồ Liên Thủy nằm giữa một khu vực hồ ao, làng xóm, ruộng rau cùng những con đường đất ngoằn ngoèo chạy giữa xóm làng tranh tre lụp xụp, nơi cư ngụ của người nghèo Hà Nội.

Theo thời gian lúc chậm như tiếng tích tắc, khi nhanh như vó ngựa phi, hồ bị lấp dần, dân sở tại phiêu bạt, dân mới đến họp nhau, nghề trồng rau, bắt cá, mò tôm cũng thưa vắng dần, đình chùa hoặc bị dỡ, hoặc di chuyển, mà nay ta còn thấy một cụm có đến ba ngôi chùa liền kề: chùa Thiền Quang, chùa Quang Hoa, chùa Pháp Hoa. Tiếng chuông nhịp mõ hòa nhau những chiều tịch mịch ngay giữa dòng đời ầm ỹ. Có thể gặp trong gian thờ hậu một số gương mặt người Hà Nội đã ra đi để lại Hà Nội cho chúng ta và đời sau mãi mãi, những tấm ảnh khăn vuông khăn vấn, những mũ phớt, những âu phục trong đó có cả nhà triết học Trần Đức Thảo, nhà viết kịch trẻ Lưu Quang Vũ...

Hồ Thiền Quang hiện nay là hồ nhỏ, ít được nhắc tới, có lẽ nó sẽ thành một cái bể cạn của hòn non bộ chẳng, khi mai đây cái vòng nghìn mét chu vi mọc lên những ngôi nhà cao chót vót?

Không ai còn nhớ đến thời kì trường tiểu học Quang Trung còn nằm sát mép hồ. Phố Liên Trì và ngõ Liên Trì còn là hồ thả sen nuôi cá ăn thông với con hồ menh mông ấy, nơi chứa nước mưa của phía Nam Hà Nội còn thông thoáng, cũng như không ai còn nhớ cạnh đấy là trường đua ngựa để sẽ biến thành Khu Đấu Xảo rồi nhà hát Nhân dân ngoài trời rồi hóa thân lần nữa thành Cung văn hóa Hữu nghị Việt Xô.

Hòn đảo xinh xinh có ngôi nhà thủy tạ trên những cột xi măng, đã biến thành nhà Văn hóa Thanh niên và nay là mái nhà xanh trắng gạch men lù lù một kiểu liên doanh gì đó, nguyên là sở hữu của người con trai Hoàng Cao Khải, em trai Hoàng Mạnh Trí và Hoàng Trọng Phu, mà người ta quen gọi cái tên mới là ông Cử Sen Hồ lẫn át cái tên cha sinh mẹ đẻ.

Xung quanh hồ được cạp xi măng đã xanh bóng cây thành con đường dạo mát, có ghế đá nghỉ chân, rợp bóng xà cừ chen vai cùng cây phượng, cây sấu, cây muồng và bằng lăng tím. Góc phố Trần Bình Trọng có cái “cửa gió” bốn mùa lồng lộng chỉ có chỗ Đài phun nước Hồ Gươm (quảng trường Đông Kinh Nghĩa Thục) sánh được. Gió thổi nghiêng lá đề, thổi phồng ngực áo, chỉ hiu hiu cũng mát rượi chân tóc. Chỗ ngã tư với phố Quang Trung lại im gió, nhưng có cái cây nằm ngang sát đất như con trăn khổng lồ. Đó là một cây xà cừ đồ bão, nhưng không nở chặt đi và nó hồi sinh, vươn lên, và như người nửa thức, nửa mê, nó không chịu đứng lên nữa mà cứ nằm xoài ra, bạn cùng cỏ mượt, đã tán cành xanh ngắt.

Ta đi một vòng hồ, ba phía là nhà với đôi ba gương mặt sáng giá Hà Nội một thời chưa xa lắm. Nhà nguyên Tổng đốc Hà Đông, Hồ Đắc Diễm, sau là nhân sĩ yêu nước góp nhiều công cho bổ túc văn hóa. Nhà họa sĩ Nam Sơn, một thầy giáo trường Mĩ thuật, tốt nghiệp ở Pháp về. Nhà bác sĩ Nguyễn Bách nổi tiếng. Nhà nghỉ hưu của Chủ tịch đầu tiên thành phố Hà Nội Khuất Duy Tiến với cây mít năm nào cũng trĩu quả nhưng chủ nhân vì bị tra tấn nhiều nên tàn phế. Nhà sưu tập tranh Đức Minh lừng danh (nguyên ông là con trai cụ Cửu Nghi giàu nổi tiếng phố Hàng Bồ). Nhà giám đốc Viện Mất, bác sĩ Keller (nay nhà đại sứ quán Nhật Bản). Riêng ngôi nhà số 60 của nhân sĩ Ngô Tử Hạ xây dở dang, qua hai đời chủ vẫn chưa xong, với những lời đồn đại đất ấy nhiều ma, và nguyên là đất chùa, có lối

ăn thông sang phía Nguyễn Gia Thiều tức phố Ôn Như Hầu mà nhiều người Hà Nội còn nhớ vụ án phố Ôn Như Hầu: bọn Quốc dân đảng phản động bắt cóc tổng tiền giết người chôn ngay trong vườn ấy. Chỉ mười năm gần đây, ngôi nhà này mới được hoàn thành, từng là khách sạn, nhà đại sứ và nay đang là một Ban của Sở Công an Hà Nội. Thì ra chẳng có ma mãnh nào cả, chỉ có sự quyết tâm của con người mà thôi.

Nhà Đức Minh đã bị phá, mọc lên đấy là ngôi nhà cao trên chục tầng của Công ty xây dựng, nhưng còn ế khách thuê, cạnh nó là trụ sở báo Nhi Đồng và trước mặt nó là trụ sở báo Tiền Phong, nguyên là nhà riêng của Tổng đốc Vũ Ngọc Khánh, dịch sang bên một chút là nhà của một doanh thương phố Hàng Cân xây đẹp, định mở nhà in thì cách mạng nổ ra, nay là Sở Thủy văn...

Ba cạnh hồ nhà đã chen vai, riêng cạnh phía nam là cạnh của công viên Thống Nhất nay gọi là công viên Lê Nin, có cái cổng năm ngăn đồ sộ mới xây dựng sau khi công viên được hoàn thành năm 1960 do sức người Hà Nội lao động xã hội chủ nghĩa lấp hồ Bảy Mẫu, trồng cây. Một nhà gương dị dạng còn gọi là nhà Cười cũng với sân ô tô điện cho trẻ em chơi, nhưng xem ra cả hai công trình này đều thoi thóp, hấp hối vì ít được chăm nom.

Dọc đường Trần Nhân Tông này, trước khi có công viên, vẫn là làng xóm với ruộng rau cùng ít ngôi nhà tranh là nơi ngụ trọ của người dân các địa phương về Hà Nội chữa mắt. Nay nó là đoạn đường đẹp có dải trồng hoa, có thể làm chỗ tập dưỡng sinh cho các cụ mỗi sáng, và khi xuân sang, một chợ hoa đào cũng mọc ở đây đến sắp giao thừa mới vắng người mua bán.

Hồ Thiền Quang chỉ còn khoảng năm mẫu tây, ít khách du lịch biết đến, nhưng nó vẫn là một con hồ đẹp của Hà Nội, một

đứa em nhỏ của Hồ Gươm, Hồ Tây. Tiếc sao, mỗi năm đôi ba dịp người Hà Nội phóng thả cá, mặt hồ lênh bênh những túi ni lông đựng cá tưởng như nước đã biến mất, hóa thành chất dẻo đầy ô nhiễm mà ta biết rằng thứ chất dẻo này phải mấy thế kỉ mới tan hết. Đôi ba cái xe đạp nước với màu dù xanh đỏ làm gọn mặt hồ những chiều hè đắm hoàng hôn, không có những cánh tay lá phượng lá đa xòa xuống, nhúng vào mặt nước lăn tăn như Hồ Giươm hoặc con thuyền thoi lá buồm mơ mộng như Hồ Tây... hồ Thiền Quang thanh thản, êm đềm lúc nào cũng như mơ ngủ, giấc ngủ của cô công chúa trong rừng để một lúc nào chàng hoàng tử đến, mở bừng con mắt, thấy mình đổi thay nhanh đến thế.

Cái quán bánh rán nóng chỗ phố Trần Bình Trọng, mấy quán cà phê đặt chiếc ghế mây ra hè cho khách ngắm mặt hồ như con mắt xanh lim lim... cũng đã phải dẹp đi cho hè thông thoáng, nhưng người ta cứ chẳng sợi dây xanh đỏ bảo vệ ô cỏ, làm xấu cả đường viên quanh hồ một cách không thương tiếc. Buồn.

Chúng ta đang cạo hồ Trúc Bạch, đang sửa lại hồ Văn (trước Văn Miếu), đang có kế hoạch làm con đường quanh Hồ Tây, là những việc làm rất đáng hoan nghênh cho một Hà Nội đẹp. Riêng hồ Thiền Quang với tên những danh nhân kể xung quang như Nguyễn Du, Trần Bình Trọng, Đoàn Nhữ Hài, Quang Trung, Trần Nhân Tông, Hồ Xuân Hương v.v... cũng đáng được nâng niu trân trọng lắm chứ.

1998

**Trường đại học đầu tiên
của nước ta**

Văn Miếu - Quốc Tử Giám

Việt Nam là một nước văn hiến. Cách đây gần một ngàn năm, vào năm 1070, Văn Miếu được xây dựng và đến năm 1076, tại đây, Quốc Tử Giám được chính thức thành lập, là nơi dạy học cho Thái tử và con các quan đại thần. Năm 1257, Quốc Tử Giám được đổi thành Quốc Học Viện. Sang đời Lê, lại đổi thành Nhà Thái Học. Từ những ngày đầu tiên đó, Quốc Tử Giám thực sự là một trường đại học đầu tiên của nước Đại Việt. Và sau đó, trường đại học này đã được đặt dưới sự lãnh đạo của các vị Tứ nghiệp hoặc Tế tửu (như giám đốc ngày nay) mà tài năng và đức độ từng nổi tiếng trong lịch sử như Chu Văn An, một nhà nho đầy khí phách và tài năng, Ngô Sĩ Liên, một sử gia cẩn trọng, Lê Quý Đôn một học giả uyên thâm v.v...

Từ năm 1482, Lê Thánh Tông, một ông vua nổi tiếng hay chữ chủ sớ Hội Tào Đàn đã cho dựng bia đá, khắc tên những người thi đỗ tiến sĩ. Vì thế mà một “rừng bia” đã được dựng lên theo từng khoa thi. Theo tài liệu để lại, đáng lẽ phải 106 tấm, nhưng cho đến nay chỉ còn 82 tấm đặt trên lưng những con rùa đá đồ sộ.

Trong số 1306 người thi đỗ, có tên trên bia, có thể đọc thấy tên một số danh sĩ như Lương Thế Vinh (1441 - ?), Lê Quý Đôn (1726 - 1783) , Ngô Sĩ Liên (đỗ tiến sĩ năm 1544), Ngô Thì Nhậm (1746 - 1803) và rất nhiều người khác

Đến đời Nguyễn, Thủ đô bị dời vào Huế. Quốc Tử Giám chỉ còn là Văn Miếu thờ Khổng Tử. Năm 1946 thực dân pháp xâm lược nước ta, đã đốt phá gần hết Văn Miếu. Từ năm 1954, năm giải phóng Thủ đô đến nay, Văn Miếu - Quốc Tử Giám được trùng tu sửa sang, xây dựng lại, đúng quy cách như xưa, nhưng đẹp đẽ hơn nhiều.

Nằm ở phía tây nội thành Hà Nội, trên một khoảng đất rộng, Văn Miếu là một khu di tích lịch sử, đẹp đẽ, trang nghiêm và còn nhiều tư liệu quý.

Trước cổng, có một hồ nhỏ, có đảo, gọi là Văn Hồ. Qua một cổng, có 4 cột trụ là một cổng lớn xây theo kiểu tam quan, có gác chuông và hai cổng phụ nhỏ hai bên, trên cổng còn rõ chữ Văn Miếu Môn. Trước và sau cổng có hai đôi rồng đá, tạc từ thời Lê. Qua một đoạn đường lát gạch là cổng Đại Trung và hai cổng nhỏ: Thành Đức và Đạt Tài. Lại qua một đoạn đường nữa đến Khuê Văn Các. Đây là một công trình độc đáo, được dựng lên năm 1805, với tám mái cong, xinh xắn, trên gác có cửa hình tròn, có những con tiện tỏa ra như những tia sáng của một ngôi sao lớn: ngôi sao Khuê, tượng trưng cho văn học.

Bên trong và sát với Khuê Văn Các là một giếng hình vuông, quanh năm nước xanh trong vắt: Thiên Quang Tỉnh (giếng chứa ánh sáng mặt trời). Khuê Văn Các với Thiên Quang Tỉnh qua cửa sổ hình tròn và mặt giếng hình vuông, theo quan niệm của người xưa nói về vũ trụ: trời tròn, đất vuông.



Hai bên giếng Thiên Quang là khu nhà bia. Những tấm bia đá đồ sộ, đã trải mưa nắng bão dông qua hàng trăm năm, có tấm bị nứt, có tấm đã mờ, có tấm rêu phong; thậm chí có tấm đã bị triều đình nhà Nguyễn phản động đục đi mất một số tên tiến sĩ – những nhân sĩ tiến bộ đã làm việc với nhà Tây Sơn.

Vào khu vực này, lòng ai mà không xúc động về nền văn hóa và ý thức bảo tồn văn hóa, trọng người hiền tài của cha ông ta từ xưa?

Qua hết khu vực này đến phần chính của Văn Miếu - Quốc Tử Giám. Một chiếc sân khá rộng, lát gạch Bát Tràng cổ, hai bên là tả vu và hữu vu. Cuối sân là nhà Bái Đường và Chính điện, xây dựng vào cuối thế kỉ XIII với những hàng cột gỗ lim vững chãi, nâng những cánh mái cong vút tám đầu đao.

Văn Miếu không những đẹp về cách sắp xếp các kiến trúc qua nhiều cửa cách nhau bằng những lối đi dài hun hút, tạo ra khung cảnh chờ đợi của người đi vào, mỗi bước đi lại mở ra một ảnh trí mới lạ, một công trình mới lạ, mà Văn Miếu còn

đẹp vì những hàng cây cổ thụ, tỏa bóng um tùm mát rượi xuống những công trình cổ; những lối đi lát gạch vòng vèo và những thảm cỏ xanh bốn mùa không đổi. Những chiếc hoa gạo, lá xoài, lá đa rụng lác đác như những cánh hoa thêu nhiều màu trên nền xanh biếc.

Từ năm 1954 đến nay, Văn Miếu được chọn làm nơi tổ chức những cuộc vui chơi giải trí tao nhã của Thủ đô trong những dịp ngày lễ, ngày Tết như ca nhạc, ngâm thơ, chơi chim v.v...

Đặc biệt Tết năm 1962 trong một buổi ngâm thơ đón xuân những bài thơ hay đang được trình bày thì có một cụ già từ ngoài cửa bước vào. Nhưng mọi người nhận ra ngay và cùng reo lên: Bác Hồ! Bác Hồ! Đúng! Đó là Hồ Chủ tịch. Người đã ngồi nghe ngâm thơ suốt buổi và sau đó tặng các cụ hai câu thơ:

Tuổi già nhưng chí không già

Góp phần xây dựng nước nhà phồn vinh.

Hiện nay Văn Miếu - Quốc Tử Giám được chăm sóc chu đáo. Cây cỏ được chăm bón và trồng thêm, bổ sung thường xuyên. Khu vực bia tiến sĩ được vẽ sơ đồ, có chú thích từng tấm ra đời năm nào, ghi tên tiến sĩ khoa thi nào... Gian chính diện dùng để trưng bày một số tư liệu văn học nghệ thuật của Thủ đô và của các danh nhân viết về Thủ đô qua nhiều thế kỉ.

Văn Miếu - Quốc Tử Giám là niềm tự hào chung của chúng ta. Nó là chứng tích rất cụ thể của nền văn hiến trải hàng ngàn năm vẫn sừng sững tính dân tộc, không một thế lực nào đụng chạm được vào nó.

1978

Muồng Vàng sắc nắng

Mùa hè rực rỡ đang mãi khai trên Hà Nội. Thăng Long xưa từng có hai đường cây đặc trưng cho kinh đô: Hòe và Liễu, vẫn còn đây hai dòng tên phố: Hòe Nhai và Liễu Giai tức đường hòe và đường liễu, thứ cây hoa rực rỡ nắng vàng, thứ màu dùng để tắm cho vàng lên nước bóng đẹp. Liễu vẫn hong tóc bên Hồ Gươm, nhưng hòe thì hầu như vắng bóng, để ta chỉ còn thấy trong nỗi tương tư.

May thay, lâu nay Hà Nội mới có một số dân mới cư ngụ mang áo màu của mình ra khoe sắc, điểm tô cho Hà Nội, cho những ai yêu nhau bày tỏ nỗi niềm, những ai xa nhau hoài vọng nhớ mong, những ai xa thành phố quê hương gửi niềm thương nhớ... Đó là tím thủy chung của bằng lăng nước, là hoa phượng rực đỏ da cam da diết... và một màu hoa mới: Muồng vàng mang sắc nắng thu long lanh trên đầu cành, tuy chói sáng nhưng vẫn một chút dịu êm con mắt.

Nhà khoa học bảo rằng có đến bốn trăm loài muồng, từ thân mộc đến thân thảo, thuộc họ vang, hoa trắng hoa vàng đủ cả, có thứ còn dùng làm phân xanh, cho tốt đất, và loài nào cũng có thứ lá kép lông chim như mi mắt thanh nữ, chớp chớp là hút hồn anh chàng si mê đến ngẩn ngơ tình ái. Cả đến cây trinh nữ, còn gọi là cây xấu hổ cũng thuộc loại này, e lệ, rụt rè, gió lướt qua cũng ngượng ngùng khép làn mi yếu điệu...

Đường phố Đà Nẵng cũng có thứ hoa vàng gọi là hoàng linh, không hiểu có giống hoa muồng vàng Hà Nội?

Phố mới Thái Hà thẳng tắp, bon bon xe chạy, đã giải tỏa xong cái nút cổ chai, và một loài cây mới đã mọc lên, rực rỡ mùa nắng lửa, mà mỗi buổi sáng, hình như loài nắng non sinh ra lúc hừng đông, cứ lưu luyến tầng cây, ở lại đầu cành, biến thành thứ hoa vàng, một màu vàng chanh trong vắt, cho phố dài đỡ gay gắt ban trưa.

Trên nhiều phố khác như Ngô Quyền, Lê Thái Tổ v.v... cũng điểm xuyến màu hoa sắc lá con gái ấy, xen vào tím, lẫn với đỏ, dẹt nên tấm thảm màu, nó không dịu như hoa ban tím đường Bắc Sơn, cũng không quá chói như bảy cây hoa vông bên cửa đền Ngọc Sơn... hoa muồng vàng còn lạc một cây vào ngõ Báo Khánh bên hàng cà phê Nhân (mà sao Hà Nội bây giờ nhiều cà phê Nhân, nhiều phố Thịn đến thế, ai thật ai giả, chẳng thể nào biết rõ).

Cây muồng vàng không vươn bằng cây hoa phượng, chẳng tròn tán như hàng cây sấu phố Trần Hưng Đạo, cũng không thơm như hoa sữa đường Nguyễn Du, không trắng muốt như hoa sữa phố Hàng Dầu... nhưng nó có cái duyên riêng. Bóng lá lưa thưa xuống vỉa hè không đậm đặc như bóng rặng bàng phố Tràng Thi, Quán Thánh, nó cho ta một nỗi niềm gì đó có vẻ xa xôi của vàng son mấy thuở khuất chìm, gợi lòng ta chút mệnh mang của sắc hoa mơ mộng trong câu thơ “Giấc hòe”, trong sự thành đạt của con người xa quê chỉ ngóng về bằng tâm thức.

Màu vàng và lá xanh kia, vàng như trong tranh lụa, xanh như một sắc xuân, lá nó có phần mập mạp hơn lá cây hoa phượng và vừa có một cơn gió đêm qua thổi tạt, quanh cái gốc còn tơ non ai đã rải một tấm thảm vàng, những bông hoa nằm nghiêng như chờ một bàn tay bé thơ nào nâng dậy để được sống thêm giây lát đời hoa sớm rụng.

Cùng những gốc muồng vàng quanh Hồ Gươm, trước cửa rạp chiếu bóng Hòa Bình, nay là rạp múa rối Thăng Long, từng có một cây muồng đào, hoa nở mùa xuân, sớm hơn vài tháng loài muồng vàng, cứ mọc lên như những trái nho, những viên hồng ngọc... Tiếc sao, cây muồng đào duy nhất ấy không hiểu sao đã vĩnh biệt cõi đời từ mười năm nay, không còn tìm thấy thêm một cây nào nữa trên khắp Thủ đô.

Hoa muồng vàng không phải là hoa của tuổi học trò, cũng không là hoa trong bình phòng khách. Nó sinh ra cùng sương nắng, nó tặng con người màu sắc cho ta đi dưới vòm hoa mà thư tâm dân cốt phút giây.

Đã có rất nhiều người ước ao mỗi đường phố Hà Nội được trồng riêng một loài hoa, một loài cây như Hàng Đào, Hàng Bè có dâu da xoan, Lò Đúc có sao đen, Điện Biên Phủ có hàng đa, Nguyễn Công Trứ có hoa phượng, Hùng Vương có chò nâu... thứ cho màu sắc, thứ tặng hương thơm, nhắc đến hoa là nhớ về phố ấy, nhắc đến phố ấy là nhớ về một loài hoa, đã thành tâm tưởng đời người, những ai Hà Nội, những ai đi xa, những ai say mê Hà Nội... mà trong đó, hoa muồng vàng rất đáng trồng, bởi nó không cao quá, không rậm quá, hoa lại tươi, nở mở cuối xuân sang hạ, rung rinh sắc vàng châu Á, đậm đặc chất Đông phương...

Rặng muồng vàng rải rác đó đây Hà Nội cho ta đi trong ấm lòng, trong cảm giác lâng lâng như nhấp một loài rượu nhẹ, chỉ đủ rân rân mà không nghiêng ngả, nó đậm đặc hơn loài hoàng hoa (hoa cúc) cuối thu hay hoa cải mùa đông hay sắc mai vàng của xuân miền Nam ra đây ít cảnh mỗi tết.



Khi hoa cúc nở là lúc cây muồng vàng làm quả, những quả dẹt như từng chùm bồ kết, màu nâu cánh gián, lao xao trong gió heo may. Ấy là lúc cây muồng vàng nhường trời Hà Nội cho hoa sữa, hoa hoàng lan và có lẽ nó còn tung những hạt lá xanh đã điểm vàng xuống gốc, trải tấm thảm bằng cốm chờ loài hoa đào đang rón rén từ thời gian còn rất xa..

Những điền thanh, cốt khí ở quê, bờ mương ấp nước hay cây muồng còn cái hạt tên là thảo quyết minh, có hương vị tựa tựa thứ cà phê nhạt, đều là họ hàng của nhà muồng vàng này, họ vang này.

Cũng vui vui khi ta tạm dừng chân nghỉ dưới một gốc muồng vàng, cây cứ cột dừa, thỉnh thoảng rắc xuống vai ta một vài bông hoa không tiếng động, nhưng ta nghe như cây hỏi: Hà Nội với bao loài cây đẹp như thế có đáng yêu không?

Hồ Trúc Bạch

Người Hà Nội có lẽ không ai không biết ba con hồ nổi tiếng: Hồ Hoàn Kiếm, Hồ Tây và Hồ Trúc Bạch. Thực ra Hồ Tây và Hồ Trúc Bạch nguyên chỉ là một, từ thế kỉ XVII, người dân đánh cá quanh vùng đắp con bờ nhỏ từ Yên Hoa xuống Yên Ninh cho khỏi đi vòng, rồi sóng vỗ, thời gian xô lở, năm nào cũng phải đắp lại cho vững, thành ra con đường có tên là đê Cổ Ngự (nghĩa là giữ cho vững). Người Pháp cai trị Hà Nội, vốn quen đọc chữ Việt không có dấu giọng, lâu dần chệch ra thành đường Cổ Ngự (giống như ngày nay khối anh học đòi tiếng nước ngoài, in danh thiếp tên mình không dấu: Ngũ Sĩ in thành Ngu Si, có thể đọc thành Ngu Si, Ngủ Sĩ).

Khoảng đầu những năm 60, đường Cổ Ngự được mở rộng, Bác Hồ trực tiếp đặt tên cho nó là đường Thanh Niên, tên ấy còn đến nay. Đó là con tàu xanh không bao giờ đắm, là một bờ của hồ Trúc Bạch thơ mộng, trữ tình, đã chứng kiến sự có mặt của hàng nghìn thế hệ người Hà Nội.

Góc hồ này, nguyên có một hành cung của chúa Trịnh Doanh, cung đó sau thành nơi an trí của những cung nữ có tội hoặc về già, họ phải tự dệt lấy lụa do họ trồng dâu chăn tằm, thứ lụa trắng ngà, mềm, mỏng, cực đẹp, gọi là lụa làng Trúc, và cái tên Trúc Bạch ra đời, mảnh Hồ Tây ngăn ra cũng mang luôn tên ấy: Hồ Trúc Bạch.

Dâu bể là lẽ thường tình, hàng nghìn năm, hàng trăm năm, hai con hồ này ngày nay đã bị thu hẹp đi nhiều do lấn chiếm, có lẽ một phần cũng do lòng con người bị hẹp đi hơn trước chăng?

Thời chúa Trịnh, hồ Trúc Bạch còn trồng sen, thơm nước một vùng. Nếu làng Ngũ Xã do dân năm làng có nghề đúc đồng của

các địa phương tụ hội về đây lập nghiệp, ngày nào lửa lò cũng nghi ngút, xen kẽ với hương hoa sen, còn được ghi trong bài phú lừng danh một thời của Nguyễn Huy Lượng làm năm 1801 với câu:

“Liều bờ kia bay tơ biếc phất phơ, thoi oanh ghẹo hai phường dệt gấm.

Sen vũng nọ nảy tiền canh lác đác, lửa đóm ghen năm xã gây lò...”

(Tụng Tây Hồ phú)

Một bài phú mất trăm liên chỉ độc vận: vần hồ. Và người làm phú đã tài hoa. Sau, Phạm Thái nhà thơ trữ tình cũng tài hoa không kém, viết một bài phú: “Chiến tụng Tây Hồ”, cũng vần ấy, có ý phản bác người trước và cũng là phản đối nhà Tây Sơn... đã trở thành một giai thoại văn chương của kẻ sĩ Bắc Hà lừng danh thiên hạ.

Hồ Trúc Bạch không rộng, đứng bên này vẫn nhìn thấp thoáng bóng người bên bờ kia. Trên đường Thanh Niên lồng gió và tràn trắng ta mới cảm nhận được gương nước sóng lăn tăn kia là quý giá như thế nào. Tiếc sao, đường Thanh Niên có cái quán ăn xây nặng nề như chiếc lô cốt xi măng, phá đi chiếc hàng rào cây xanh mát mắt. Bánh tôm Hồ Tây, thực ra là bánh tôm đường Thanh Niên đã thành món quà, riêng Hà Nội có, nhưng có lẽ ở đây chỉ cần đôi ba cái lều, đôi ba cái dù vải xanh đỏ là đủ, để thiên nhiên còn có chỗ cho hồn người du ngoạn.

Lòng hồ Trúc Bạch cũng đã mất đi con gò nhỏ, gọi là gò Mỏ Phượng, người ta xây nhà, đổ gạch đá xuống hồ làm nền nhà, nay thành xóm, thành làng và chưa ngừng mỗi ngày lấn thêm một ít. Người ta cũng từng cả gan phá đi ngôi đền Cầu Mầu Cầu Nhi trên cái đảo xinh xinh phía bắc hồ, làm chỗ bán bia, ăn thịt chó. Hồ Trúc Bạch nức nở trong oan khiên, người Hà Nội

phần nộ, và nay nó chỉ còn trơ lại cái mái che cùng xơ xác mấy cây bàng già.

Thảm hại nhất là đứng trên đường Thanh Niên, nhìn sang bên kia bờ Trúc Bạch, không còn thấy mái cong vút nhô lên của chùa Ngũ Xã có pho tượng Di đà vào loại to nhất, nặng nhất của Việt Nam, được đúc vào năm 1952, có cả tượng đồng trong thành phố do thị trưởng yêu nước Trần Văn Lai cho dân phá đổ (tượng cao 3,95m, bề ngang 3,6m, chu vi tượng 11,6m, nặng trên 10 tấn...)

Mấy năm gần đây, càng buồn hơn, khi bờ bên phía ấy, nhấp nhô cao thấp, xanh đỏ tím vàng những biển quảng cáo cỡ lớn cho đủ các thứ hàng nước ngoài, nước trong phô bày. Hồ không còn là một danh thắng mà đã biến thành hàng rào một cái chợ kinh doanh. Nước hồ ô nhiễm đến đâu, người dân thường không biết, chỉ biết có những ngày chuyển mùa, tôm cá nổi lên chết hàng loạt, lênh bênh giạt về phía Cổ Ngư.

Hồn oan của các cung nữ có than vãn gì trong cảnh hỗn tạp thị trường? Lửa lò Ngũ Xã cũng đã tắt, các nhà thơ Bắc Hà ấy có tủi buồn khi con hồ đẹp nhường ấy thành cái vũng chứa nước thải của hàng nghìn gia đình đổ vào, và nhất là hồ cứ hẹp dần như miếng da lừa.

May thay, gần đây thành phố đã có chủ trương kè hồ cho khỏi lở, nhưng có lẽ quan trọng hơn là để những ai có mưu mô lấn chiếm thì dừng lại, bởi con đường quanh hồ sẽ là ranh giới cố định, như con đường Đinh Tiên Hoàng ở Hồ Gươm, đố còn xâm phạm. Nghe nói, chuyện bàn giao mặt bằng, trả lại gương mặt cũ cho bờ hồ, còn đang vấp phải nhiều khó khăn lắm, và kè thế nào cũng có nhiều ý kiến.

Thật sung sướng khi đứng trên đường Thanh Niên nhìn ra phía tây, gương hồ mù sương trong hoàng hôn lộng gió, và nhìn

về phía đông, ta đón gió hồ Trúc Bạch lồng lộng mát rượi thịt da, tung mớ tóc phàm trần bụi bậm. Hàng cây hoa ban tím đã nở nhiều mùa, dây cây xoan tây cứ dang những đĩa xôi gấc cho mùa hè nồng thắm. Hồ Trúc Bạch phải trở về với thanh khiết, thoáng đãng của nguyên hình nó từ bao đời, không lí do gì chúng ta phải chịu thua mấy kẻ làm liều đang làm xấu hồ đi, đang ngầm hủy hoại con hồ quý giá ấy đi.

Chắc ta sẽ có dịp đi quanh hồ Trúc Bạch, rẽ vào bán đảo Ngũ Xã, thăm ngôi chùa cổ, viếng tượng Phật Di đà, âm vang trong ta những câu phú tài tình, con đường nâng chân ta một vòng, không vướng những cái tham lam, những cái lối lằng, những cái ô nhiễm, ô nhiễm cả mặt hồ, ô nhiễm cả tâm hồn con người, ô nhiễm cả thiên nhiên và lịch sử... như những ngày qua hồ Trúc Bạch phải chịu đựng.

Chỉ riêng một chi tiết hồ Trúc Bạch từng bắt được tên giặc lái máy bay ném bom, nổi lênh bênh, đã đáng được giữ gìn như một di tích thiêng liêng, chứ chưa nói gì đã tồn tại hàng nghìn năm với Đông Đô, Hà Nội, với hồn người bao thế hệ, để nó còn nhắc lại cho muôn đời sau một Hà Nội tài hoa và tươi đẹp.

Tháng 4/1998

Hồ Tây gương mặt mỹ nhân

Vòng quanh Hồ Gươm chắc nhiều người đã dạo. Ta còn có thể nhớ trên cái vòng gần hai nghìn thước ấy có mấy tên phố, có bao nhà cao, có mấy cây lộc vừng, mấy gốc hoa hồng đỏ, và hai cây gạo mọc ở chỗ nào, bốn cây gỗ tước cổ thụ ra sao, hai cây sung quấn mình cho quả không ai thềm nhật, và hôm nào

hoa sữa một trời trắng muốt, cây đa vườn mình soi gương vào sông ra sao...

Còn Hồ Tây, con hồ trên 535 mẫu tây, một vòng hồ dài mười bảy cây số, một đời làm dân Hà Nội, Việt Nam, ta đã vòng chưa? Phải chăng vì ta bận bịu mà lãng quên tình hồ, hay hồ quá xa, quá rộng lại chưa có một con đường như Lê Thái Tổ, Đinh Tiên Hoàng nên ít cùng nhau gặp gỡ tri âm?

Con hồ từng mang nhiều tên như nhà thơ có nhiều bút danh, vẫn là gương mặt giai nhân nghìn năm lung linh cho bao thế hệ dân thường cùng tao nhân mặc khách gửi lòng mình niềm yêu mến thân thương. Dâm Đàm - hồ mù sương, lúc nào cũng như tấm khăn voan choàng niềm bí ẩn của đôi mắt lá đào và đôi má lông tơ con gái ta tơ tưởng. Lãng Bạc - những con sóng trắng bạc đầu đầy ư, dù hồ có bao giờ biết năm tháng tuổi tác. Con cáo trắng đào hang trong lòng hồ sâu từ một thước rưỡi đến hai ba thước mà thành tên Hồ Cáo, cho đến Đoái Hồ, Tây Hồ, những cái tên như luyến tiếc, như dư ba thoáng cảnh, như kêu gọi lãng du cho đến bây giờ, ta gọi Hồ Tây dân dã.

Chân ta ơi, nào hãy lên đường làm cuộc giang hồ vật, bắt đầu từ vườn hoa Lý Tự Trọng cửa đền Quán Thánh vào phố Thụy Khuê. Trường Bưởi đây, một lớp nhân tài hun đúc từ 90 năm trước, trên cái nền của Châu Lâm Tự, nơi những người tù phương Nam được phép cư ngụ, sau khi về nước, họ bỏ lại ngôi chùa hoang vắng mà thành cái câu ngạn ngữ “vắng như chùa Bà Đanh”, chìm vào lòng sâu Hà Nội.

Con đường Thụy Khuê có ngôi nhà của những toa tàu điện leng keng nổi nhớ một thời dẫn đến làng Hồ Khẩu Nghĩa Đô làm giấy bản, giấy moi, giấy lệnh, giấy sắc. Còn đây có giếng thơi trong vất dưới bóng đa cổ thụ kề chợ Bưởi, thành giếng hằn vết dây gầu như tạc nét thời gian mà chị ta gánh nước tự

bao giờ. Dọc theo Thụy Khuê là con sông Tô Lịch trữ tình của ca dao Hà Nội, chỉ còn là con lạch với lò nấu cây dó hắc mùi vôi, vang tiếng giã đêm đêm cầm canh cho tiếng vạc, tiếng tre trúc tiến gió đi.

Con đường Lạc Long Quân vắng vắng, qua bao thôn làng của một kinh thành dâu bể, nào Đông Thái, Vĩng Thị, Trích Sài, Xuân La, Xuân Đình như còn bóng cái chợ bán lưởi, người hái củi và những cây hồng xiêm ngọt lịu la đà mới nhập đã bén rễ đất lành...

Người bạn phương trời ơi, đất dinh đào Quảng Bá lại một lần rục rờ, sao người không về cùng ta như có lần ta chạm tóc nhau làm hoa đào rụng cánh, rắc xuống vai như chen lời tâm sự?

Mỗi năm có bao nhiêu vạn cành đào ra đi từ dinh đào này, đem niềm vui cho Thăng Long, cho Hà Nội, cho Việt Nam, cả Sài Gòn, Hồng Kông, cả người sum vầy hạnh phúc lẫn kẻ cô đơn lấy hoa đào làm xuân thay rượu, cả người thích nồng nàn đào bích đến thanh lịch đào phai, đến ông già đón xuân bằng đào thế mỗi năm mỗi khác.

Ta lội xuống những luống đào để làm một Từ Thức có Thiên Thai, ta sẽ sang khu vườn ươm cũng liền kề nhưng đã là đất thôn Phú Thượng, nơi phục hồi sức khỏe cho cây trước khi chúng được vào Lăng và vườn Bác vĩnh viễn niềm hạnh phúc.

Ngã ba đê sông Hồng, Nhật Tân còn đó. Vẫn là hoa với hoa, tình chen tình, người Hà Nội đã không còn thỏa mãn với chợ Hoa Hàng Lược nên rồng rắn lên đây thành hội tìm hoa.

Mai vàng cũng đã ra đất Bắc, còn quất trĩu trĩu la đà thì từ quăng này đến Nghi Tàm, Tứ Tổng, Tứ Liên chắc không máy tính nào đếm hết. Ai bảo quả không thay được hoa? Quất là thịnh vượng, là ước muốn kết tinh hiệu quả, không kể có cây tứ

quý, ngũ quý gồm lá xanh, quả vàng, quả xanh, hoa trắng, nụ trổn trong kẽ lá chưa vội chào xuân.

Ta đã về đến Yên Phụ rồi người ạ. Cửa ô Yên Hoa một thời xa, nay mỗi tết thành con sông trên cạn cho hoa chảy thành thác lũ, vào thành phố. Được chen giữa chốn này, ta như lạc vào cuộc thi hoa hậu toàn cái đẹp bốn xung quanh. Nếu Nghi Tàm bên cạnh nghề trồng quất còn thêm nghề cây cảnh, cây thế, tạo cái đẹp bốn mùa, có ngôi chùa Kim Liên từ thời Lý, đang có những quán cá Hồ Tây từ nem rán, cuốn nướng đến cháo ám ngọt thơm hấp, xào ngũ vị, thập cẩm, từ nghiêm trang đến ôm ấp, thì Yên Phụ lại có nghề cá cảnh và làm giấy màu xanh, đỏ, tím vàng. Cá cảnh một thời huy hoàng, như những ngọn lửa bơi trong nước, rập rờn cái đuôi như dải lụa nàng văn công sân khấu, nó là hoa nở trong bể cạn có hòn non bộ sơn thủy hữu tình với ngôi chùa bằng ngón tay, người tiền phu, ông Lã Vọng, chiếc cầu... tất cả đều thu nhỏ để bắc vào tưởng tượng sau bao năm tháng phiêu bạt của người chơi nó.

Ngoài đê là An Dương, là sông Hồng tuôn mạch, là ngoại ô vi vút gió bãi trắng ngàn. Năm 1947, Trung đoàn Thủ đô qua đây ra kháng chiến, năm 1972 chiến tranh Mỹ hủy diệt, bao người Hà Nội thành hồn nước Thăng Long... Nơi đây có nhà văn Ngọc Giao cư ngụ, có nữ sĩ Ngân Giang mở quán bán trà lui xuống phía dưới chút ít. Làng Yên Phụ có căn nhà mà Thạch Lam sống và chết, cạnh ngôi đình thờ theo chiều dọc khác hẳn mọi ngôi đình khác ở Việt Nam, còn đó.

Ngã ba Yên Phụ, một thời nhức nhối vết thương xây dựng lẫn đê, nay thông thoáng. Rồi làng Yên Phụ nhưng ta lại gặp phố Yên Phụ là hai đơn vị hoàn toàn khác nhau, nhưng ta sẽ xuống con đường kì diệu Cổ Ngư, con đường rợp bóng phượng mùa hè, tím hoa ban sang xuân, con đường như dải lan can con tàu không bao giờ đắm, nằm mơ màng giữa hai hồ nước.

Nguyên đây là con đập nhỏ bằng đất do người các thôn ven hồ đắp để tiện qua lại mà bắt cá, năm nào cũng lở, năm nào cũng phải đắp bồi cho vững, nên có tên là Cỗ Ngự, rồi lâu ngày đọc chệch ra thành Cỗ Ngự và từ năm 1960 được đổi tên là đường Thanh Niên. Con tàu không bao giờ đắm ấy bỗng chia một góc hồ Tây ra thành một hồ nhỏ khác. mang tên hồ Trúc Bạch, mà nơi đây nhiều thế kỉ trước có những cung nữ quá thời hay mắc lỗi, bị biếm ra đây dệt lụa mà sinh sống, thứ lụa trắng ít nơi bì, nên nó mang tên thôn là hồ Trúc Bạch.

Thì ghé vào đây chút ít, ta lãng đãng bước xuân, việc gì mà vội. Quanh hồ Trúc Bạch có làng Ngũ Xã (dân đúc đồng năm xã ở nơi khác đến đây cư ngụ) còn ngôi đình có pho tượng A di đà một trong ba pho tượng đồng lớn vào bậc nhất nước ta (tượng này, tượng Trấn Vũ trong đền Quán Thánh và tượng Trấn Vũ phía Lâm Du bên kia sông Hồng). Trong pho tượng Ngũ Xã còn có cả những tượng đồng do người Pháp dựng mà thị trưởng Trần Văn Lai, thị trưởng đầu tiên của Hà Nội cách mạng cho hạ xuống, năm 1952 đã hóa thân trong lửa.

Đường Thanh Niên quá quen thuộc với người Hà Nội, họa chăng chỉ kém bờ Hồ Gươm đôi chút. Ta sẽ vào đền Quán Thánh nghe gió ru qua hàng muôm già cổ thụ mấy trăm năm, chiêm ngưỡng người thợ đúc tài năng đang ngồi thiền, ông Trùm Trọng, người đúc nên pho tượng đồng đen trong đền. Thời gian phôi phai, nhưng tài năng thì còn mãi, tâm linh cũng chẳng hư hao...

Lướt trên sóng nước trập trùng, ta ngắm gương hồ hình gần giống chiếc cang cua, chỗ ấy là bán đảo, có khu nghỉ mát sang trọng, có phủ Tây Hồ nơi Trạng Bùng gặp cô tiên mà thi ca ứng đối, tao phùng cô tiên chính là Chúa Liễu Hạnh, một Mẫu Việt Nam. Gần đây, trước có bãi tha ma gọi là Mả Tàu, nơi yên nghỉ của nhiều Hoa kiều gửi thân vào nước Việt, quê hương thứ hai

của họ, khác hẳn Mả Tây ở phố Nguyễn Công Trứ, chôn tạm rồi rời về “Mẫu quốc”.

Những con đường mang tên mới: Đặng Thai Mai, Xuân Diệu... người là thầy giáo, người là hoàng tử của thơ tình, chợt ta nhớ đến câu thơ bút rút: “Hỡi xuân hồng, ta muốn cắn vào người...”

Có những hoàng hôn đỏ lự, đứng trên đường Thanh Niên, mắt ta gặp mây trời sà xuống phía bờ kia, còn trên mặt sóng là những lá thoi thuyền lướt, đôi người nào bập bênh tâm sự, còn ai dong buồm cho chơi vơi một nỗi Trương Chi... Trước mặt là chùa Trấn Quốc, ngôi chùa tĩnh lặng gần mười thế kỉ với hàng cau như đội quân danh dự xếp hàng chào ngoài cổng, còn sân chùa có cây bồ đề Tổng thống Ấn Độ tự tay mang trồng, đã tỏa bóng như an ủi chúng sinh... Chỉ hơi tiếc, án ngữ trước chùa là cái quán ăn xây bê tông cốt thép như chiếc lô cốt, cứng đơ, nặng trĩu, mùi nắm muối mỡ khét xông lên làm hoen ố cả cảnh trời nước trữ tình mà Nguyễn Huy Lượng một danh sĩ Bắc Hà đã ca ngợi trong bài “Tụng Tây Hồ phú” lừng danh. Món bánh tôm Hồ Tây có ngon, nhưng không nhất thiết phải kinh doanh như một thứ hàng nhậu nhẹt giữa nơi cần tao nhã hào hoa này như vậy.

Người bạn phương trời, xuân lại về, ta đi với hồn người trong kí ức để thấm vào nhau, như câu ca dao xưa chợt vẳng:

Mặt mù khói tỏa ngàn sương

Nhịp chày Yên Thái mặt gương Tây Hồ...

Gương mặt người đàn bà đẹp của Hà Nội nghìn năm, gương mặt bao thế hệ từng soi vào đấy (Nghĩ lẫn thần, tiếng Pháp chia giống, không hiểu người làm ngữ pháp nghĩ thế nào mà lại cho hồ là giống đực: Le Lac), còn ta, ta bảo đó là nàng Kiều, là

Trương Quỳnh Như, là Nguyễn Thị Lộ, là công chúa Ngọc Hân mới đúng.

Hiện đại, nếu dùng xe cơ giới vượt vòng hồ có lẽ sẽ không thể tìm ra thơ mộng, không thể rẽ xuống dinh đào, tạt vào Nghi Tàm thăm chùa Kim Liên, hay thắp một nén nhang nơi chùa Trấn Quốc...

Xa hồ Tây bao năm, người bạn phương trời có còn nghe lao xao sóng nước, con cá vàng Hồ Tây quẫy trắng, làn sương chiều êm dịu, những màu hoa quanh hồ tặng cái đẹp cho đời... Xin hãy về đây, xuân đã sang, Hồ Tây vẫn đợi, vẫn mong người đấy...

Tết 1998

Yên Phụ - ngôi đình thờ dọc (1)

(1) Miền Trung thời máy bay Mỹ chưa đánh phá (trước 1964) nhiều làng có chùa miếu thờ cửa bên trái (tức là thờ dọc).

Hình như có lần nghệ sĩ lão thành Phạm Văn Đôn sau khi thăm Lào về, có nhận xét: Hầu hết chùa chiền bên nước bạn đều thờ theo chiều dọc, khác hẳn Việt Nam chúng ta, đình chùa thờ theo chiều ngang.

Vậy mà Hà Nội có một ngôi đình cổ lại thờ theo chiều dọc, không hiểu có phải là ngôi đình duy nhất ở Việt Nam không?

Đình làng Yên Phụ, tương truyền xa xưa tọa lạc ở ven sông Hồng, khi con đê còn nằm sát mép nước. Sau vì sụt lở, đình được di chuyển vào trong đê, chỗ trường phổ thông Mạc Đĩnh Chi, phố Phó Đức Chính hiện nay, và cách đây - theo các cụ già

địa phương kể lại - hơn ba trăm sáu mươi năm, đình được chuyển hẳn vào một doi đất bờ Hồ Tây, trông về phía nam, có gió trắng bát ngát, cho đến bây giờ.

Ngôi đình khá đồ sộ: Năm gian hai chái, và chiều ngang cũng có những hàng cột lớn chia đình thành bảy khoang nhỏ hơn. Đầu hồi phía ngoài là lưỡng long châu nguyệt, cùng hai con phượng đứng bên cạnh điều rất ít khi gặp ở những ngôi đình khác.

Hàng cột lim to hơn người ôm, sau hơn ba thế kỉ đó, những vòm mái cong vút lên, đã mọc rỗng bên trong, làm ngôi đình bị xiêu vẹo, giọt nát. Sau khi được công nhận là di tích văn hóa lịch sử, đình được trùng tu, cột được đổ xi măng cho đặc lại và chắc chắn, nay nếu gõ vào sẽ có âm thanh trầm đục vì có hai chất liệu khác nhau.

Yên Phụ, một làng cổ ven đô, nằm trên trục cửa ô Yên Hoa, nên làng cũng có tên là Yên Hoa, phía bắc kinh thành, nay ngoài làng Yên Phụ gốc, còn có một con đường mang tên Yên Phụ đi từ khách sạn Thăng Lợi qua đầu đường Thanh Niên về đến tận cầu Long Biên mới nhường đường cho phố Trần Nhật Duật.

Yên Phụ làng, chỉ là một làng nhỏ, vài nghìn dân, nằm ven hồ tây nên đất hẹp, một bên là con đê cao chắn tầm mắt, còn bên kia lại là mặt gương hồ mênh mang của hồ Dâm Đàm - hồ mùa sương - Hồ Tây sương khói quanh năm như thơ, như mộng. Giữa làng là một mảnh ao chạy dài cong lượn, mặt ao xanh đen vì nước ô nhiễm của đời sống thị thành. Ao Vả đấy. Ao có tên ấy vì trước đây giữa ao có cái gò trên đó mọc một cây vả cổ thụ quả ngọt lừ đầy mật. Nay cây đã chết, đảo đã chìm, chỉ còn lại cái tên như một kỉ niệm của làng quê yêu dấu.

Đối diện với làng, qua đê là khu tập thể An Dương (xưa kia là đất làng Yên Phụ), còn từ đê muốn xuống làng, sẽ qua một

con dốc đồ thoai thoải như sườn đồi, trước hết là một chiếc cổng xây bề thế, rồi con dốc sâu hút vào hai bên nhà, cứ theo dẻo đất ven hồ mà cong, mà lượn. Sẽ gặp những con người tuy mang danh Hà Nội nhưng lại mộc mạc, nâu sồng đang chăm chút những bể cá cảnh khổng lồ, hay đang phết màu làm giấy trang trí, thôi thì đủ màu: vàng, tím, xanh lơ, hồ thủy, xanh lục, cánh sen, hồng điều...

Điều đặc biệt, rất nhiều hộ có chiếc thuyền con, bởi nước hồ vào đến sân nhà, chiếc thuyền có thể dùng vào nhiều việc. Từ sân nhiều nhà có thể nhìn thấy bên kia là chùa Trấn Quốc, ngôi chùa cũng là của làng và là chùa của cả nước, từng là hành cung của chúa Trịnh, vua Lê; xa chút nữa là trường Bưởi, Thụy Khuê, có đền Động Cổ... trại Hàng Hoa.

Trở lại ngôi đình thờ dọc, ngôi đình đồ sộ nguy nga, mới sửa sang vàng son lộng lẫy, chỉ có hậu cung nằm ngang. Tại sao lại thờ dọc, hay tại thế đất, tại một tín điều nào? Các cụ trong làng cũng như tư liệu lịch sử không giải thích được. Trên bệ thờ ba chiếc ngai có ba vị tam thánh, ba vị thành hoàng làng.

Đó là Uy Linh Lang đại vương, Vương Đồi đại vương và Vương Ba đại vương. Vương Đồi và Vương Ba không ai tường tận tên họ và thành tích. Riêng Uy Linh Lang (không phải Linh Lang) thì truyền thuyết kể ngài là hoàng tử của Trần Thánh Tông và hoàng hậu Minh Đức. Hoàng hậu nằm mộng có người xưng là Linh Lang (Linh Lang thường chỉ chung năm mươi người con trai của Lạc Long Quân xưa kia đi mở mang bờ cõi) xin đầu thai; bà có mang mười bốn tháng mới sinh một cái bọc. Vua cho là ma quỷ, sai một cung nữ bỏ ra sông. Cung nữ mang cái bọc trong có hoàng tử, đến bến Nhật Chiêu, chỗ có bảy gốc gạo cổ thụ (Nhật Tân ngày nay), thương tình, bỏ đó chứ không ném cái bọc xuống sông. Đêm, từ cái bọc, có hào quang tỏa sáng và tiếng khóc cả xóm làng nghe rõ. Tiếng khóc còn vang

vào trong cung. Nhà vua lấy làm lạ, cho đi tìm, thì đó là một cậu bé rất đỉnh ngộ. Lớn lên, cậu bé rất thông tuệ, học một biết mười. Nhưng đến năm mười tám tuổi, hoàng tử xin vua cha cho xuất gia đầu Phật. Sau, nước nhà có giặc, nhà sư đầu quân, tuyển mộ trai tráng, đánh trận nào thắng trận ấy có ngày thắng liền tám trận, nên được vua phong cho chức - hay tên - Uy Linh Lang. Năm ba mươi sáu tuổi, ngài tự nhiên không ốm đau mà hóa, chỉ xin được thờ phùng tại nơi làng Yên Phụ, bến sông này.

Như vậy Uy Linh Lang không phải là Linh Lang thờ tại đền Voi Phục và nhiều nơi khác.

Yên Phụ và đình làng Yên Phụ ở ngay sát nội thành, ngay bên bờ hồ Tây, một thắng cảnh nổi tiếng của Thăng Long, Hà Nội. Từ trung tâm, nơi Hồ Gươm đến đây chỉ vài chục phút xe đạp, năm phút xe hơi. Đình đã được xếp hạng, được trùng tu, có người trông nom chu đáo. Yên Phụ là một trong mấy nơi làm đẹp Thủ đô. Nghi Tàm, Tứ Liên, Quảng Bá, Nhật Tân, Ngọc Hà... góp hoa cây cảnh cho nội thành, thì Yên Phụ lại có tài riêng: nuôi cá cảnh. Bể cá gia đình phát triển, những con cá đủ màu trăm vẻ, những sinh vật cảnh nhỏ bé mà thần tiên ấy làm Hà Nội tươi mát biết bao nhiêu. Bác Vũ Xuân Tạo, một nghệ nhân nuôi cá cảnh cho biết: Nghệ thuật nuôi cá cảnh của Yên Phụ đã có từ lâu đời, hàng mấy trăm năm. Cá đã đến với Hà Nội, cá còn ra cả nước ngoài. Gia đình hiện nay cũng có thu nhập chủ yếu bằng nghề này, qua hàng chục cái bể xi măng to, chiếm hết khoảng sân rộng, trông ra mặt Hồ Tây, mà đối diện là chùa Trấn Quốc, nơi hàng năm, đám rước thần từ đình Yên Phụ sang chùa rồi lại rước từ chùa về đình, tất cả đều bằng thuyền, rẽ nước mà đi, trống chiêng vang trên mặt hồ, cờ xí phướn phật tung bay trong sương hồ ngàn thuở...

Yên Phụ chưa giàu. Quý làng cũng còn nghèo, nhiều dân làng còn mong mỗi được trồng hoa sen ở ao chùa Trấn Quốc, gây

quỹ cho chùa nhưng chủ yếu là để tăng thêm cảnh quan tươi đẹp, ngát thơm cho chùa, không ảnh hưởng gì đến việc nuôi cá của quốc doanh cả. Ngay Ao Vả, dân làng cũng mong được quản lý để nuôi cá, góp phần tu bổ thường xuyên cho các di tích và thắng cảnh của làng, một làng có tiềm năng du lịch khá lớn sau này.

Ngày lễ, ngày chủ nhật, người Hà Nội nào cũng có thể đến với Yên Phụ, tham quan đình Yên Phụ, ngôi đình bề thế, đặc biệt là thờ theo chiều dọc, để được chiêm ngưỡng một di tích hiếm có, và cũng là để gió sương Hồ Tây phủ đầy tâm hồn, tiếp sức cho ngày hôm sau, tuần sau, tháng sau... Một nét văn hóa Thủ đô đáng quý, đáng yêu vậy.

Quán Hoa

Hồ Gươm là trái tim của Hà Nội. Về hình dáng thì nó cũng thực sự có hình gần giống trái tim, có lẽ những đợt sóng không bao giờ biết mệt kia cũng là nhịp đập đầy rung động chẳng? Mỏm nhọn chúc xuống, mũi đất khuyết đào là đầu trái tim, đang là khu vườn hoa bé nhỏ xinh xinh, có một bồn hoa tròn, đất màu cong mui luyện, quanh năm được trồng hoa tươi. Tết, có những cây quất xum xuê ở trên, còn phía dưới thường là xu xi, các bách nhật, đẹp nhất những khi được trồng hoa păng-xê, lung linh như một đàn bướm lạc lối đêm qua, nên sáng nay chúng ở lại, mỗi con bướm thành một bông hoa tím hoa vàng, cứ lay động dù trời không động gió... phía mép hồ, hơn hai mươi cây liễu mới được trồng lại lần thứ hai, đang tơ non xanh ngời, lá lướt, bắt đầu buông tóc thanh tân, chẳng cần một thứ nước gội đầu quảng cáo rùm beng nào, liễu mang cho lòng người niềm rung động của yêu thương, nhớ nhung, có một chút gì nuối tiếc

khi hương mái tóc còn vương vấn trong kỉ niệm... Doi đất này trước đây được gọi là Quán Hoa Tràng Tiền, dù đúng ra, phải gọi là Quán Hoa Hàng Khay mới chính xác hơn.

Một lúc nào thanh thản tâm tư, đứng từ đây phóng mắt về phía bắc, có thể nhìn thấy toàn cảnh Hồ Hoàn Kiếm, thấy Đảo Ngọc như mái tóc ai chưa kịp chải, đình Trấn Ba thấp thoáng chiếc nơ màu, còn cầu Thê Húc là dải khăn quàng đỏ, mờ lẩn giữa cây xanh và sương biếc, có lẽ nàng hồ trình nữ e thẹn nên chỉ thầm nói một điều gì từ xa, mà ở đây ta không nghe thấy.

Quán Hoa vì thế mà có phần buồn tủi cho lời tình, nên mới trầm mình vào dĩ vãng, ít người còn nhớ, nhiều người đã quên, cho mỏm tin này thoáng thoáng, cho lời gió vang xa, cho mắt nhìn thêm mê đắm?

Từ lâu rồi, bên kia đường, phố Hàng Khay chỉ có một dãy, thứ phố lệch, thiếu đăng đối, như cô gái mắt hơi lé một tí để ta không bao giờ quên được ánh nghiêng nghiêng kì lạ... Hàng Khay từng có nhiều cửa hàng thợ khảm, sau 1954 vẫn còn người thợ thủ công cửa cửa, đục đục, mài mài những thỏi ngà trắng mượt như cổ tay con gái, những cái sừng vàng đục gọi nhớ đến sừng rượu cần đêm lửa nhà sàn, những mảnh trai bảy sắc cầu vồng, mảnh ốc lung linh nhắc chiều nao bãi biển... Nguyên liệu đấy, bàn tay người thợ sẽ từ đấy mà biến hóa nó ra thành những đồ dùng quý giá, xung quanh họ, mùi khét của mặt sừng có lúc hăng hắc, bụi phấn của mảnh trai rải rác trên sàn nhà, mặt bàn như một thứ bụi bạc, lem nhem một chút nhưng không đáng giận. Sẽ có cái khay khảm xà cừ, còn cây xà cừ trùng tên bên kia đường thì thành chàng lực sĩ vạm vỡ từ lâu, sẽ có bàn cờ Đam với những ô vuông, ô sơn then, ô lấp lánh... sẽ có con voi cong cái vòi ngà tí tẹo lên như hỏi trời đất điều gì... Còn phía đường Đinh Tiên Hoàng, trước là phố Francis Garnier, chỗ đang là Nhà Triển lãm, một thời đây là tầng trệt của Địa ốc

Ngân hàng, quăng này mở quán rượu Hoàng Gia Taverne Royal, chiều chiều ghế xích đu mây cỡ lớn bày la liệt ra hè cho ông Tây bà đầm ngồi uống rượu, ngắm phố xá một cựu Kinh Kỳ thành thuộc địa. Chiều nắng xiên khoai thì treo những tấm màn cực lớn màu đỏ chói, từ rất xa đã nhìn thấy, người Hà Nội chân đất nhưng tự trọng, tránh ngay sang phía khác khi thấy cái màu màn nắng như thế.



Mỏm tim Hồ, có một quán bán hoa, người Hà Nội gọi tắt là Quán Hoa.

Đẹp nhất là những buổi sáng ẩm sương, mặt cô thiếu nữ Hoàn Kiếm còn chưa hết giấc mơ đêm qua, đang lơ mơ ngái ngủ thì đã phảng phất một thứ hương thơm lãng đãng lẫn trong hơi nước từ hồ tỏa lên, từ trong khí trời Hà Nội sà xuống, đôi khi còn vương một chút hương hơi hắc của lá cúc tần (để bó

đem hoặc làm vòng hoa). Hoa của Hữu Tiệp, Ngọc Hà, Tứ Liên đã về đây từ lúc mặt trời còn nằm sâu dưới đáy vịnh Hạ Long, chưa có sợi dây nào kéo vượt núi Bài Thơ, chiếu những ánh vàng vào đất liền châu thổ, người Hà Nội cũng chưa đi uống tách cà phê quen thuộc ở đầu phố Đờ Măng, ở cạnh nhà máy nước đá phố Hàng Vôi...

Hoa vòng cho đám ma, hoa tươi cho đám cưới, hoa cành, hoa bó để cắm trong phòng, đủ loại, nhiều sắc, quý giá như hồng “đơn”, trinh trắng như huệ, loa kèn, duyên dáng như thạch thảo, đầm thắm như cẩm chướng, bình dị như thược dược, chân chim... Cả thứ tưởng vô giá trị, khi vào đây cũng thành hoa đẹp: Hoa bèo tây tím nhạt, điểm vàng...

Những người bán hoa phần lớn đã có tuổi, áo dài nâu Đồng Lầm, mùa hè khăn nhung vắn, mùa đông thêm tấm khăn vuông len, nhiều bà răng đen, đều giống nhau là mềm mỏng, tươi tắn, niềm nở nhẹ nhàng. Có lẽ hoa đã ảnh hưởng vào cuộc sống người bán hoa?

Quán Hoa tranh nửa ấy, vào khoảng những năm 60 được thay bằng một vòng cung hơi cong, quán xây gạch, chia thành từng gian, lợp ngói xi măng, cột chia gian là cột cho hoa leo giàn, vui mắt. Đầu phía Hàng Trống là cửa Hợp tác xã hoa Ngọc Hà, giữa là mấy quán của Công ty công viên, còn đầu trông sang Đình Tiên Hoàng còn mấy bà bán bưu ảnh, bì thư, bút vở... Quán Hoa Tràng Tiền đã thành sợi dây thắm nối bao mối tình thành duyên chồng vợ, thành kỉ niệm một thời của bao người, khó mà nói hết. Có điều, Quán Hoa không bao giờ bán hoa đào Tết, quán dành riêng thứ hoa đặc biệt này cho chợ hoa Hàng Lược chẳng?

Không nhớ rõ năm nào, chỗ “nhĩ mục quan chiêm” này, cần thông thoáng khang trang, Quán Hoa phải dỡ bỏ để tạo ra một

vườn hoa đặc biệt cho du khách ngắm hồ toàn cảnh. Bà Dán, người bán bưu thiếp dọn về 17 Hàng Đường, cô Sơn người bán hoa của Công ty Công viên lên bán ở trước tam quan đền Bà Kiệu, chỗ bây giờ bán mặt nạ nghệ thuật. Mấy bà hợp tác xã dọn đến ki ốt gần Thủy Tạ, chỗ dăm chục năm trước là quán giải khát của bà Tộ, tự nhận là mụ Béo.

Quán Hoa Tràng Tiền đã làm xong nhiệm vụ, chuyển tình yêu và cái đẹp cho đời, nó lùi vào dĩ vãng, trở thành kỉ niệm của một Hà Nội đổi thay đầy tốc độ.

Ai kia? Mấy nữ sinh áo dài chụp ảnh, có lẽ trong cái cặp sách kia còn mùi bưởi và dứa muối ớt đấy, mấy bà đầm, ông Tây ba lô giơ máy ảnh lên, vài ông già đẩy xe cho cháu hóng gió mát và không khí tươi lành hào phóng của hồ cho... Liều cứ rủ mềm, gặp mùa hoa lộc vùng, ai trải tấm thảm cỏ dập dềnh trôi từ phía giữa hồ về đây? Hoa đấy.

Hoa không ở Quán Hoa, hoa đã hóa thân trên khắp đường phố, trên những chiếc xe đạp bán rong. Ngọc Hà, Hữu Tiệp, Cầu Giấy, Gia Lâm, Vĩnh Tuy... hoa thỏa mãn, cho một nhu cầu càng ngày càng lớn của thanh lịch hào hoa Hà Nội. Hà Nội là cái đẹp, Hoa làm Hà Nội đẹp thêm. Hồ Gươm là cái đẹp của cái đẹp, nói cách khác Hồ Gươm là con mắt đẹp của giai nhân Hà Nội. Cũng có thể, nó còn là cái đẹp tiềm tàng, sâu lắng của người vợ tảo tần bao năm tháng, chỉ có thể nhận ra từng ngày sau bao năm chung sống. Cái đẹp như từng viên gạch, rồi một lúc nào, ta chợt thấy những viên gạch ấy đã xây thành lâu đài hạnh phúc cho ta, lúc mà hơi lạnh mùa đông đã lùa vào sợi tóc không còn màu đen nhánh.

Quán Hoa Tràng Tiền đã sẻ mình cho Hà Nội hết, không như gần kia tháp Hòa Phong còn dựng rệu trời trên cái bình thời gian chót vót mãi cao. Quán Hoa lặn vào tâm hồn Hà Nội, chắc

sẽ còn được nhắc đến lâu dài nữa khi Hồ Gươm còn kia, khi Hồ Tây còn đó, khi cầu Thê Húc vẫn quàng tấm khăn voan đỏ vào chiếc cổ nờn nà của cô gái Hồ Gươm...

1995

Vườn Hoa... người bạn

Vườn bao giờ cũng gọi lên sự tươi mát, thanh thoi, thơ mộng và một chút băng khuâng, dù chỉ là một mảnh trồng rau mấy luống, một góc tưới dăm gốc hoa, một xum xuê vườn quả, một um tùm vườn chuối... ở quanh quất đâu đây, sau chùa, bên đình hay ngay bên nhà ta, phía sau đằng trước...

Với thành phố, vườn hoa hay công viên còn có vị trí trong hồn người đặc biệt hơn nhiều. Nó cần thiết để con người được thư giãn, với người này thì nhàn tản mà suy ngẫm, với người khác để uống no nê làn không khí trong tươi vào phổi. Ai kia cần một màu xanh cho nó xua đi nỗi tức mắt vì ánh đèn quầng, lúc khác lại là để lâng lâng niềm hân hoan thoáng đặng, say mê trong tiếng chim gù, rộn ràng trước ngàn hoa mơn mớn...

Khoảng trăm năm lại đây, Hà Nội mới có khái niệm công viên, hoặc vườn hoa. Những mảng không gian tràn xanh, lá xanh, trời xanh, đất xanh đến gió và không khí cũng xanh... đã cho con người vốn sống trong chật hẹp (không hiểu có phải vì thế mà nhiều người hẹp luôn cả tấm lòng mình?) được nhuần đắm vào một thế giới đổi thay giây lát, hồi sinh lại ít hồng cầu đầy mệt mỏi.

Vườn hoa đã có, nhưng chưa phải là đủ, chưa phải là nhiều. Dù sao cũng đáng quý, đáng yêu, nhiều vườn hoa đã thành kỉ niệm êm đềm tha thiết hay chua xót đắng cay của nhiều người

phải vì cố này, cố khác mà chia tay nhau, mà chia tay Hà Nội, mang vườn hoa Hà Nội trong lòng biệt xứ, tha hương...

Nhà thương nghiệp, người công tác, anh thợ, bà bán hàng... ít quan tâm đến vườn hoa. Người ta phải tự hành xác để đổi lấy miếng ăn vất vả... thì vườn hoa chỉ là khái niệm có cũng được không thì cũng chẳng chết ai, giống như cuốn sách, có thì đọc, không thì cũng không chết đói...

Người có tuổi, mà lớp này mỗi ngày một đông thêm, lớp em bé thơ ngây, những người trẻ tuổi đầy trái tim niềm si mê... thì vườn hoa là một người bạn thân thiết, người bạn tâm tình, người nâng đỡ, người chia sẻ... Biết đâu chả có một cậu chàng nào đến tâm sự với cái gốc cây mà hôm trước đây họ còn có đôi, nay thành cô độc? Cây biết nghe đấy.

Vườn hoa đương nhiên là phải có cây rồi. Như nói đến cô gái, ta nghĩ ngay đến mái tóc mượt mà, bộ ngực thanh tân... Không có cây thì khu đất gọi là vườn kia chỉ còn là tha ma mộ địa. Nhưng nếu thiếu một gương nước long lanh cho mây trời lơ dềnh soi bóng... thì cũng là một sự xộc xệch, khắp khiễng, khô khan, như âm dương thiếu nhau, tình yêu đơn phương, lẻ bạn...



Công viên Thống Nhất, nay là công viên Lê Nin, sinh năm 1960 có cả một khu hồ rộng mênh mông, nước trong vắt, có đảo tròn, có cầu cong, lại có đảo hoang vu, giường đá, nhà sàn, vườn hủ, ve ngâm... muốn vào đảo phải khóa mái chèo như chàng Lưu, Nguyễn nhập Thiên Thai, cho con thuyền lênh đênh mấy phút... Công viên có Quán Gió (còn thiếu Cầu Sương cho đồng bộ chăng?), có khu phong lan, có đường xe lửa thiếu nhi, có sân khấu ngoài trời, có nhà gương dị dạng. Gần bốn mươi năm, cây cối ở đây đã mang dáng hình gần như cổ thụ, kể cả cây đa Bác Hồ trồng, xòe như một mâm xôi xanh, trẻ em tha hồ trèo lên ba chạc sát mặt đất không sợ ngã... Đã có bao mối tình hẹn hò dưới tán cây ấy. Cây sinh sôi, tình nảy nở... sum họp chia li đủ cả, và có cảm giác về bài thơ nổi tiếng “Cuộc chia li màu đỏ” của Nguyễn Mỹ, chính là nói về hai người yêu nhau trên nền xanh ngát của trời mây hoa lá công viên Thống Nhất này.

Công viên Thủ Lệ sinh sau đẻ muộn, có tên thế vì nằm trên đất làng Thủ Lệ, có đền Thủ Lệ còn gọi là đền Voi Phục, thờ thánh Linh Lang. Công viên rộng, cũng là một trường học về sinh vật cho bao trẻ thơ. Được đến đây một buổi, là được một phần thưởng, vừa giải trí, vừa vui vẻ, vừa học được bao điều từ đôi voi cong vòi lên âu yếm, con hổ đi đi lại lại suốt ngày không biết mỏi, con hươu ngơ ngác cả cái chạc sừng, con nhím lúi thúi tìm hang, con đại bàng móc cả đầu, con trăn lơ mơ ngủ, con cá sấu giả vờ chết, con vượn đu như một nghệ sĩ xiếc tài danh, đàn khỉ chí chóc suốt ngày... Nhất là con gấu, thích đi hai chân để khoe cái “nơ” trắng hình chữ V trên khung ngực đen nhánh, y như chàng phục vụ ở Hotel, quần áo trắng nơ đen, còn chú gấu thì quần áo đen nơ trắng...

Công viên Bách Thảo được sinh ra từ năm 1890, đã hơn trăm năm, thăng trầm có cả. Vẫn còn núi Sưa kia, Sưa Sơn là nó, chứ không phải núi Khán, núi Nùng. Cây sưa từng mọc đầy trên ngọn núi cao hơn 10 mét ấy.

Mới cách đây mấy chục năm, mỗi cây trong ấy còn có biển ghi tên, tiếng La tinh, tiếng Việt. Tiếc là cái hoang vu đang lấn chiếm, nên chỉ còn mấy cây chò cao vút, vươn hẳn lên, vượt hẳn ra tầm ngọn các loài cây khác. May còn có mấy khoang hồ, nơi có hạc rửa lông, chỗ có sen đua nở. Trại Hàng Hoa cũng là đây, một thời thơ mộng, đi vào tiểu thuyết... Cây muồng cổ thụ hàng chục người ôm đang chết dần, một số cành đã cưa đi, hay là nó chết mòn vì nhớ cái chuồng voi nơi gốc, mà tán lá tỏa mát bốn mùa?

Quen thuộc là vườn hoa Chí Linh, một nửa phía bờ hồ là vườn Indira Găngdi. Đây nguyên là vườn hoa Paul Bert, tên của viên quan Toàn quyền Pháp đầu tiên ở Đông Dương. Khi ông ta chết, còn được dựng tượng ở đây, mà năm 1945, bác sĩ Trần Văn Lai, một nhân sĩ yêu nước làm thị trưởng, đã cho phá bỏ

hết những bức tượng đầy chất thực dân và nô lệ ấy, tượng đồng được tập trung về lò nung Ngũ Xã.

Vườn Chí Linh có nhà Bát Giác, là nơi đội nhạc kèn tấu nhạc mua vui mỗi chiều thứ bảy, một thời chẵn lưới nuôi chim công, chim sít, bồ câu... Nay con công đã múa ở trên thiên đàn. Nhà kèn định phục hồi ban nhạc nhưng nhạc Rốc, nhạc Pốp... có xu hướng làm nhún nhẩy con người, nên nhạc kèn hành khúc không được ưa chuộng lắm.

Vườn Chí Linh có hai cây đa như hai dũng sĩ, và không hiểu sao lại lạc loài một cây bạch dương khổng lồ, bong vỏ, lá như bạch đàn, bên cạnh một cây mai vàng, mùa xuân hoa rực rỡ, rặng lựu đỏ hoa mùa hè, mấy cây bàng cổ thụ có cây bị trận rét cuối những năm tám mươi đánh gục...

Vườn hoa Hàng Đậu, tên chính thức là Vạn Xuân, là một hình chữ nhật, có bể nước vòi phun, nhưng luôn là cái tổ cho “rắn ráo” ở. Tết, chợ hoa Hàng Lược tràn sang đây như cái cốc nhỏ mà bia rượu lại nhiều nên nó phải lênh láng một cách đương nhiên. Lại một điều, có một quây đánh bạc núp dưới cái danh “trò chơi có thưởng”, mà không ai nghĩ đến chuyện dẹp bỏ nó.

Còn một vườn hoa duy nhất có bức tượng đồng bán thân, trong Hà Nội. Đó là vườn Pasteur. Không phải bức tượng bị bỏ sót, mà chính bởi ông thầy thuốc này là một bác học, một danh nhân của toàn nhân loại. Chúng ta tôn kính và biết ơn ông, không phải ông là một người Pháp thực dân, mà vì ông đã có công trình tìm ra vi trùng, vi khuẩn, tìm ra bệnh dại cứu được không biết bao nhiêu vạn người. Bức tượng đồng đứng giữa hai hàng cây cọ dầu như hàng quân danh dự mặc áo xanh, chơi điệu nhạc gió trời để chào mừng ông. Ông đứng đây, vì ông đúng là

một Con Người, chữ viết hoa, khắc sâu trong lòng toàn thể loài người.

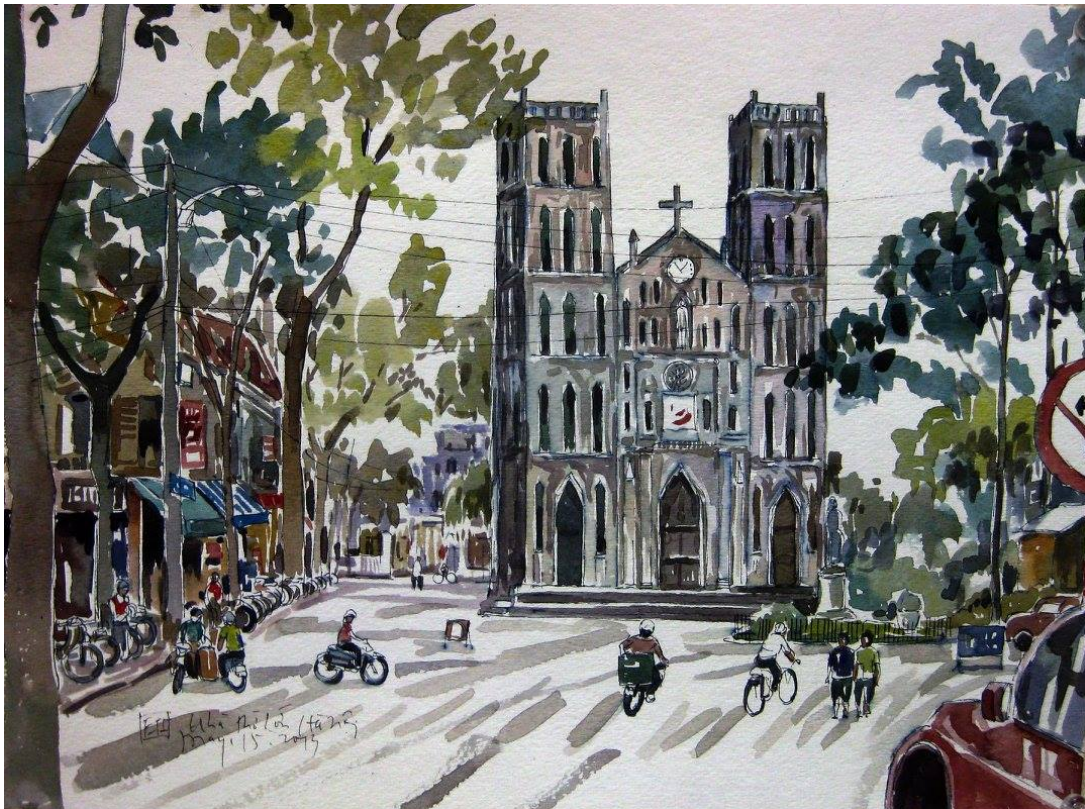
Trước Phủ Bắc Bộ, nay là Nhà khách Chính phủ, có một vườn hoa xinh xắn: Diên Hồng, nhưng người Hà Nội gọi thâm mật là vườn hoa Con Cóc. Nhỏ mà đẹp, vườn hoa này như có cái duyên thầm, giữa tấp nập vẫn giữ được vẻ thanh lịch; khi bốn con cóc phun lên những tia nước như đài hoa đơm sắc cầu vồng. Hàng sáu cổ thụ mà không già vẫn rắc những hạt hoa màu trắng mỗi khi hè sang, như mừng khách năm châu bốn biển, mời các vị bước lên thắm hoa mà đến với đất nước này trong hương thơm rất nhẹ của thứ quả đầy Hà Nội. Khóm tre đàng ngà, mấy cây bằng lăng nước tím màu mùa hạ cũng từng bừng, trừ khi hơi khói hơi xăng của khách sạn gần đấy thổi ra.

Có ba vườn hoa nhỏ đã rời Hà Nội vào cõi vĩnh hằng như đời con người. Vườn Bách Việt (Cửa Nam) có cây mận nở hoa trắng ngần mùa đông mà nhà thơ Ngô Quân Miện rất thích, thường rủ bạn từ tòa báo Độc Lập gần đấy ra ngắm say sưa, cùng với cây dong riềng hoa đỏ bốn mùa... Nay là nút giao thông rồi. Vườn Bình Than, thường gọi là vườn hoa chéo Lê Quý Đôn cũng đã từng sừng sững một nhà biến thế điện. Vườn hoa không tên chỗ Đường Thành gần Cửa Đông, từng biến thành quầy bán bia hơi nhếch nhác, nay lại thành quán chợ. Vườn hoa có lẽ không cần thiết chăng? Bia cần hơn, chợ cần hơn chăng? Đã ít mà còn mất dần đi như mấy vườn hoa ấy thì quả là buồn, là nỗi nhớ, là trang kí ức khó phai mờ của nhiều thế hệ người Hà Nội, thành phố còn bảo lưu được bao êm ả.

Hai vườn hoa khác mới đang hình thành và sắp hình thành, hi vọng chúng góp tiếng nói xanh, hơi thở xanh cho Hà Nội, đó là vườn hoa Thanh Nhân và vườn hoa Đống Đa.

Hồ Tây bát ngát trên năm trăm công mẫu, đầy sương mờ mịt. Nhưng vườn hoa Tây Hồ chỉ nhỏ bé trong mấy bước chân. Cũng có một khung nước xi măng nho nhỏ, mà cái vòi phun han gỉ quanh năm. Vườn hoa đầy trắng gió của Hồ Tây sẽ cho một phần, nằm cạnh phố ngấn vào loại thứ hai thành phố: phố Mai Xuân Thưởng, mà một thời các học sinh trường Bưởi phải qua đây, bóng cây rập rờn trên vai áo the thâm dài, áo trắng của trường Bảo Hộ, phố Thụy Khuê....

Trông sang bên kia đường, là vườn hoa Lý Tự Trọng, người anh hùng cách mạng trẻ tuổi. Tượng anh đứng giữa những lùm nhãn đã xum xuê màu xanh lá, cát mịn mặt vườn, các hiệu ảnh tha hồ mà đón khách du ngoạn nơi đền Quán Thánh tịch mịch dưới những hàng muôm mấy trăm năm, tỏa cái âm u lên nóc đền có pho tượng đồng hơn 4 tấn và pho tượng ông Trùm Trọng bằng đá xanh, người nghệ sĩ đúc đồng như vẫn còn đang suy nghĩ về những ngọn lửa lò trong bài phú Tây Hồ...



Cạnh Nhà hát Lớn, có một vườn hoa nhỏ, ít đặc sắc. Đây nguyên là cửa ô Tây Long (hay Tây Luông), chiến trận đã xảy ra, quân Vua Quang Trung cũng từ đây rút về Quy Nhơn... khi chưa có Nhà hát Lớn... Thời chống Mỹ, đây có quần bán bia theo kiểu “chuồng cạp”, nhiều văn nghệ sĩ cũng đã nghiêng ngả men say. Vườn hoa Cổ Tân khiêm tốn, ai đó tạm dừng chân để vào Bảo tàng Cách mạng, hẳn cũng chỉ là giây lát.

Trở lại phố Cột Cờ, vườn hoa Chi Lăng mà dân Hà Nội trước đây thường gọi là vườn Canh Nông, bởi có nhóm tượng mấy người lính Tây giương súng bắn, cạnh đấy là tứ dân: sĩ, nông, công, thương và một nông dân dắt con trâu như sắp vào buổi cày. Nay vườn hoa có tượng Lê Nin cao trên năm thước tây, trên bệ đá hoa cương hơn hai thước. Cũng lạ, vườn Thống Nhất được đổi tên thành vườn Lê Nin thì không có tượng Lê Nin. Còn tượng Lê Nin thì lại ở vườn hoa Chi Lăng. Đây là một vườn hoa rộng, có một rặng đa già, những cây côm nguội nhuộm lá mình một màu sắc xanh non, phía sau là mấy cây đề mọc lẫn với dừa dầu...

Hà Nội còn có một số vườn hoa nhỏ có tên hoặc không tên: vườn Tao Đàn ở trước cửa trường Đại học Tổng hợp; vườn Mê Linh nằm ngay đằng sau Nhà tù Hỏa Lò, vườn trong tòa án, vườn trong thư viện Trung ương v.v...

Phải một chiều nắng gắt, người đắm mồ hôi trong cái nắng tầm tã mà được ngồi xuống chiếc ghế đá giữa công viên, tràn ngập cây xanh, giữa những làn gió xanh, khiến trời xanh như cũng hóa dịu dàng... gió cứ lùa đầy lồng ngực làm cánh áo như mảnh buồm con no gió... và mắt ta soi vào gương nước xanh trong, lặn tẩn áng mây lơ lửng... ta mới thấy được những gì quý giá của vườn hoa mang lại.

Hà Nội nhiều cây xanh, nhưng chia cho đầu người thì bình quân còn rất thấp, thua xa nhiều thành phố lớn trên thế giới. Vì vậy, một vườn hoa nhỏ, một công viên lớn, và chỉ một gốc cây xanh thôi, cũng đã là rất đáng quý, đáng yêu, đáng giữ. Bốn mùa thay đổi, lá xanh thay nhau, hoa vàng, hoa tím, hoa đỏ chuyển màu... vườn hoa cho con người hết cả đời mình. Đó cũng là tình yêu, là sự dâng hiến trọn vẹn cho người yêu dấu?

Ít ai lại không có một kỉ niệm thân thương nào đó một thời về một vườn hoa nào đó. Không hiểu nghĩ thế có đúng không?

5/1995

Hồ nước oan khiên

Một công trình kiến trúc, một khu vực thiêng liêng, thường có một gương nước kèm theo, sẽ được tôn lên nhiều lần. Cửa đình, trước chùa, bên lăng miếu, một khuôn viên v.v... xưa nay là thế, đã thành quen thuộc.

May mắn sao, Hà Nội là thành phố có nhiều gương hồ như thế.

Lòng đang đầy lo toan, người đầy bứt rứt... được dừng lại giây lát bên hồ, gió trời làm chiếc quạt ân tình, mây lãng đãng dưới lòng nước sâu cho ta thanh thản, mặt hồ thành tấm gương cho ta soi vào đấy mà tẩy rửa ưu tư, thiên nhiên trở nên hào phóng trước nhỏ bé lòng ta...

Hắn cái vùng trũng Long Đỗ, Đại La, trước khi Lí Công Uẩn rời đô từ Hoa Lư chật hẹp về đây, những mặt hồ long lanh ánh nước, lan tỏa mặt trời giữa vùng bao la bát ngát... đã làm rung động tâm hồn ông vua sáng suốt ấy, nên mới xảy ra quyết định lịch sử cho nghìn đời.

Nghìn năm đã qua đi. Chúng ta thử hỏi với nhau xem đã sử dụng, bảo tồn di sản cha ông để lại như thế nào?

Hãy chỉ nói vài ba gương hồ của trái tim đất nước.

Đoái Hồ, Dâm Đàm, Lãng Bạc, Tây Hồ và nay là Hồ Tây đang bị coi là trọng tội thì mỗi ngày ngày bị đóng cọc vào lòng hồ, cọc tre, cọc gỗ, cọc sắt, xuyên xuống đáy nhức nhối và hẹp dần, co lại như tấm da lừa. Nếu không được cứu, được giải oan thì chẳng bao lâu, miếng da lừa này mất hẳn, Hà Nội có còn không?

Bên cạnh con tàu xanh không bao giờ đắm có tên là Cổ Ngư, là đường Thanh Niên, mùa đông xao xác gió trắng, rung rinh quả xoan tây đen huyền, mùa hè rực rỡ một trời phượng đỏ và hoa ban tím... là Hồ Trúc Bạch, nơi xóm xưa cung nữ dệt lụa trắng những ngày tàn, nay cũng đang gặp nguy cơ. Không ai còn nhìn thấy đâu là gò Mỏ Phượng. Nó đã bị chìm lấp vào đáy lều, vào nền nhà nham nhở, và xung quanh là rác rưởi, là đất gạch phế thải, ngày mỗi dềnh lên thay cho bờ nước. Phía bên kia, những tấm biển quảng cáo đầy chữ Tây chữ Mỹ, tưởng như đây là một khu ngoại ô của một nước xa lắc nào. Hồ Trúc Bạch đã bị ô nhiễm nặng. Một thời, than và nước thải của nhà máy điện Yên Phụ thải ra làm chết cá, lúc nào mặt hồ cũng bốc mùi (chứ không phải sương đâu). Nay, là nước thải của mấy mặt phố xinh quanh: Châu Long, Ngũ Xã, Trúc Lạc... Ngay giữa lòng Cổ Ngư cái lô cốt bằng xi măng, tường cao từng khối, không những che chắn tầm nhìn, khuất gió bay, mà còn thải những vỏ ốc, vỏ bia xuống lòng hồ. Chúng ta có đói khát đến thế, nghèo đến thế, đến nỗi phải xây cái quán ăn đồ sộ như thế ở đây để lấy chút lãi cho Nhà nước?

Có khi là ở đây chỉ cần vài cái dù che, mấy rặng cỏ hương và màu, những chiếc ghế đá cho người nghỉ chân... để ai đó nghìn

trùng về thăm đất nước, người nào hành hương tới Thủ đô, được thấy đất trời hào phóng những cây xanh, gió no cho thích xin mời đến những phố đầy hàng ăn uống khác. Chùa Trần Quốc bên cạnh kia, nhất định không vui gì chấp nhận những khuôn mặt đỏ gay bia rượu, những cái miệng sặc sụa mùi mắm muối vào đây dâng lễ. Kẻ phá đền Cầu Nhi làm quán uống bia sao không bị trừng trị?

Vòng về Văn Miếu - Quốc Tử Giám, công trình không nguy nga nhưng đồ sộ, không vàng son vẫn đầy chất lịch sử văn hiến... tượng trưng cho cả một nền học thuật nghìn xưa. Theo quan niệm kiến trúc cũ, trước mặt ngôi trường Đại học đầu tiên ấy, không thể thiếu một gương hồ. Đúng thế, Hồ Văn hay Văn Hồ đó. Có thể hình dung ra sau buổi bình giảng, giảng Thư, giảng Kinh, quan Tế tửu, quan Tư nghiệp cùng văn nhân danh sĩ, ông Cử, cụ Nghè ra đây thưởng trăng, nghiêng chén trà đậm, gió trời phóng khoáng... Vậy Văn Hồ đâu? Đó là một ao rau muống ngập cả bèo cùng rau rút, và cũng đã teo lại chỉ còn là cái vũng. Đảo giữa hồ um tùm hoang phế như mồ lạnh miền sơn cước. Trông sang cổng Tam quan, có cột trụ của Văn Miếu, chỉ còn thấy rào dây thép gai, cọc gỗ trong đó là những đồng cát, đồng sỏi, gạch để xây dựng hay để buôn bán, cạnh đó là hàng bán cây cảnh, đất cát bừa bãi, từng chõng chậu nghiêng ngả và kề bên là chái chất xơng chạm khảm với lều che mái chẵn... Văn Hồ đang bị tiêu diệt, Chẳng lẽ vì bận công kia việc nọ to tát nhường nào, chúng ta lãng quên, thậm chí tuyên án tử hình một con hồ đầy chứng tích của nền văn hóa và kiến trúc đáng kính trọng? Văn Hồ kêu cứu, nhưng hình như không ai nghe thấy.

Hồ Thuyền Quang, Hồ Hai Bà Trưng cũng đang lâm vào tình trạng lo ngại đến sờn lòng, gặp dịp Phật Đản hoặc tết ông Táo, người ta phóng sinh cá, xong, thả luôn cả túi chất dẻo xuống hồ,

có lúc túi trắng, túi xanh lấp hết mặt nước, cứ dập dềnh không biết trôi đi đâu, phải vài hôm mới chìm hết, mà ta biết rằng đây là loại cao phân tử độc, phải hàng nghìn năm nó mới tự phân hủy hết. Nguy cơ lắm chứ. Bỏ qua nhiều hồ nước khác đều chung số phận là cái hồ chứa nước thải ngày đêm, cứ dềnh lên ngập ngựa sau mỗi trận mưa. Trở lại khu hồ có tên Hồ Lục Thủy, Hồ Thuyền quân, Hồ Tả Vọng, Hữu Vọng, Hồ Hoàn Kiếm với nước xanh rờn, đầy cây xanh tỏa bóng, với Điều ngư đài, Cung Thụy Khánh, nay là Gò Rùa, Đền Ngọc Sơn, cùng đình Trấn Ba v.v... đã bị co hẹp lại nhiều, chứng cứ là chỗ bến xe điện, đã hóa thành bãi trông giữ xe ô tô với cái biển dùng tiếng nước ngoài, và sắc súa mùi ét xăng cùng Tây ba lô, quần cụt nhí nhố.

Nhà thơ Hy Lạp Lu-đê-mít (Ludemis) đã có bài thơ hay về Hà Nội, ví Hồ Gươm như một lẵng hoa tươi quý báu. Nay lẵng hoa tươi ấy đang bị bé lại, nếu không nói là có chút gì đó héo tàn đầy lo ngại, khi xung quanh, những căn nhà quá đồ sộ, quá cao, mọc lên, biến hồ thành một chiếc ao con lúc nào không biết, và đến lúc ấy thì... quá muộn, gió sẽ không nơi mà thổi, mây tìm đâu mà soi, hình ảnh rùa vàng và gươm thần sẽ tan vào đâu, vào bóng những ngôi nhà hay vào những bàn tiệc đầy rượu ngoại và phòng ngủ cho thuê...



Khoan nói đúng hay sai việc phải chi hàng tỉ đồng để nạo vét đáy hồ bằng cơ giới, thay nước hồ làm chết mất giống tảo lam, kè xi măng làm mất chỗ cho rùa lên phơi nắng hoặc truyền lại giống nòi... những cái đó, các nhà khoa học sẽ có ý kiến phản xử. Chỉ nói đến những ngôi nhà đầy treu người, như chọc tức mắt người, bởi còn nhớ, khi ngôi nhà ộp đá trắng kia đang xây dở, báo chí lên tiếng dừng xây quá cao, thì lập tức sau đó, nó có chiều cao làm các nhà báo và người dân Hà Nội phải ngờ ngàng. Một sự trả đũa dư luận chẳng? Cho đến nay, có người gọi ngôi nhà có hai hàng kẻ thẳng đứng ấy là cái máy chém. Mới gần đây, một ngôi nhà đồ sộ nữa những khung nhôm, kính tím lại tiếp tục theo gương anh nó, mọc lên, án ngữ cả nột ngã ba, ngã tư trước đây thông thoáng. Khu có tượng vua Lê nhiều năm nay chính ngành Văn hóa đáng lẽ có nhiệm vụ bảo vệ, tôn tạo, thì lại chính mình bao vây, bỏ mặc cho hoang tàn, đặt xưởng mộc, xây sân khấu, để cho thợ xây phơi cả quần áo lên bia tường niệm Nguyễn Du và cột tượng vua Lê. Nay, về căn bản, có

cổng, có tường, nhưng vẫn đang chìm trong tịch mịch, không ai được vào thăm vì có cái khóa to tướng. Không những thế, người ta còn có dự án xây ở chỗ này những công trình cao 16 mét để làm dịch vụ du lịch, nói cách khác là để hầu hạ người có tiền và khách nước ngoài, với hàng ăn quán nhậu thế nào thì có... trời mà hiểu. Nếu không tỉnh ngộ, thì tượng vua Lê chỉ cao chưa đầy chục mét sẽ chìm khuất vào nhà tắm, tường sau cùng “toa lét” của những ngôi nhà cao tầng ấy, và Hồ Gươm thành ao bé tẻo teo thực sự.

Nhà Thủy Tạ đã lên tầng hai, với mái xanh mái đỏ, dùng làm quán bia và ăn uống khác với cái tên mỹ miều “Đình làng restaurant”, nhưng xem ra chẳng có chút gì là ngôi đình quê hương mà chỉ che chắn không cho ai nhìn thấy Hồ Gươm.

Người Hà Nội hôm nay đang sống khá chật chội. Bình quân diện tích đầu người mới vài ba mét, nên chiến tranh nhà đất đang nổ ra khốc liệt. Cây xanh tuy nhiều nhưng cũng mới chỉ vài mét vuông cho mỗi người dân... thì những gương hồ, mặt nước, những tán cây xanh càng cần thiết biết bao cho môi trường sống của con người, chưa nói là Thủ đô.

Chúng ta đang và đã sử dụng những di sản, tài sản quý báu của cha ông nghìn đời để lại như thế nào? Tự hỏi những ai cũng thầm thấy câu trả lời.

Có lẽ chỉ gõ lên một tiếng chuông là chưa đủ. Cần những hồi trống ngũ liên cấp báo chẳng? Những gì là văn hóa còn sót lại là thiêng liêng trong lòng người dân, trong lòng dân tộc. Sẽ là có tội với người xưa và cả người sau, nếu hôm nay chúng ta không chú ý giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc và những di sản, tài sản văn hóa ấy. Hơn bảy mươi triệu người Việt Nam đang trông chờ.

Tháng 5/1996

Trắng muốt hoa sữa

Có nhiều thứ hoa để tỏ tình. Nào tha thiết đắm say hồng nhung. Nào nhớ nhung vời vợi Pensée. Nào tấm lòng quân tử cúc vàng, cúc trắng. Có lẽ đã có một đồng cảm dâng đầy không gian khiến đất phải mượn hoa gửi tình cho tươi, hoặc trời nhờ hoa trao say cho đất.

Hà Nội có những ngày như thế. Hình như đêm qua vừa có một chàng lực sĩ Bắc cực đã cưỡi con tuấn lộc phi qua rừng già và biển thẳm về đây, chở cây còn nguyên cả tuyết phủ trên cành để tặng mộ ai đó tình nhân mơ ngủ, rồi chàng vội vã ra đi, chỉ người được nhận hoa mới biết người yêu ấy đã về lúc nửa đêm.

Mà cũng có thể, cái Tết đã đi qua nhưng còn luyến tiếc hơi người ấm áp mùi da thịt nên còn gửi lại niềm trinh bạch trong ngần vào hoa lê, hoa lí chưa thỏa nên rung rinh cành trắng cho thỏa si mê?

Mà cũng có thể những vòm sao nấu mình trong bát ngát vì chưa có hoa gạo dất lối, đóm đóm đưa đường nên mượn loài hoa trắng “tuyết phau ngàn giá” thay cho ánh mắt trao duyên để phồn hoa đô hội đừng quên phút giây thanh thản hồn hòa vào nhau đắm đuối?

Hay cũng có thể... Nhưng ta mê đi rồi trong niềm hoan lạc và ngỡ ngàng, trong cái ngơ ngác của kẻ si tình thoáng bóng cố nhân vừa xuất hiện sau trùng trùng xa cách mà hương còn vương vất một loài thơm trong nhớ, khiến ta càng đòi đoạn nhớ nhưng phải theo bằng được.

Cây sữa đấy. Cây sữa hoàn toàn không phải là cây sữa đã bẽ bàng mưa ẩm. Cây sữa im lặng khuất chìm vào bao màu khác,

bây giờ mới rủ biếc tỉnh cô miên, bùng dậy một vòm hoa, một trời hoa, trắng ngần trắng muốt, tinh khiết, nguyên sơ như tâm hồn nàng gái ta yêu mà lỡ làng ngay từ thời vụng dại tuổi rằm. Ta chẳng biết ngoài cái tên sữa người ta say sữa, thì nó còn có tên gì khác. Và ta tự bịa ra, nghĩ ra một cái tên cho là thích hợp: Hoa tuyết ngần.

Trên cái phố cổ của Hà Nội ngàn năm rộn ràng từ tinh mơ đến khuya đêm đèn rực, nơi có hàng triệu đôi giày dép, hàng vạn trai thanh, gái lịch mãi mê chọn kiểu, ướm chân, vén cái gấu váy lộ ra bắp chuối non, đôi bít tất mỗi ngày thay hai lần, rồi hỏi giá, trả tiền cho yếu điệu dáng đi, cho quay cuồng bước nhảy... thì trên cao kia, trên những cành cây tưởng chết héo lụi khô, phố Hàng Dầu ấy, đã sáng rực một trời những hồn hoa phách nụ, trong ngần, thanh sạch, tuyết băng, thứ hoa sữa (xin nhắc lại, đừng lầm với hoa sữa) của kinh thành xưa cũ Thăng Long góp mình vào Đông Liễu, Tây Hòe còn phơ phất sót lại hai con đường như câu thơ Đường trong bức tranh tư pháp: Liễu Giai và Hòe Nhài.

Sữa ơi, sức mạnh nào cho cây tự biến mình từ khẳng khiu, khô nỏ, vụng dại, mạnh hơn cả nàng áo trắng tà bay của hào hoa Hà Nội bên hồ lồng gió?



Hoa sữa trắng rợn người, trắng nổi da gà hồi hộp khiến ta tạm quên những ồn ào tiền bạc ở mặt đường kia mà tự nhẹ bẫng mình bay lên, tự lan truyền thân ta từ cảnh la lên cảnh bổng, hồn ta tan nhập vào hồn hoa kinh dị. Không ai được thấy hương thơm của loài hoa tuyết ngàn ấy. Hình như nó bảo rằng chỉ nguyên màu trắng cũng đủ hút lấy não tủy chàng thư sinh đa tình trong đêm Liêu Trai, nên nếu có thêm hương nữa thì trái đất nghiêng ngả mất thôi. Nó cũng không có nhiều trên đường phố chen vai xe cộ. Trên ngọn gò xinh xinh vườn Bách Thảo, xưa kia nó um tùm nên gò có tên Sữa Sơn tức cái núi mọc nhiều cây sữa, chứ chẳng phải núi Nùng, càng không là núi Khán (Núi Nùng ở tí trong “thành”, núi Khán ở gần Lăng Bác, đã thành thiên cổ mịt mù từ lâu).

Nay cây sữa nhiều nhất ở phố Hàng Dầu, nằm lẫn vào khu phố cổ Hàng Thùng, Hàng Sũ, Cầu Gỗ, Hàng Bè nhiều cây dâu

da, và Bà Kiệu có bóng da rộp mát, có tượng đài “Quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh”.

Ngoài phố Hàng Dầu, nó có mặt bên Hồ Gươm, xế cửa Nhà Đèn nay gọi là Sở Điện lực, bên cạnh gốc sung già, hàng xóm với bãi vòng. Mấy cây này tuy nhỏ bé nhưng chắc số phận long lanh hơn, được vào mắt người nhiều hơn, hơn cả những cây trên đường phố Phan Chu Trinh, hoặc trên đường Hoàng Hoa Thám cạnh vườn Bách Thảo cũ. Nhiều người đang thực hiện câu “Thì giờ là vàng bạc” theo nghĩa đen, ai lơ mơ, ai chờ đợi nó, ai xuýt xoa gặp lại, ai tần ngần như không nỡ chia tay với màu tuyết phủ... và ai nữa bùi ngùi khi hoa sữa rụng trắng mặt đường tũn phận dưới bánh xe qua?

Hà Nội dưới con mắt du khách là thành phố xinh xắn, trữ tình, êm đềm, bình lặng. Dưới con mắt người làm ăn thì Hà Nội quá chật chội và thấp bé; cần vươn ra xa, cần đứng tốt sổ sàng với chiều cao liên doanh, cần to bụng chứ không cần đẹp mắt... Hoa sữa ời, có tũn một kiếp nữ trinh thiêng quý? Nhưng dưới con mắt những người yêu Hà Nội thì Hà Nội vẫn oai hùng lịch sử ngàn năm và ngàn năm thanh lịch, mà hồn hoa sữa kia là di ảnh sót lại, lẩn khuất nỗi niềm nhắc ta suy ngẫm và giữ gìn bản sắc riêng ta, như không thể ăn xôi vò, chè đường với pho mát, không thể hầm cá rô bằng bơ, dù là hảo hạng.

Mỗi mùa xuân, nhiều cây non được trồng thêm đã thấy những cây sữa tuổi thiếu niên đứng vào hàng bên vỉa hè đây đó. May lắm. Chúng ta góp mặt với Hà Nội từng bừng tùy theo bước đi của ngày, của tháng, mà mở đầu trong tháng giữa xuân, lúc giao mùa, lúc ta để đầu trần đi trong mưa không ướt, đi trong nắng không bỏng... là trắng muốt hoa sữa, ta gọi là hoa tuyết ngàn, rồi sẽ đến lượt hoa vòng đầm thắm, hoa gạo hồng đào, hoa phượng rực rỡ, hoa bằng lăng nước tím say, cả hoa vàng anh, hoa lộc vừng, hoa dạ hương, hoa sữa ngát đêm thu...

cho lung linh thêm một cổng thành Cửa Bắc, cổ kính hơn một Ô Quan Chưởng, trầm tư hơn một tháp Hòa Phong, tịch liêu nữa một Quán Thánh...



Hoa sữa có lẽ xưa là hồn một nàng gái kết tinh thành bạch ngọc, thành tuyết bay, thành mối tình u ẩn không thể giải bày, nên cuối xuân là tha thiết nhớ tình lang, chàng Thăng Long Hà Nội, nên hiện ra thoáng mơ hồ ít ngày ngắn ngủi rồi lại bay về hư ảo, nói những lời im, bay tà áo mỏng rợn rùng, tung tóe vào trời mưa phấn, phô cái gáy nõn nà ngó cần phơ phất sợi ma huyền hoặc... để ngơ ngẩn những ai Hà Nội tình si, bứt rứt một kiếp người tình ái.

Nhiều người ngợi ca hoa sữa đêm thu, còn hoa sữa, chút hồn trinh bạch vẫn còn bị phủ phàng quên lãng, thờ ơ, vô tình, bị lẫn và bụi đời ô nhiễm. Nhưng hoa sữa vẫn bao dung độ lượng

chẳng hờn ghen, mùa tiếp mùa cứ về trắng ngát một góc Hà Nội như lời hẹn ước đắm say không gì bôi xóa được.

1997

Tượng đài dựng ở đâu

Hà Nội nay đang còn thiếu nhiều tượng đài rất cần cho bộ mặt một Thủ đô nghìn năm văn hiến, hơn nữa tượng đài cũng sẽ góp phần nâng cao trình độ hiểu biết về địa lí, lịch sử, danh nhân từ ngàn xưa để lại, nâng cao lòng yêu nước và tự hào về Đất nước, về Thủ đô, từng được thế giới ca ngợi là Thủ đô của phẩm giá con người.

Báo Thể thao Văn Hóa Hà Nội số 28 ngày 8 tháng 6 năm 1998 đưa tin thành phố đang mở cuộc thi các mẫu tượng đài và đang cân nhắc các nơi đặt các tượng đài ấy. Đó là một tin mừng cho Hà Nội, chứng tỏ lãnh đạo thành phố đã nhìn về tương lai, có thể thỏa mãn ao ước của người Hà Nội từ bao năm nay, tạo ra nét mới trong lòng dân cả nước và du khách muôn phương khi về thăm Hà Nội.

Trước đây ít tuần lễ, báo chí cũng đã nêu vấn đề này như một gợi ý ngay từ khi cái mầm cây mới chừa mình thoát ra khỏi vỏ, để cái cây sẽ được trồng là cây gì ở đâu, tránh một sự đã rồi đáng tiếc như cây hoa gạo cửa đền Ngọc Sơn, khi báo chí lên tiếng thì nó đã chết hẳn, chỉ còn cách chặt đi mà không thể cứu được nữa (cây gạo ấy bị hạ ngày 8/6/1998), hoặc tượng đài chiến thắng Ngọc Hồi chỉ còn chìm khuất trong lau cỏ bên đường sắt xuôi Nam, hoặc tượng đài vua Quang Trung cũng vì không cân nhắc nơi đặt nên đã chìm khuất vào sau gò Đống Đa, lặng im với tịch mịch thời gian và không gian, người đi qua gò Đống Đa mà không rẽ vào chiêm ngưỡng.

Sự cân nhắc dựng tượng đài biểu tượng điều gì, tượng nhân vật nào và sẽ đặt ở đâu, quả là một khó khăn, bởi nhiều lí do xã hội, chính trị, văn hóa...

Thật đáng tiếc chúng ta phá bỏ tấm bia nói về nhân vật Alexandre de Rhodes ở vườn hoa đền Bà Kiệu, một nhân vật tuy là người nước ngoài nhưng lại có công rất lớn với nền văn hóa Việt Nam, người phát minh ra chữ quốc ngữ cho dân tộc ta ngày nay, một thứ chữ dễ đọc, không như chữ Hán, chữ Nôm học mười năm chưa dễ đã thông. Tấm bia này cần sớm được dựng lại tại Hà Nội. Cũng may, khi Thị trưởng Hà Nội năm 1945 ông Trần Văn Lai cho phá bỏ các tượng đài do thực dân dựng lên, để xóa đi một thời nô lệ, ông vẫn cho giữ lại pho tượng nhà bác học Pasteur, con người, dù là người Pháp, nhưng có công với toàn nhân loại, trong đó có chúng ta.

Với nhãn quang nhìn sâu và nhìn xa của lãnh đạo thành phố, đương nhiên có sự chỉ đạo của Trung ương, cộng thêm sự uyên bác của nhiều chuyên gia về Hà Nội, công việc chọn và tìm nơi dựng các tượng đài sẽ được cân nhắc kĩ lưỡng, tránh được vết xe đổ một thời ấu trĩ hoặc duy ý chí.

Chuẩn bị 1000 năm Thăng Long, phải có biểu tượng Thăng Long, phải dựng tượng Lý Công Uẩn, là rất phải lẽ, nhưng nước ta cũng còn rất nhiều danh tướng, danh nhân, như Hai Bà Trưng, Trần Hưng Đạo, Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, có thể tính đến hàng trăm nhân vật, việc chọn ai và kích cỡ thế nào cho thỏa đáng, là vấn đề không thể không cân trọng. Đương nhiên, rất nhiều nhân vật chúng ta không có chân dung chính xác, mà chỉ bằng vào tấm lòng của người nay mà tưởng tượng, bằng vài tài năng của các nhà điêu khắc, bằng vào sự thẩm duyệt của người có trách nhiệm... nhưng tượng đài không như một cái cây hoa, một tấm biển, mà nó phải được trường tồn, vượt thời gian, lưu lại cho nhiều đời sau chiêm ngưỡng.

Về không gian càng cần có sự cân trọng hơn. Nghe nói đang cân nhắc nơi đặt tượng Bác Hồ, hoặc tượng Thăng Long là con rồng và tượng Lý Công Uẩn đặt trong khu thành nội, gần điện Kính Thiên xưa v.v... Chúng ta biết khu quân đội hiện nay rất “kín cổng cao tường”, chắc dăm ba chục năm cũng chưa thể thay đổi nhanh chóng, để đông đúc nhân dân và du khách vào đây tự do như khu phố cổ. Vậy có nên đặt tượng đài nơi ấy, nơi chỉ có gió trăng qua lại, như tượng Quang Trung hiện nay?

Ở vườn hoa Chi Lăng đang còn một nhà bia để hoang phế, cái nhà bia giống hệt cái cũ ở vườn hoa đền Bà Kiệu trước đây, từ khi vườn hoa này đặt tượng Lê Nin thì hình như càng hoang phế hơn. Có nhiều ý kiến tán thành nên chuyển tượng Lê Nin về vườn hoa Lê Nin, và sửa sang lại nhà bia này. Nơi đây nên chăng đặt tượng Chủ tịch Hồ Chí Minh, hay tượng Hoàng Diệu, người đã chết cho Thăng Long, Hà Nội và cái Võ Miếu nơi ông tự tận cũng gần khu vực này, với Cửa Bắc, Cột Cờ?

Chúng ta còn có nhiều địa điểm khá đẹp để đặt tượng đài, hình như những nơi ấy sinh ra để chờ có một tượng đài đặt vào. Ngã ba Cầu Chui, ngã ba đường cao tốc Thăng Long - Cầu Giấy, nhất là xung quanh Hồ Gươm, từ vườn Chí Linh đến quảng trường Đông Kinh Nghĩa Thục (chỗ đài phun nước), ngã tư Tràng Tiền - Hàng Khay (Quán Hoa ngày trước), hoặc vườn hoa Cửa Nam, tuy đã thu nhỏ nhưng lưu lượng người qua lại thì “rất Hà Nội”.

Ngã tư Đại Cồ Việt - Kim Liên, cửa ô Đồng Lâm xưa cũng là nơi đáng đặt một tượng đài. Quảng trường Nhà hát Lớn nữa...?

Dựng tượng đài là dựng cái đẹp, dựng lịch sử và văn hóa, mà các yếu tố này phải được nhiều người biết đến hàng ngày, chứ nếu “áo gấm đi đêm”, “mờ mờ nhân ảnh” thì thật phí công, phí

của. Hẳn các nhà lãnh đạo, các chuyên gia không quên các vấn đề cốt tử ấy, và đã hoặc đang tìm nơi dựng tượng.

Cũng nghe nói khu nhà Thái học sau Văn Miếu sẽ được dựng lại. Mong sao công trình ở đây không là hộp vuông nhôm kính phá vỡ cảnh quan trang nghiêm và cổ kính của Văn Miếu. Và ở đây cũng có thể đặt một tượng đài, như Chu Văn An chẳng hạn.

Nói trước vấn đề này chẳng khác nào cầm đèn chạy trước xe lửa, nhưng có lẽ nó cũng là sự mong mỏi, niềm mơ ước của hàng triệu người, nói trước cũng không thừa, vì đã rút được kinh nghiệm mấy pho tượng đài đang có, ngày càng lộ ra những nhược điểm về địa điểm.

Hà Nội như chuyến xe đang lăn bánh đến ga 2000 và ga thiêng liêng hơn nhiều: Ga một nghìn tuổi của mình. Ngày ấy hẳn Hà Nội sẽ từng bừng không kể xiết, trong đó các tượng đài ở những nơi đáng có cũng góp phần không nhỏ.

Những bộ óc thông tuệ và những tài năng chắc đang căng ra để cho Hà Nội sẽ có những tượng đài ở những nơi xứng với nó, chắc sẽ không đến nỗi đi vào vết lồi lõm lầm trước làm cho tượng đài không có tác dụng giáo dục, không ai biết, khiến nó hầu như không tồn tại.

Người Hà Nội và hàng triệu tấm lòng khác đang khắc khoải đợi chờ sự cân nhắc kĩ càng trong một việc làm lớn rất đáng biểu dương của Hà Nội.

Tháng 6 / 1998

Đá xanh hè phố

Những con rùa đá đội bia trong Văn Miếu đã mấy trăm năm vẫn uy nghiêm vượt mưa nắng thời gian. Dân gian có câu nói về

sự thủy chung bền vững: “Bao giờ đá nát vàng phai...” có lẽ đá xanh và vàng ròng còn bền lâu hơn đời mỗi con người. Và nay đang có khuynh hướng dùng đá trong xây dựng, nào lát sàn, nào ốp tường, cũng hay.

Tiếc sao, Hà Nội có một thứ làm bằng đá xanh bền gan ấy lại đang bị dỡ đi, thay bằng một thứ khác chóng hỏng hơn, đâu dám kể trăm năm mà có khi chỉ dăm ba tháng, nói theo kiểu dân dã: “Ba bảy hai mốt ngày...”

Phải một đời lang thang trên đường gần bốn trăm phố phường Hà Nội, cho từng mái nhà từng khung tường, từng bóng cây, từng cột đèn, từng thước vỉa hè... nó thấm vào hồn, nó thành cái gì đó trong hồn mình, và có những đêm không ngủ, nó mới hiện ra như một cái bóng hồ nữ Liêu Trai, mới thấy Hà Nội của mình sao nhiều điều lạ và niềm yêu đến thế.

Tạm bằng lòng cách chia ra các phố làm ba loại: Phố cổ, phố cũ và phố mới ra đời vài ba chục năm nay. Khu phố cổ là những căn nhà xưa nhất có lẽ cũng chỉ khoảng 150 năm tuổi là cùng. Khu phố cũ thì mới có từ đầu thế kỉ này. Cùng có mặt với cả ba loại ấy là những vỉa hè, rộng hẹp tùy theo, cao thấp vô thường, lát gạch hay đất nện, trồng cỏ hay đổ xi măng... và có phố còn không có hè, chẳng có vỉa như: Phất Lộc, Hàng Chai, Yên Thái, Đông Thái...



Vĩa hè còn thênh thang như phố Ngô Quyền, mỗi bên trên 7m trẽ có thể dùng làm sân đá bóng, đá bay quả bóng vào gầm ô tô, đó là những vĩa hè của khu phố cũ như Trần Hưng Đạo, Lí Thường Kiệt, Lê Hồng Phong... Còn khu phố cổ vĩa hè có khi chỉ vài bước chân rồi mới bước một bậc xuống lòng đường như Hàng Buồm, Hàng Bè, Hàng Phèn... Chính những vĩa hè như thế góp sức làm ra khuôn mặt thành phố, gương mặt Hà Nội, nếu không có nó, mỗi phố sẽ là một đường làng, một ngõ xóm chẳng?



Để bó hè, để tạo ra một đường thẳng từ ngã tư này sang ngã tư kia, trơ gan cùng tuế nguyệt, nâng bàn chân trần, đỡ gót hài gót hán, mặc cho cái nóng giục đàn ve sầu than khóc, mặc cho những trận mưa tràn ngập bập bênh lá kim, lá sấu tả tơi, mặc cho những mùa mưa phùn ẩm ướt rêu xanh... những vỉa hè ấy được bó bằng những phiến, đúng hơn là những thỏi đá xanh, cứng như... đá, bền như... đá. Nhiều nhất có lẽ là vỉa hè những khu phố cũ, nó được sinh ra cùng với các biệt thự, các hàng rào có hoa leo cổng sắt, cùng với những muồng hoa vàng, sấu tròn tán, hoa sữa thơm thu, bằng lăng tím lạ. Nó là một nét của dựng xây hiện đại, mà vật liệu đá không bao giờ già. Đôi khi ta lơ đãng, bước thong dong, còn gặp một thớ đá ẩn mình mờ ảo, tựa tựa như trong cái tựa lưng bộ xa lông tàu mặt đá, đôi khi ta thấy nó bóng lộn như được lau, được mài chau chuốt... Trên đường phố Đinh Tiên Hoàng, phía bên có nhà, trên đường phố Tràng

Tiền, Hàng Bài... ta vẫn gặp những thỏi đá nằm nối nhau, im lặng để nói sâu về thời gian tồn tại của thành phố.

Tiếc sao, lâu nay, với mục đích sửa sang làm đẹp cho thành phố, không hiểu tại sao, người ta lại đục bỏ những phiến đá xanh trăm tuổi ấy đi, hình vẫn vuông vức, cạnh vẫn phẳng phiu, mà chắc chắn tươi màu... để thay bằng những thỏi xi măng đúc, mà chắc chắn rằng loại nhân tạo này không thể so được với thứ đá xanh triệu tuổi kia, nhỡn tiền là xe ô tô có lúc nhảy bổ lên hè, xe bình bịch bắc cầu chồm lên, đã phá vỡ những thỏi xi măng ấy khi chúng mới được vài tháng tuổi.

Hay đá đã lạc hậu. Có lẽ không phải. Chứng cứ là tháng 7 năm 1997, Nhà hát Lớn thành phố được sửa sang, phố Tràng Tiền được sửa sang theo, có những đoạn hè, đá xanh vẫn được dùng để bó hè như một tiêu chuẩn về mỹ thuật và kỹ thuật.

Via hè Hà Nội từng có nhiều loại. Phố ngang, phố nhỏ, chỉ là đất nện như phố Lê Văn Hưu, Ngô Thì Nhậm. Phố lát gạch lá dừa như Hàng Bài, Tràng Tiền. Phố lại được trồng một thảm cỏ xanh theo chiều dài con phố, có người trông nom quanh năm, tưới tắm, dọn rác, phát cỏ bằng lưỡi hái có cán dài, như Lý Thường Kiệt, Hai Bà Trưng. Phố khác lại có thứ gạch lát vuông đỏ bằng xi măng theo khuôn, có thể thêm vài hình cong lượn khác... như vỉa hè của Tháp Hà Nội, tên mới của khu vực Nhà tù Hỏa Lò mới xây cao...

Đương nhiên lát gạch là tiến bộ hơn để đất, nhưng phá hết những thảm cỏ xanh đi, thay bằng gạch với lý do không có kinh phí cho việc trông nom, thì cũng hơi buồn. Nhất là mấy chục năm trước đây, đường Bồ Hồ vẫn được chừa ra một khoảng đất để trồng hoa quanh năm, chiều ngang hơn một mét, chiều dài suốt từ tháp Hòa Phong lên đến quá cửa đền Ngọc Sơn, hoa theo mùa mà nở: Cúc vàng, cúc trắng, thược dược, béc giê, vạn

thọ... Một hai năm gần đây có những chậu hoa đặt trong khung gỗ vuông lưu động cho đỡ phần khô cứng của xi măng, cũng là một cố gắng của Công ty Cây Xanh và an ủi một phần cho người Hà Nội (nhân nói thêm, gửi một lời kêu cứu: Cây gạo cổ thụ mấy trăm năm ở cổng đền Ngọc Sơn đang có nguy cơ bị chết khô, cần có biện pháp để cứu lấy nó, may ra còn kịp).

Cùng với vỉa hè được bó bằng đá xanh - cũng không biết những thỏi đá xanh này được đẽo gọt từ rặng núi nào trên mặt đất nước ta mang về đây - người Hà Nội còn gặp những khoảng mặt đường rộng chừng mười thước vuông, lát đá miếng, mỗi miếng đá chôn chìm xuống đường nhựa. Đó là những chỗ có họng nước cho xe cứu hỏa, xe tưới đường, Nước chảy đá mòn, nhưng dù sao nó cũng mòn chậm hơn là xi măng hoặc nhựa đường, và những khoang đá ấy cũng bóng lộn, xanh biếc, bền bỉ giúp cho anh lính cứu hỏa, anh thợ lái xe rửa đường mà thời ấy chưa có công ty kinh doanh nước sạch, chưa cần tuyên truyền, quay xỏ sổ về nước sạch mà vẫn không thiếu.

Nay những “họng” nước ấy đã thành người thiên cổ. Thảm đá xanh lẫn vào nhựa đường, lở lói, phai mờ và mất hút trong quên lãng.

Trở lại những thỏi đá xanh có triệu tuổi kia, nó bị đào lên, không hiểu nó sẽ còn làm được việc gì, nằm lẫn lóc ở một chỗ nào nơi ngoại ô hay bãi rác? Có ai thương xót nó, sức còn nhưng bị loại bỏ, vẫn đẹp mà chịu đào thải?

Bốn trăm phố Hà Nội ngày nay, chỗ nào còn đôi ba vỉa hè bó đá, chỗ nào chỉ toàn xi măng, thậm chí phố nào không có một bước vỉa hè, và ai chú ý, ai lướt qua, ai vô tình... Hà Nội đang trên đà mở rộng, nói theo thời thượng là quy hoạch, sẽ ra sao khi chỉ ít năm nữa là tuổi một nghìn chưa thể sánh được với đá bền vững...

Phủ Tây Hồ

Việt Nam có bốn vị thánh được dân gian phong tặng là tứ bất tử: Phù Đổng Thiên Vương, Tản Viên Sơn Thần, Chử Đồng Tử và Bà Đức Mẫu, Đệ nhất Thiên Tiên... được thờ khắp từ Bắc đến Nam với mấy trăm đền phủ, mà sùng kính nhất là ở phủ Giày nơi sinh Bà và phủ Tây Hồ - Hà Nội nơi Bà hóa. Từ đền Sòng phố Cát, vượt Đèo Ngang vào Quảng Nam, Nha Trang, Bình Định, nơi nào cũng có phủ thờ Bà. Tục thờ Mẫu đã phổ biến, thành một tín ngưỡng dân gian, đã vượt ra ngoài phạm vi thờ một nàng tiên trên thượng giới, bị Ngọc Hoàng đẩy xuống trần gian, đã từng lấy chồng, sinh con, đánh tan quân giặc ác, hai lần đầu thai kiếp người, sau cùng quy y nơi cửa Phật, thành người Mẹ, Mẫu nghi thiên hạ, chỉ đứng sau Mẹ Việt Nam đầu tiên: Âu Cơ.

Hà Nội là một trong mấy nơi có phủ thờ to nhất. Nhìn trên bản đồ, Hồ Tây có hình giống như chiếc còng cua. Nơi bán đảo nhô ra mặt nước, mồm xa nhất, đẹp nhất, quanh năm dập dềnh sóng nước, êm ả mây trời, bảng lảng sương lam, chính là phủ Tây Hồ thờ Mẫu Liễu Hạnh.

Tương truyền Trạng Bùng Phùng Khắc Khoan đi sứ về, được gặp một nàng tiên trên địa đầu Lạng Sơn, tiên hẹn gặp lại nhau trong đêm trăng sáng trên Hồ Tây, Thăng Long. Đến hẹn, Trạng Bùng cùng mấy người bạn thơ rong thuyền lên bán đảo Tây Hồ, giai nhân, danh sĩ trùng phùng, tiên trần gặp gỡ, xướng họa thi ca, phun châu nhả ngọc, thi ứng tài tình... nơi gặp gỡ ấy sau này được dựng thành phủ thờ để nhớ đến nàng tiên, và đó chính là Bà chúa Liễu.

Ngoài ngày hội chính thức, mở tại Phủ Giầy (huyện Vụ Bản, Nam Hà nơi quê hương của Bà) các ngày 7 - 8 - 9 tháng Ba âm lịch thì phủ thờ Bà quanh năm nhang khói, đông nhất là các ngày sóc vọng, mừng một và rằm theo lịch trăng.

Cũng như Phủ Giầy, Đền Sòng v.v... phủ Tây Hồ vào hội có hầu bóng, một loại hình nghệ thuật dân gian vừa có âm nhạc, vừa có ca hát và vũ điệu với trang phục sắc sỡ, mà điển hình là điệu hát chầu văn đã khá phổ biến hiện nay. Những ngày hội như thế thật khó phân biệt ranh giới đâu là tín ngưỡng thờ Mẫu, người Mẹ Việt Nam và đâu là mê tín dị đoan cần sàng lọc.

Phủ Tây Hồ không có quy mô lớn lắm, nhưng ở vào vị trí mây nước hữu tình, tuyệt đẹp, tạo ra cảm giác lâng lâng, thanh thoát cho khách hành hương mà trong lòng mang niềm tục lụy cần được giải bày, cảm thông và giải tỏa. Phủ có chiều cao vượt lên nhiều ngôi chùa thông thường khác, thờ Ngọc Hoàng Thượng đế có Nam Tào Bắc Đẩu hầu hai bên, có tam Mẫu, đệ nhất là Mẫu Liễu Hạnh, đệ nhị là Mẫu Thượng Ngàn, đệ tam là Mẫu Thoải (tức là Bà chúa Rừng và Bà chúa Nước).

Con đường Nghi Tàm nổi lên vùng Nhật Tân, Quảng Bá, nay gọi là phố Xuân Diệu. Qua làng Nghi Tàm, rẽ trái vào phố Đặng Thai Mai dưới hàng phi lao rì rào ngày đêm, vượt qua khu biệt thự Tây Hồ, quanh co giữa những vườn hoa và quất cảnh, cuối đường ta gặp Phủ Tây Hồ, nằm sát ngay bên sông nước.

Vào đến sân, qua cái cổng có vòm cong, thấy ngay cây vối cổ thụ nằm nghiêng đã mấy trăm năm như con kì lân ngóng ra sông gợn, còn trong phủ là vàng son, nhang khói, tượng Mẫu, tượng Phật, tượng khu Sơn Trang, tượng Cô, tượng Cậu, các quan...

Mẫu Liễu đã “hóa”, đã thành bất tử. Loại trừ phần mê tín, ta gặp ở đây không khí linh thiêng, có phần sầm uất, náo nhiệt

hơn các chùa đền khác, ngay cả chùa Trấn Quốc, Kim Liên gần kia. Thiện nam tín nữ tin vào Mẫu, đến cầu xin và hi vọng, có lúc phải chen nhau, nên nhang khói càng nghi ngút, ngay cả ngoài sân, chỗ có cây chuối thờ, buồng hàng trăm nải, giống chuối ở Phủ Giầy...

Trong tâm linh người Việt Nam, hình như bao giờ cũng có một khoảng dành cho tín ngưỡng thánh linh, tổ tiên, thần phật. Phải chăng vì thế mà Phủ có lúc ồn ã hơn cả nơi đô hội, với đủ thành phần cùng trang phục từ cổ điển đến tân kỳ hiện đại?

Thờ Mẫu Liễu, một bà mẹ chung của người dân Việt, người tài sắc song toàn, đảm lược, lòng lành và đức độ, có cuộc đời giống với bao người phụ nữ bình thường khác, thân phận éo le, gian khó... đã thành phong tục đẹp của dân ta. Không những thế, Phủ Tây Hồ còn ở trên một vị trí cực đẹp, hiếm có, ngay giữa đô thành từng bừng rộn rã mà chỉ ít phút nổ máy xe, đã từ trung tâm Hồ Gươm, đến với Phủ trong bầu không khí hoàn toàn khác.

Đến Phủ, không những là để tỏ lòng thành kính, thực hiện một ý nguyện cầu xin và giải tỏa nỗi niềm, thực hiện một nghi thức tâm linh... mà còn là để thư giãn tinh thần, thăm một cảnh đẹp, có nước mây thoát tục, một danh thắng hiếm có ngay giữa lòng Thủ đô Kẻ Chợ, gặp một chút xưa giữa nay và tạm lắng nay lại để man mác cùng xưa, ru hồn mình vào mong ước tốt đẹp. Đến Phủ còn là điều tốt đẹp cho những ai ít có điều kiện và thì giờ đến những nơi xa xôi như Phủ Giầy (Nam Định), Yên Tử (Quảng Ninh), Chùa Tiên (Lạng Sơn), Kiếp Bạc (Hải Hưng), Non Nước (Ninh Bình) hoặc những danh lam thắng cảnh xa xôi hơn nữa...

Nếu cạnh phố Huế có một Tràng An tự trong ngõ Tràng An tịch mịch, đầu đường Thanh Niên có Quán Thánh trầm tư, rồi

chùa Kim Liên vắng vẻ... thì Phủ Tây Hồ bao giờ cũng rộn rã hơn nhiều.

Cũng không hiểu từ đâu và từ bao giờ, trên đường vào Phủ và ngay trước cổng, mọc lên hàng trăm quán hàng ăn uống và các thứ hàng mua bán khác, trong đó có món ăn Hà Nội: Bún ốc. Nói đến Phủ, người ta nghĩ ngay đến bún ốc quá quen, cũng như nói đến bún ốc, người ta hỏi nhau ngay: Phủ Tây Hồ chẳng? Đã hình thành một dãy phố dài ngay trên bán đảo, trước khi dẫn đến nơi đất thiêng này. Nó chẳng khác nào miếng vá trên tấm áo thiên tiên, cần u huyền thanh tao cho tâm linh bay bổng, nhưng lại níu kéo về mặt đất.

Một vùng Hồ Tây đang tự biến mình thành những cái gì đó có chòm nhọn như những chiếc gai đâm vào nền trời, số phận bán đảo có chịu phần không?

Một lần đến Phủ Tây Hồ, nghe hồn xưa phảng phất vọng về, nghĩ đến tiên cảnh và thế gian, nhớ những anh linh người tài, kẻ sắc, lại được tắm mình vào giai điệu thiên nhiên kì thú... làm người Hà Nội thêm hân hoan về tinh thần. Bởi không ít người đến đây không phải để kêu cầu, không phải để đốt vàng mã...

Phủ Tây Hồ đáng được coi là một di tích lịch sử và văn hóa, là một thắng cảnh của Hà Nội, với những nét đặc biệt của riêng mình.

1997

Chùa Kim Liên

Trong loạt phim Bao Thanh Thiên có lời đề từ thoát ý từ thơ Lí Bạch thời nhà Đường: *“Xưa nay chỉ thấy người nay cười, có ai nghe thấy người xưa khóc đâu...”* . Quả là vậy.

Chúng ta luôn hồi niệm về người xưa, nhưng chỉ thấy dư ảnh trong suy nghĩ, còn bên cạnh ta, dòng thời gian và sống người luôn tuôn chảy, có khi ào ạt cuốn ta đi trong cái mạch đời vùn vũ.

Một hôm nào lãng đãng bước du, ta giả vờ lạc lối đến bên Hồ Tây, gặp một “Bông Sen Vàng” ẩn mình trong cây lá in bóng xuống nước hồ, những gì thức dậy trong ta.

Người Hà Nội vào xuân, thường đi lễ nhiều chùa chiền từ nội phố đến ngoại ô, chùa Kim Liên cũng đón khách thập phương, thiện nam tín nữ, trai thanh gái lịch, cả những ai số mệnh ngặt nghèo, đến cầu lộc, cầu duyên, chen giữa lời khấn nguyện là tiếng nói, câu cười, bước chân êm ả... có ai nghĩ xem nàng công chúa Từ Hoa, con gái yêu của vua Lý Thần Tông, từ thế kỉ mười một, khi xin vua cha cho rời cung cấm ra đây giữa một vùng mây nước, tự mình trồng dâu chăm tằm dệt lụa và dạy dân nghề tằm tang ấy để lập nên giữa hoang vu một làng nghề có tên Nghi Tàm, thì người con gái cao sang quyền quý ấy tại sao lại chịu chia tay với vàng son gấm vóc để lam lũ cỏ cây đồng nước? Vì tình duyên chẳng? Vì nhan sắc không được chim sa, cá lặn chẳng? Hay còn vì lí do nào đó khiến lã chã lệ tuôn... mà nay chúng ta không thể nào biết được.

Theo tư liệu cũ, công chúa Từ Hoa đem theo một số cung nữ ra đây, lập ra trại Tằm Tang. Đến thời nhà Trần, cung Từ Hoa trở thành hoang phế, nhưng cái tên Nghi Tàm vẫn còn, ngôi nhà chắc chắn chỉ là tre lá thành chùa Đống Long thờ Phật. Vua Lê Thánh Tông (thế kỉ XV) qua đây, mến cảnh nước trời, cho dựng hành cung để xem đánh cá, gọi là Quan Ngư. Đến thế kỉ XVII, nơi đây vì có một tấm bia đá lớn nên được gọi là chùa Đại Bi, bia ghi rằng chùa được dựng năm Dương Hòa thứ 5 (1539). Đến thế kỉ XVIII, đời vua Cảnh Hưng nhà Lê, mới bắt đầu có tên chùa Kim Liên, trên bia có đoạn:

“Năm Cảnh Hưng 32 (1771), chúa Tĩnh Vương Trịnh Sâm sai Quận Thieu Phạm Huy Đĩnh và Thái giám Tuân sinh Hầu Nguyễn Khắc Tuân lấy vật liệu từ chùa Bảo Lâm phía tây thành Thăng Long đem thêm vào để dựng chùa, từ đó chính thức có tên chùa Kim Liên...” . Tấm bia do Bùi Huy Bích Tồn Am soạn năm Tự Đức Mậu Thìn 1868. Ngôi tam quan đồ sộ cực đẹp, ít nơi nào có được vẻ đẹp nguy nga lộng lẫy, là được dựng vào dịp này, cả nhà Bái đường và hậu cung như hiện nay.

Theo cuốn *“Hà Nội nửa đầu thế kỉ XX”* của Nguyễn Văn Uẩn thì: *“Chùa Kim Liên là một di tích lịch sử quý giá không những về niên đại mà còn cả về kiến trúc nữa, lối kiến trúc gần gũi với kiến trúc chùa Tây Phương. Chùa lại ở vào một vị trí rất đẹp, chung quanh bốn bề là nước bao bọc một eo đất nhỏ, đường đi vào hẹp mà quanh co. Chùa còn giữ được nhiều tấm bia cổ, tam quan có biển đề “Thanh hư cung”. Hậu đường ngoài tượng các vị sư tổ, còn hai pho tượng ăn mặc có vẻ quan cách, tương truyền là tượng Phạm Huy Đĩnh và Nguyễn Khắc Tuân là những người đứng ra tu sửa...”*

Lần giở mấy dòng như thế, ta lãng đãng hồn mình vào ven cỏ Hồ Tây, nghe con cá chép vàng quẫy trắng như bức tranh cổ Hàng Trống. Cá tìm mãi, tìm suốt đời vành trăng có thực và không có thực, như nàng công chúa cách đây chín trăm năm mờ dần, mờ mãi cho ta niềm u uẩn xót thương con người lập ra ngôi chùa mà đến nay chỉ còn ảo bóng.

Ngôi chùa uy nghi, trầm tịch, tam quan lộng lẫy, bề thế giữa vùng sóng nước có tên nghề tầm tang nhưng không còn một ai theo nghề ấy nữa.

Hàng thế kỉ nay, Nghi Tàm chuyển sang nghề khác. Nghề trồng quất cảnh nổi tiếng cho Hà Nội chơi xuân, quả chín là đà, cành xanh mát rượi, cây nhỏ mà cổ thụ, quả vàng rực thay hoa.

Làng hàng xóm là Yên Phụ có nghề làm giấy màu và nuôi cá vàng thì Nghi Tàm ngoài nghề trồng quất còn có nghề sang trọng, chơi mà phú quý, đó là nghề làm cây thế, chủ yếu trồng ngay trong chậu, bắt cây lớn theo ý người. Ta có thể gặp cây cò tông lá lướn nhiều màu lá. Cây la hán trăm tuổi, cây trắc bách diệp xanh mờ, cây cúc mốc như thoa phấn, cây si già lụ khụ râu dài khoe tuổi, cây lộc vừng quăn quại trong thế đứng trầm tư, rồi trà thâm, bạch trà, hồng trà, rồi lan Ý, trúc Nhật Bản, đến thiết mộc lan, phong lan đủ loại, cây lựu hoa, cây móc điều mỗi cành mấy màu rực rỡ... Có cây có thể cho không, nhưng cũng có cây đổi chục lạng vàng không được.

Từ đê Yên Phụ rẽ tay trái xuống phía hồ đập dềnh sóng, quanh năm qua con đường nhỏ xiu cạnh hồ bơi đã thành hoang phế, lại rẽ trái thêm mấy bước chân ta gặp ngôi tam quan chùa Kim Liên, đóa sen vàng tỏa hương bằng nét kiến trúc tinh xảo tài tình, khiến ta phải sững sờ vì gạch ngói mà thách thức với thời gian hưng phế, vì bàn tay con người trăm năm vẫn in dấu cho đời, vì hồn nàng công chúa xa xưa đã biết chọn đất thiêng để lảng lảng nổi kệ lời kinh...

Không như nhiều ngôi chùa khác trong Hà Nội; Chùa Kim Liên bao giờ cũng mang vẻ thanh u, tịch mịch, không ồn ã quá bởi bước chân trần tục. Người văn cảnh thừa thớt, có lẽ vì nặng nỗi niềm hơn. Thậm chí có người ở Hà Nội mấy chục năm mà chưa một lần đến với Kim Liên. Những chùa Quán Sứ, Bà Đá, Quan Hoa, Trấn Quốc, Hòe Nhai, phủ Tây Hồ, đền Quán Thánh, chùa Hà... thường đông đảo khách xuân hơn.

Mùa đông, đàn chim sâm cầm (thực ra không cần viết chữ chim) không hiểu có di cư từ phương Bắc trở về, và như lời một bài hát: *“Bầy sâm cầm nhỏ vỗ cánh mặt trời...”* có len lỏi trong lau lách đìu hiu, bộ lông màu huyền, cẳng chân khô khảnh lộ ven bờ ai người nhìn thấy? Con chim từng là vật quý tiến vua tận xứ Huế xa xôi mấy trăm dặm đường thiên lí, may mà có ông Lí Chấm người Nghi Tàm bóp chết con chim làm khổ người dân ấy, mới thoát khỏi cảnh ngục lồng, và từ đó, gió bắc đổ về, con chim lang bạt được tự do với sóng hồ, mà nay ít người được gặp chứ đừng nói gì đến ăn thịt nó một cách phũ phàng tàn bạo.

Không phải ai đến Nghi Tàm để ngắm cây và chọn quất cũng đều biết đến để rẽ vào ngôi chùa tráng lệ Kim Liên, thấp nén nhang trước bàn thờ Phật, nhớ một chút mơ hồ đến bóng dáng người xưa nghìn năm bỏ màu vàng son rồng phượng để đến với nâu sồng dân dã, không biết khóc cười ra sao...

Giống như nhiều ngôi chùa khác của Việt Nam, chùa Kim Liên cũng nhiều tượng Phật, trong đó có tượng Quan Âm Nam Hải 42 tay, bàn tay nào cũng nuột nà diễm lệ, tuy so le nhau nhưng vẫn với ra cho chúng sinh mong được cứu vớt một phần thế gian trầm phù số kiếp. Bức hoành phi có chữ Hoàng Uẩn (nghĩa là đạo lí sâu xa) thì vẫn là câu châm ngôn cảnh tỉnh người đời, đừng ăn xổi ở thì, mà phải làm Lành, làm Thiện tu chính đời mình trong nghĩa lí làm người.

Chùa Tây Phương của Thạch Thất, Hà Tây chính là thoát ý từ kiến trúc của chùa Kim Liên, nhưng ở vị thế đẹp hơn, trên núi cao, mây trời lồng lộng, và sinh ra sau, nên có phần nguy nga, lộng lẫy hơn chùa Kim Liên, nằm sát sóng hồ, nơi thiêng liêng để đô thịnh vượng.

Người Hà Nội có thú chơi tao nhã. Gần tết mọi người rủ nhau lên “dinh” đào Nhật Tân để tự mình tưởng mình là Từ Thức hay Lưu Thần, Nguyễn Triệu, lạc lối giữa vạn triệu sắc hoa, rẽ vào Quảng Bá, ngoặt xuống Tứ Liên... chứng kiến cảnh hoa thi với sắc trời, sắc màu rờ rờ khiến bước chân dừng dằng chẳng muốn rời... Trong số tao nhân mặc khách ấy cũng có đôi người tâm thành vào Kim Liên chiêm ngưỡng vết thời gian lắng hồn mình nơi Niết Bàn ngay giữa thế gian, mà chùa thì lúc nào cũng mở rộng tam quan như Phật mở rộng lòng ra cho cả loài người.

Tạm biệt ngôi “Sen Vàng” bên sóng nước, ta mê hay tỉnh, ta thêm chút sức mạnh tâm linh để góp điều thiện tâm vào cuộc sống. “Kim Liên tự” mang lại cho ta điều ấy.

1997

Trấn quốc Hồ Tây

Người Hà Nội không ai lạ gì với đường Cổ Ngư, nay là đường Thanh Niên, một con tàu xanh không bao giờ đắm, nổi lên giữa lòng hai con hồ. Nói cách khác, nó ngăn một mảnh Hồ Tây ra thành Hồ Trúc Bạch. Trúc bạch nguyên là tên một xóm làng xa xưa, nơi các cung nữ bị phế truất hoặc đã già nua phải lưu đầy ra đây trồng dâu, chăn tằm, dệt lụa mà sinh sống, dệt nên thứ lụa trắng muốt đem vào dâng cung vua, phủ chúa, còn thừa bán rộng ra kinh thành. Lụa trắng ấy là Trúc Bạch.

Hồ Tây mênh mông, gió tha hồ phóng túng, mây tha hồ lang thang bóng vào lòng hồ và sương tha hồ bốc lên bảng lảng để thơ và mộng lồng vào nhau, cho giai nhân danh sĩ bao thời làm nơi đi về hò hẹn, có cả Trạng nguyên Phùng Khắc Khoan gặp Bà Chúa Liễu đã thành tiên vẫn nhớ cảnh trần. Hồ rộng đến

hơn năm trăm công mẫu, có lúc mờ ảo sóng bạc đầu, nên còn có tên là hồ Lãng Bạc, Dâm Đàm, Đoái Hồ, Tây Hồ và nay đơn giản: Hồ Tây.

Trong lòng người Hà Nội, đường Thanh Niên, Hồ Trúc Bạch và nhất là Hồ Tây bao giờ cũng chất chứa những điều nao nao tâm sự, lời tỏ tình trong một chiều vàng, bước dạo chơi dưới vòm phượng đỏ, lúc gió tung mái tóc như mây hoặc một đêm trăng gần bó đôi hồn... Mà cũng có thể lên đê con thuyền thoi hai mái chèo trên sóng lướt, thả hồn say sưa phía bờ kia có chùa Kim Liên, có bến Xuân La, Xuân Đỉnh, có bãi rộng “đình” đào Nhật Tân, Nghi Tàm, Quảng Bá...



Hồ Tây cho Hà Nội một hơi thở dài khoan khoái sau khi phải dồn dập, gấp gáp những mệt mỏi đời phồn hoa, cũng từng là li cung, hành doanh bao thuở... và chiều trong, mây vắng còn hiện rõ phía đồi ba đỉnh núi Ba Vì lam tím...

Nhưng Hồ Tây còn đáng nâng niu hơn khi khói hương phảng phất, ta rời đường Thanh Niên, đặt bước giữa hai hàng quân danh dự thẳng vút, đội màu lá như những chiếc dù cởi mở, là hàng cau to óng nuột nà mới có vài chục năm nay, tạm rời khói xăng, bụi bặm để đến với thanh u tịch mịch, mà chẳng cần phải trèo núi xa xôi những dặm trường vất vả: Chùa Trấn Quốc đây mà.

Trấn Quốc có mặt từ thời tiền Lý (544 - 548), đã đến mười lăm thế kỉ. Nguyên chùa ngự tọa ngoài đê con sông Nhị nhưng vì dâu bể, bên lở bên bồi, chùa được di vào đảo Kim Ngư của Hồ Tây và được trùng tu liên tục nhiều đời. Năm 1615 đời vua Lê Kính Tông là đó. Vài trăm năm sau mới có con đê Cổ Ngự, chệch âm thành Cổ Ngự, mới có con đường cong như vành trăng thượng huyền từ Cổ Ngự rẽ vào chùa, mở lối đi về thay cho những con thuyền thúng...

Nào, ta rũ bụi phồn hoa, thả bay đi lo toan lao tâm khổ tứ để vào đây, hoài niệm cùng vườn tháp nhấp nhô cao thấp, nhỏ to lời vang vọng giữa hư vô, nghe rõ tiếng chua me, cỏ ấu đang phập phồng hơi thở dưới chân tháp đầy hơi ẩm sương hồ, nghe lao xao trong gió tiếng mõ cầu kinh đang luận bàn “Sắc sắc không không”. Ra phía trước sân chùa, thả tầm nhìn vào mênh mông sóng biếc, ta đứng dưới gốc bồ đề nguyên sinh ra từ Tây Trúc được Tổng thống Ấn Độ mang đến đây cho cây bén rễ, mang theo màu thiền. Mỗi chiếc lá để có hình tim, cuống nhỏ nên mỏng manh, chỉ phơ phất gió, tim lá đã rung rinh dào dạt như chúc con người mau thành quả phúc cùng thanh sạch.

Cũng giống như hầu hết những ngôi chùa khác trên đất nước Việt mến thương, chùa Trấn Quốc có nhiều lớp, có nhà bái đường, nhiều tượng Phật từ thấp đến cao, từ to đến nhỏ, vàng son lấp lánh, hương khói quanh năm u trầm huyền diệu... Đặc

biệt có pho tượng Thích Ca nhập Niết Bàn bằng gỗ thếp vàng lộng lẫy.

Chùa còn có 14 tấm bia, trong đó có bia của Trạng nguyên Nguyễn Xuân Chính, tiến sĩ Phạm Quý Thích dựng năm 1639 và 1815...

Hòa thượng Kim Cương Tử, ngày thường hay ngồi trên chiếc tràng kỉ có màu nâu bóng lộn, sạch bong để tiếp khách thập phương. Người đôn hậu đổi trao về lẽ đời, lẽ đạo... khi nắng sớm hừng đông tỏa trên ngọn hàng cau, qua nhà Tổ, qua Vườn Tháp, hay chiều buông sương lam đưa hồi chuông thu không lan dần trên mặt hồ bát ngát.

Chùa Trấn Quốc nằm trên bán đảo phía đông của Hồ Tây, nên thuộc đất làng Yên Phụ, nơi có ngôi đình thờ thánh theo chiều dọc hiếm thấy ở các ngôi đình khác. Hàng năm, dân làng tổ chức đám rước từ đình sang chùa rồi từ chùa về làng bằng cả một đoàn thuyền nối đuôi nhau cờ dong trống thúc, từng bưng lễ hội mùa xuân, cho con người tạm rời bến “Mê” để vào cõi “Giác” hoàn tâm, nơi ít năm trước đây, chùa còn thơm hương hoa nơi cái eo hồ xinh xinh, có bậc gạch lên xuống cho khách rửa mặt, rửa tay như rửa sạch lòng trần bằng nước Hồ Tây có xúc nước sen thơm.

Mùa đông, cây đề nguyên gốc bên Tây Trúc, rụng lá để chờ mùa xuân rắc mưa như rắc lộc non từ trên trời cao xuống những cành tường như khô héo trong gió lộng bốn bên hồ.

Người vào chùa Trấn Quốc, ngoài việc thành tâm lễ Phật, còn là để có một chút ngao du ngắn, được thăm một danh lam nổi lên thanh bình giữa ngàn vạn ồn ào tất bật, Tịch mịch ngay giữa lòng thành phố, cái đáng quý còn đáng được bình phương lên nữa.

Cánh võng những thời xa, và xe cộ giong tiếng máy bây giờ... xin cứ để nó nằm nghỉ bên bờ cỏ phía ngoài con đường đắp nổi, dưới chân cây phượng lẫn tẩn xanh. Chỉ mang vào chùa trái tim khát thèm được thánh thiện, mang đôi mắt đợi chờ được thêm sáng láng mà chùa như một ngôi chùa gắn vào hòn non bộ vĩ đại là cảnh trí của phía tây kinh thành đã trải bấy thời gian, có khi đã qua bốn chục kiếp người.

Trai thanh, gái lịch tha hồ lên con tàu ăn uống dập dềnh. Đôi người nào say đắm tha hồ ngồi dưới bóng cây đa búp đỏ cổ thụ của quán nước ngon làng. Các em học trò cứ phấp phới tà áo dài trắng như mây, như bướm, như gió, như hoa, lượn quanh chỗ tượng đài kỉ niệm ngày chiến thắng bắt sống tên giặc lái máy bay. Còn cụ già tha hồ thanh thản rải chiếc chiếu dưới rặng ngọc lan nghe gió Hồ Trúc Bạch hòa gió Hồ Tây, bập bênh những làn sương mờ ảo như đã bao đời...



Chiều Trấn Quốc. Trời bình lặng. Hồ như một lão tăng chân tu, ngồi thiền trong hoàng hôn, lắng nghe câu kệ giữa bốn bề mây nước, dù phế hưng vẫn rộn rã những nẻo nào...

Hà Nội vẫn may mắn còn rất nhiều chùa chiền, đền miếu. Nào Kim Liên, Một Cột, Liên Phái, Quán Sứ, Thái Cam... Nào đền Quán Thánh, Bích Câu đạo quán, nào đền Bạch Mã, đền Lý Quốc Sư..

Riêng Trấn Quốc vẫn thuộc loại chùa cổ nhất, như đã đặc đạo trên đường tu luyện mà mặt nước Hồ Tây đầy huyền thoại cáo trắng, trâu vàng chứng quả. Chùa không nhiều bậc đá rêu phong, hay núi non trùng điệp, nhưng thật yên bình cùng sóng nước ngân nga, vẫn có thể có tâm hồn ta giọt nước cành dương, rửa đi một phần thế tục, để làm Lành làm Thiện với nhân gian...

1997

Đường Vua đi

Tám chín thế kỉ kinh đô, một vùng làng cổ, lau sậy hoang vu với đầm hồ rau lúa, có con cáo trắng, rùa thiêng, trâu vàng, bạch mã, cả thần cây đa, ma cây gạo... rồi mọc lên thành quách lâu đài, thềm thang đình tạ mái cong cửa cuốn, đường quan ngựa trạm phi bay... từ rốn con rồng (Long Đỗ) có tường thành Đại La của một Luy Lâu tướng Cao Biền yểm bùa lấy bảy dãy non... mà con Rồng Vàng bay lên Cấm Thành uy nghiêm bí mật thâm cung. Hoàng Thành tấp nập ngựa voi, đô thành rộn ràng chợ búa, cánh võng xanh xang... qua thăng trầm mưa gió, những ghèn thác lòng người, máu loang giặc giã, lửa loạn kiêu binh... cho Kinh Đô Đại Việt chỉ còn là trấn Bắc Thanh với đô thị nằm gọn phía trong sông, ngoài kia Mẹ Hồng Hà, Phú Lương, dòng Nhị lượn quanh đe quai vạc như cái vành tai, nên con sông

mang tên ấy: Nhĩ Hà, chứng kiến bể dâu chìm nổi trải suốt thiên niên kỉ sắp tròn.

Những triều đại dấy lên, tồn tại, lụi tàn, xô nghiêng thế núi hình sông, bao minh quân, bạo chúa... Hẳn những Cửu Trùng, Bệ Ngọc Ngai cao ấy không thể suốt một đời chỉ ngồi im trên vàng son thâm u kín mít, mà phải bước vào đời sống dân gian, công cán hay vi hành bằng đôi hài xảo bện rơm hay đôi ủng đôi hài thêu vàng chạm ngọc.

Đường vua đi xuất hiện thế chẳng?

Người con gái đứng tựa gốc cây lan, hái dâu hay cắt cỏ, dải yếm phất phơ, váy ba bức yêu kiều, ồm ờ cất lên câu hát trữ tình trên cột:

Tay cầm bán nguyệt xanh xang

Một trăm thức cỏ lai hàng tay ta...

để nhà vua phải dừng kiệu, để con ngựa phải cúi đầu hí dài tức vó, để thốt voi phải cong vòi gầm lên câu mừng rỡ duyên ai. Con đường vua đi dẫn nàng Ý Lan về cung đã có những rặng cây truyền thống: Đông Hòe, Tây Liễu (còn dấu tích Hòe Nhai và Liễu Giai kia) chưa, hay mới chỉ có giang đầu, bến đá.

Nhà vua trẻ tuổi đa tình đầu mảy cuối mắt. Cô trinh nữ thôn dân cũng long lanh đôi ngọc bồ câu đắm đuối. Đôi trai anh hùng, gái thuyền duyên sánh vai trên những con đường nào của một Thăng Long đầy những nhà tranh mái lá, đường đất gập ghềnh, đá củ đậu xước chân nghèo, ngõ quanh lầy lội?

Con chó mẹ và đàn chó con (Cẩu Mẫu, Cẩu Nhi) mang trên lưng chữ Vương tượng hình chạy từ thôn Cổ Pháp về làm ổ giữa Đại La, đã làm gì có quán bánh tôm trên đường Cổ Ngự như một chiếc lô cốt bê tông giam gió lại, khóa mây trời vào cốt thép như ngày nay. Nhà vua đi ngựa hay bơi thuyền rồng, áo

bào bay tung lên khi người giờ cánh tay thụng ra chỉ sóng mặt hồ Trúc Bạch để lập đền thờ, không quên ơn cả loài vật có công giúp đỡ thuở hàn vi, suốt một đời chỉ biết trung thành.

Những đời vua nào đã động lòng trắc ẩn tình xưa, một lần đến đây thăm lãnh cung, gặp lại người phi tần, cung nữ bất hạnh già nua, tạ tàn nhan sắc, phải tự trồng dâu dệt lấy tấm lụa trắng mà mặc bên gò Mỏ Phượng có rặng trúc la đà, có canh gà thốn thức, có tiếng xa quay như mưa thu rả rích bên những người đàn bà chỉ còn biết thở than:

Cái đêm hôm ấy đêm gì

Bóng dương lồng bóng trà mi trập trùng...

xa lắc xa lơ, nay chỉ còn là hư ảo mộng lung khôn khuây. Nhà vua dừng lại chỗ nào, quắc mắt hay thở dài? Xót thương hay phũ tay tàn nhẫn? Để sau cùng mọc lên trên đường vua đi mấy trăm năm sau một nhà máy gạch lợm mùi khói, khiến mái chùa Trần Quốc phía hồ bên kia như lùn đi, lả xuống với Tây Hồ đầy những hoàng hôn...

Con đường từ Cấm Thành ra với mùa xuân tre lúa, thửa ruộng nào được đón chân vua lội xuống thả một đường cày tượng trưng mong phong đăng hòa cốc cho dân chúng? Tịch điền đã chìm khuất qua hàng nghìn vụ bão tố, lụt lội, hạn hán, trôi giạt dưới những móng nhà toàn xi măng sỏi đá có tầng hầm hay vẫn còn trên những trang sử biên niên nằm trong kho lưu trữ...

Vua là Con Trời - Thiên Tử nên vua cũng phải làm lễ tế trời lay đất. Đàn Xã Đàn Tắc, Đàn Nam Giao còn phảng phất khói hương kia, ba bậc đất son già cao vợi. Vua đi, nào nhã nhạc phía trước, nào quần thần phía sau, nào voi ngựa dẹp đường, nào lễ tam sinh, vật phẩm thời trân khiêng gánh với rượu vò xôi ván. Đường vua đi từ bộ rồng đến Nam Giao phải qua nơi trai

giới, phải thay xiêm y thường bằng lễ phục. Vua ghé vào hàng quán hay ngôi chùa mộc mạc cổ sơ để thay đổi, cho ngày nay còn một phố Hòa Mã (mà nguyên là Đồi Mã), (mã là cái vỏ bề ngoài, tiếng cổ, như tốt mã, chứ không phải là mã - con ngựa như trên tấm bia Hạ Mã trước cửa hai bên Văn Miếu) đang ngập tràn hàng vải hàng lụa tân kì. Nếu nhà vua sống lại hẳn cũng choáng mắt không ngờ, khi thấy đàn bà con gái mặc váy, cười bình bịch hếch lên, thay cho hình dáng người thực nữ ngồi xếp chân tẽ sen ướp trà trong cảnh khẽ khàng nửa tối, nửa sáng qua cửa tò vò, vào thưa ra gửi như tiếng hát.

Đàn Nam Giao được vua đặt những bước chân, cúi đầu, châm lên bó nhang thiêng xin đất trời chứng kiến lòng thành... đã bị san bằng biến thành nhà máy diêm, nơi xò ra tia lửa, những tia lửa đời thường chúng dân và đốt lên thành lợi nhuận cho cái két người nước ngoài. Thời gian vùn chuyễn, nó thành nhà máy cơ khí Trần Hưng Đạo (cũng chẳng biết cơ khí và Đức Thánh Trần có liên quan gì với nhau không, chắc Tiết Chế Quốc Công Trần Quốc Tuấn chưa hề biết đến cái máy bơm hay trục bánh xe tàu hỏa). Cũng có luyện gang nung sắt, làm ra máy nọ guồng kia nhưng dăm bảy năm nay nó thoi thóp chỉ còn thấy ba bề bốn bên vây quanh bằng những quán bia tươi, bia héo, đầy những nộm chua mực nướng, môi uống, miệng tu. Con đường vua đi qua mấy trăm năm, đã tàng hình vào hiện đại, bên kia đường nhựa, khuôn viên ngôi chùa làng Vân, làng Hồ có xá lị hay không có xá lị chỉ còn xào xạc lá chuối những đêm trăng...

Thương cho một ông vua nhà Lý trên con đường đi vào cõi tịch mịch khôn cùng, con đường uất hận, phải chui qua khuôn cửa đục xuyên tường, mà người con gái non nớt mới tám tuổi đầu không cứu nổi vua cha, đành cam phận nghe câu nói nào: “Nhỏ cỏ phải nhỏ cho sạch rễ” cùng với tiếng sập hầm trong

bữa yến, đời sau như còn nghe lẫn vào nhịp xe lửa rầm rầm chạy trên phố Cổng Đục hẹp một sải tay, giống như đường thôn Bát Tràng, hay Thổ Hà ghép bằng tiểu sành gốm vỡ.

Sông Hồng cuộn cuộn từng đôi dòng, bao nhiêu sóng nước đổ vào biển Đông xanh biếc, Hồ Tây là con đẻ của dòng sông. Bờ kia, ngôi đền Đồng Cổ, mừng 4 Tết, vua quan làm lễ thề nguyện. Đường vua đi đến đền thưở ấy còn chưa có chùa Châu Lâm, nơi giam giữ tù binh, chưa có làng Bưởi, trường Bưởi, khi tiếng trống đồng vang lên rằng: “Ai không trung thành thì trời tru đất diệt...” Vua đứng ngời ra sao? Trên đường về, trời đất đầy xuân, không gian đầy tết, ai quỳ xuống không dám nhìn thẳng “mặt rồng”?

Hưng thịnh tồn vong. Một thời nào. Vua và Thái Thượng Hoàng phải ra bến sông lên thuyền rút khỏi đế đô tránh thế giặc đang cuồng, chờ lúc giặc mỏi, ta nhàn mới theo kế hoạch của Hưng Đạo Đại Vương mà thu lại giang sơn. Cảnh ấy thế nào? Tản cư, sơ tán? Lếch thếch bầu đoàn, ngựa xe xộc xệch, tay nải quang gánh... có thể đã là diễn lại mấy trăm năm sau khi tiếng thần công làng Láng nổ giòn đêm tháng Chạp 1946 hay trận Điện Biên Phủ trên không tháng Chạp 1972. Con ngựa nào phi về hướng Nam trên đường thiên lí chở theo ai, còn Hưng Đạo Đại Vương chặn thù, rút ra bến Đông Bộ Đầu có người tì tướng trung thành Yết Kiêu cầm sào chờ đợi chủ tướng của mình suốt đêm sương giá. Con đường vua phải ra đi là để trở về, vượt những rừng mai nở, những Hồng Mai, Hoàng Mai, Bạch Mai, Thanh Mai, Mai Động, đến giờ lại lưu giữ hình hài người anh hùng mới: Hoàng Văn Thụ, có tên tuổi một nữ chiến sĩ Minh Khai, một tiếng yêu nước Trương Định...

Điện Diên Hồng nằm ở đâu? Mong sao có ngày nhà khảo cổ tìm ra nền điện, nơi bô lão tay chống gậy trúc, thất lưng đeo bầu rượu, tóc trắng bông, quần áo đỏ, nước da lam lũ ruộm

đồng cùng hô câu “Quyết đánh” khiến sau mấy trăm năm cũng trên miền đất này, câu ấy biến thành chân lí: Thà chết chứ không làm nô lệ.

Sông Nhĩ cứ trôi, qua bến Chương Dương, qua cửa Hàm Tử, vượt ngôi đền Đa Hòa thờ đôi trai gái yêu nhau trong tình cờ số mệnh nàng là công chúa rong chơi, chàng là dân chài không tác vãi che thân, có lẽ đó là ngôi đền duy nhất không thờ danh tướng lương thần mà lại thờ một tình yêu.

Những con đường vua đi, nay dân thường chúng ta qua lại. Hình như mỗi bước chân ta đều chạm vào lịch sử từ bờ đê cỏ may đến một gương ao, một hàng tre, một bóng nhà, viên sỏi... Vua hắc từng đến Văn Miếu nghe bình văn, ra phía tây kinh thành xem giảng võ. Từng có một cái Đấu Đông trên bờ sông Tô Lịch chỉ mới lặn vào hư vô vài chục năm nay, đáng tiếc cho một di tích lịch sử. Đó là những lúc nào “Nửa đêm truyền hịch” không đếm xuể số quân, phải dồn vào từng đấu mà đông người, rồi cộng lại, nhân lên. Đó là những người lính chân đất, áo nẹp xanh nẹp đỏ, nón dẫu, xà cạp quấn chân, tay giáo gươm, họ chết vì nước, ra đi trong tiếng gà mờ sương, qua chiếc Đấu Đông người, vào trận. Con đường từ Cầu Giấy lên Chợ Bưởi ấy nay chỉ toàn bán tre vầu, nửa lá bện bề.

Chợt thức lại câu đồng dao náo nức nghe như nhịp vó câu nhạc ngựa, nhịp quân đi: *“Nhong nhong ngựa Ông đã về, cắt cỏ Bồ Đề cho ngựa Ông ăn...”*

Cái lầu cao chót vót, lên đó bằng thang tre, bốn cột hay sáu cột? Phía dưới là Sao Khuê Nguyễn Trãi, tầng trên là Ông, là Bình Định Vương Lê Lợi.

Lê Thái Tổ. Người ngồi dưới tìm mưu lược, lo từ hàn. Ông phía trên nhìn vào thành xem động tĩnh quân giặc. Cố đô là của ta, có những con đường các bậc tiên đế từng qua, không thể để

quân thù lộng hành tác quái. Con ngựa của Ông buộc gần đầu đây mặc sức nhai những bó cỏ ngon do dân dâng tặng. Gia Lâm, Ái Mỗ đây chẳng, xa phía trên là ngã ba sông Đuống, xuôi xuống dưới là Vĩnh Tuy, Thanh Trì, ta cứ ngỡ bước chân mình vừa đặt khít lên bước chân vua xưa vương lại.

Khi nhà vua bước lên con thuyền để luyện quân hội tướng, thuyền vua lướt đi trên mặt sóng hồ Lục Thủy, Tả Vọng, Hữu Vọng, Thủy Quân sao có thần Rùa nổi lên nhận kiếm về hồ để thành huyền thoại Hồ Hoàn Kiếm nghìn đời. Hẳn là vua phải bước xuống thuyền từ một bậc đá xanh nào hay một mô đất ngọn cỏ nào bên mép nước, chỗ ấy là đâu? Chỗ cây lộc vừng hay cây gạo, chỗ đời sau Thần Siêu đã đắp lên Tháp Bút Đài Nghiên, bắc cầu son như chiếc lược hồng ngọc... hay cũng là chỗ Thủy Tả mà gần đây người ta hủy cả di tích nơi Bác Hồ làm việc, bán đất cho nước ngoài làm hàng ăn, quán ngủ gọi là Khách sạn Vàng, không hiểu vàng thật hay vàng Mỹ Kí, vàng do hoa lá tạo ra hay chỉ là một thứ màu gì đó...

Ngõ Huy Văn sinh ra ông vua thi sĩ Thánh Tông. Cậu bé hoàng tử ấy đùa chơi cùng bao đứa trẻ có tóc trái đào, cun cút, những con nhà nghèo chân đất áo thô, sao mà giống trước kia cậu bé Linh Lang vật nhau xuyết thua thì nhà vua bật lên câu nói “Con ta đấy”, khiến cậu bé cười trần đen trùi trũi xuyết thắng, phải bỏ chạy, còn bé xuyết thua được chính thức công nhận là hoàng tử, còn đền thờ gọi là Voi Phục trên đất làng Thủ Lệ.

Nay, nơi ngõ sinh ra con vua, nơi đền thờ Mẹ vua, dân thường ta trú ngụ, dạo chơi, làm ăn tần tảo hay nghe chim hót vượn kêu, ngắm trăng sân thượng bông bênh hoặc thả thuyền vào hồ dài thơ mộng...

Thời gian quả là phép lạ. Vận nước và mệnh người cho ta được đổi đời, không còn phải đóng chặt cửa, quỳ rạp trên

đường vua đi, mà cứ phơi phơi thanh xuân, từng bừng nhạc hội, ngừng cao đầu cùng với Thủ đô, ngang hàng với mọi địa danh trên hoàn vũ.

Xuôi Nam hay ngược Bắc ta còn nghe thấy gió bay cờ của người anh hùng áo vải cờ đào, qua Hà Nội, Ngọc Hồi bằng thế chẻ tre, ngói tan chớp giạt, sấm vang để áo bào đầu voi xạm khói lửa ngày khai hạ giữa đô thành. Chỗ cầu Chương Dương bốn làn xe rộng tự ta thiết kế thi công có phải là chỗ chum lên cầu phao Tôn Sĩ Nghị gãy chìm? Cũng cứ băng quơ mà hỏi chỗ nào là chỗ Công chúa Ngọc Hân mười sáu tuổi làm lễ tơ hồng vu quy, còn ông vua ngoài ba mươi tuổi không ngờ lại được làm chủ một kho báu Bắc Hà: Vừa cành vàng lá ngọc vừa nữ thi sĩ tài hoa. Sau này, chính nàng đã khóc chồng bằng bài thơ “*Ai tư vãn*” khiến nghìn đời sau còn thổn thức, cảm thương...

Đường vua đi nay dân chúng thường đi. Không thể ghi hết được nhìn năm bao nhiêu gót giày trên đất kinh thành uy phong và tài tử. Hà Nội của mình đây. Ta chẳng ước mơ mà cũng chẳng thể nào được làm vua (dù nhất dạ) nhưng ta đang được đi trên những con đường vua đi, trên đất kinh thành nay là Thủ đô của nước Việt Nam hoàn toàn đổi khác. Trong bước chúng ta, ai làm cho con đường thêm đẹp, ai thì ngược lại? Cứ tự suy ngẫm mà xem.

Thời gian tích lũy lại không phải bằng những tấm lịch đầy mạng nhện mà bằng sự hun nóng cho than đá hóa kim cương, bằng những vòng tròn thớ gỗ trong cây mà mỗi mùa xuân tích lũy từng bừng, mỗi thu đổ lá vàng thương nhớ...

Ta đứng dưới bóng mát hàng muỗm cổ thụ đền Quán Thánh, ta bước lên bậc xây chùa Diên Hựu (tên chữ của chùa Một Cột) ta tự tĩnh lặng trong ngõ Tràng An, ta sờ tay vào lưng con rồng đá mát lạnh nơi xưa là Điện Kính Thiên, ta vào chợ Cửa Nam

xưa là cửa Đại Hưng, nơi cửa thành niêm yết các lệnh nhà vua hay quan Phủ Doãn. Ta đi trên đường vua đi, cảm thấy lâng lâng được sinh ra, lớn lớn trong kỉ đại đầy tiếp nối.

Đường đã khác xưa nhiều, nhưng vẫn là nằm trên cái nền mờ tỏ của bao đời tạo dựng. Xưa là vua nay là ta.

Trời chứ chuyển gió. Màu cờ đã mới như thân ta đã mới. Nhưng có lẽ từ sâu thẳm, hồn ta vẫn Việt Nam, như vua xưa ta nay vẫn chung nhịp rung động trên suốt những dặm dài non nước.

Rồi nghìn năm sau nữa sẽ có ai đó nghĩ như ta nay, bởi nghìn năm trước những ai từng đi trên những con đường lúc đó họ đang đi và để lại đến nay cho ta đi.

Cũng chưa biết thế nào, những con đường xưa vua đi và nay là chúng ta đi.

Tháng 8/1996



NHÀ XUẤT BẢN KIM ĐỒNG

55 Quang Trung, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội

ĐT: (04) 3 943 4730 - 3 942 8632 - Fax: (04) 3 822 9085

Website: www.nxbkimdong.com.vn - Email:
kimdong@hn.vnn.vn

CHI NHÁNH NXB KIM ĐỒNG TẠI MIỀN TRUNG

102 Ông Ích Khiêm, TP. Đà Nẵng

ĐT: (0511) 3 812 335 - Fax: (0511) 3 812 334

Email: cnkimdongmt@nxbkimdong.com.vn

CHI NHÁNH NXB KIM ĐỒNG TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

276 Nguyễn Đình Chiểu, Q.3, TP. Hồ Chí Minh

ĐT: (08) 3 930 3447 - Fax: (08) 3 930 5867

Email: cnkimdong@nxbkimdong.com.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản: PHẠM QUANG VINH

Chịu trách nhiệm bản thảo: NGUYỄN HUY THẮNG

Biên tập: NGUYỄN THÚY LOAN

Trình bày: TÔ HỒNG THỦY

Sửa bài: NGUYỄN THỊ NHUNG

In 1.500 bản - Khổ 14 cm x 22.5 cm

Tại Công ty TNHH In và DVTM Phú Thịnh

Đăng ký kế hoạch xuất bản số: 05-2013/CXB/22-170/KĐ cấp
ngày 18/12/2012

Quyết định xuất bản số: 284/QĐKĐ kí ngày 9/8/2013

In xong và nộp lưu chiểu tháng 8/2013

Ha Noi rong ruoi quan quanh

Table of Contents

[Title](#)

[Tượng Vua Lê Bên Hồ gươm](#)

[Cây bàng Hà nội](#)

[Chợ đông xuân](#)

[Trước Thềm xuân](#)

[Những ai Hà nội](#)

[Tứ Trấn](#)

[Bến xuân](#)

[Những dặm đường xuân](#)

[Rong ruổi quần quanh](#)

[Màu xanh quanh Hồ Gươm](#)

[Mùa Hoa Phượng](#)

[Từ ga xép... Khởi Hành](#)

[Lời chúc mở đường](#)

[Trên những nẻo đường](#)

Ùn Tắc giao thông

Hoa gạo - Lời kêu cứu

Con đường người bạn thân nhà báo

Em của Hồ gươm

Trường đại học đầu tiên của nước ta Văn Miếu - Quốc
Tử Giám

Muồng Vàng sắc nắng

Hồ Trúc Bạch

Hồ Tây gương mặt mỹ nhân

Yên Phụ - ngôi đình thờ dọc (1)

Quán Hoa

Vườn Hoa... người bạn

Hồ nước oan khiên

Trắng muốt hoa sữa

Tượng đài dựng ở đâu

Đá xanh hè phố

Phủ Tây Hồ

Chùa Kim Liên

Trần quốc Hồ Tây

Đường Vua đi